BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP.HCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Kèm theo QĐ số: 4813 /QĐ-DCT ngày 27 tháng 10 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công Thương Tp. Hồ Chí Minh)

2026_Đợt xét tốt nghiệp Tháng 10

Hệ : Đại học Chính quy

Ngành: Công nghệ thực phẩm

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Bằng tốt nghiệp	Tỷ lệ học lại	TC TK	TC TL	TBCTL	Xếp loại TN	Ghi chú
1	2005220001	RO PHI	ÁH	Nữ	06/04/2004	13DHTP06	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,13	Khá	
2	2005220038	TRẦN DĨ	AN	Nữ	23/07/2004	13DHTP01	Kỹ sư	0,00%	161	163	3,36	Giỏi	
3	2005220274	TRẦN QUỲNH BẢO	ÂN	Nữ	25/09/2004	13DHTP03	Kỹ sư	0,62%	161	161	3,17	Khá	
4	2005220142	LÊ THỊ MINH	ANH	Nữ	05/12/2004	13DHTP02	Kỹ sư	1,24%	161	161	3,29	Giỏi	
5	2005220091	PHÙNG NGỌC THẢO	ANH	Nữ	10/04/2004	13DHTP01	Kỹ sư	0,00%	161	165	3,12	Khá	
6	2005220171	TRẦN HOÀNG	ANH	Nữ	17/10/2004	13DHTP03	Kỹ sư	0,62%	161	161	3,26	Giỏi	
7	2005220172	TRẦN MINH	ANH	Nữ	08/10/2004	13DHTP05	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,63	Xuất sắc	
8	2005220254	LÊ THỊ NGỌC	ÁNH	Nữ	23/01/2004	13DHTP05	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,42	Giỏi	
9	2005220247	NGUYỄN THỊ NGỌC	ÁNH	Nữ	15/08/2004	13DHTP06	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,58	Giỏi	
10	2005210481	NGUYỄN NGỌC THÁI	BẢO	Nam	18/04/2003	12DHTP02	Kỹ sư	4,64%	151	152	3,01	Khá	
11	2005220377	BƠ NAH RIA PRONG	BÍCH	Nữ	14/12/2004	13DHTP04_CN	Cử nhân	0,76%	131	131	2,84	Khá	
12	2005220410	NGUYỄN THỊ	CẢNH	Nữ	09/02/2004	13DHTP06	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,33	Giỏi	
13	2005220415	TRẦN VĂN	CAO	Nam	02/07/2004	13DHTP05	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,50	Giỏi	
14	2005220493	TRẦN NGỌC BẢO	CHÂU	Nữ	11/10/2004	13DHTP02	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,46	Giỏi	
15	2005220488	TRẦN NGỌC TRÂN	CHÂU	Nữ	11/10/2004	13DHTP02	Kỹ sư	0,00%	161	162	3,34	Giỏi	
16	2005208329	NGUYỄN MINH	CÔNG	Nam	10/10/2002	11DHTP14	Kỹ sư	9,93%	151	157	3,04	Khá	
17	2005220453	NGUYỄN THANH	CƯỜNG	Nam	24/07/2004	13DHTP05	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,20	Giỏi	
18	2005220952	ĐỒNG THỊ HẢI	ĐĂNG	Nữ	03/08/2004	13DHTP01	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,39	Giỏi	
19	2005220875	CAO TRUNG	ĐẠT	Nam	09/11/2004	13DHTP04	Kỹ sư	0,00%	161	163	3,63	Xuất sắc	

20	2005220881	TRẦN ĐÌNH	ĐẠT	Nam	19/10/2004	13DHTP03_CN	Cử nhân	0,76%	131	131	2,98	Khá	
21	2005220986	NGUYỄN NHÃ	ĐOAN	Nữ	28/02/2004	13DHTP02	Kỹ sư	0,00%	161	164	3,21	Giỏi	
22	2005220628	HỒ PHÙNG THANH	DOANH	Nữ	18/02/2004	13DHTP03	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,14	Khá	
23	2005220627	QUÁCH QUÂN	DOANH	Nữ	10/07/2004	13DHTP03	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,22	Giỏi	
24	2005220638	VÕ THỊ PHƯƠNG	DU	Nữ	26/01/2004	13DHTP05	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,49	Giỏi	
25	2005220657	ĐẶNG THỊ THUỲ	DUNG	Nữ	22/08/2001	13DHTP01	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,30	Giỏi	
26	2005220653	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	DUNG	Nữ	12/04/2004	13DHTP01	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,38	Giỏi	
27	2005220812	NGUYỄN THỊ THÙY	DƯƠNG	Nữ	15/02/2004	13DHTP04_CN	Cử nhân	0,00%	131	132	2,73	Khá	
28	2005220823	NGUYỄN THÙY	DƯƠNG	Nữ	10/05/2004	13DHTP03_CN	Cử nhân	0,76%	131	131	2,63	Khá	
29	2005217894	NGUYỄN VĂN KHÁNH	DUY	Nam	17/06/2003	12DHTP08	Kỹ sư	1,32%	151	151	2,55	Khá	
30	2005220785	ĐẶNG NGỌC PHƯƠNG	DUYÊN	Nữ	22/03/2004	13DHTP04	Kỹ sư	1,86%	161	161	3,18	Khá	
31	2005220783	ĐÀO THỊ THÙY	DUYÊN	Nữ	12/02/2004	13DHTP01	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,63	Xuất sắc	
32	2005220782	HUỲNH THỊ CẨM	DUYÊN	Nữ	28/07/2004	13DHTP02	Kỹ sư	0,00%	161	164	3,35	Giỏi	
33	2005220765	LƯU THỊ NGỌC	DUYÊN	Nữ	26/02/2004	13DHTP05	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,57	Giỏi	
34	2005221094	LÊ THỊ	HÀ	Nữ	01/01/2004	13DHTP01	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,47	Giỏi	
35	2005221145	NGUYỄN NGỌC	HẢI	Nam	07/11/2004	13DHTP06	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,00	Khá	
36	2005221286	NGUYỄN CAO NGỌC	HÂN	Nữ	11/08/2004	13DHTP05	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,50	Giỏi	
37	2005221225	TRẦN THỊ THU	HẰNG	Nữ	06/04/2004	13DHTP06	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,32	Giỏi	
38	2005221212	TRẦN THỊ THÚY	HẰNG	Nữ	12/11/2004	13DHTP06	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,31	Giỏi	
39	2005221169	NGUYỄN THỊ MỸ	HẠNH	Nữ	24/09/2004	13DHTP_TD	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,68	Xuất sắc	
40	2005221176	NGUYỄN THỊ HỒNG	HÀO	Nữ	24/03/2004	13DHTP03	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,67	Xuất sắc	
41	2005221205	PHẠM THỊ	HẠT	Nữ	05/11/2004	13DHTP05	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,49	Giỏi	
42	2005221364	NGUYỄN THỊ THÚY	HIỀN	Nữ	14/12/2004	13DHTP04	Kỹ sư	0,00%	161	163	2,89	Khá	
43	2005221354	NGUYỄN VÕ THANH	HIỀN	Nữ	13/01/2004	13DHTP06	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,22	Giỏi	
44	2005221389	ĐINH THÁI	HIỆP	Nam	25/01/2004	13DHTP05	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,30	Giỏi	
45	2005221404	NGUYỄN KIM	HIẾU	Nam	13/12/2004	13DHTP01_CN	Cử nhân	1,53%	131	131	3,29	Giỏi	

46	2005221458	NGUYỄN HỮU	HÒA	Nam	21/11/2003	13DHTP_TD	Kỹ sư	0,00%	161	164	3,86	Xuất sắc	
47	2005221468	NGUYỄN PHƯỚC	HOÀI	Nam	03/01/2004	13DHTP01	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,21	Giỏi	
48	2005221495	ĐỖ VĂN	HOÀNG	Nam	21/07/2004	13DHTP05	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,37	Giỏi	
49	2005221481	HỒ TẤN	HOÀNG	Nam	19/02/2004	13DHTP01	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,42	Giỏi	
50	2005221487	NGUYỄN NGỌC KIM	HOÀNG	Nữ	14/05/2004	13DHTP03	Kỹ sư	1,24%	161	161	3,34	Giỏi	
51	2005221545	NGUYỄN CỬU	HUÂN	Nam	15/09/2004	13DHTP04_CN	Cử nhân	0,00%	131	131	2,91	Khá	
52	2005221568	NGUYỄN HOÀNG	HÙNG	Nam	24/01/2004	13DHTP06	Kỹ sư	1,24%	161	161	2,82	Khá	
53	2005221830	NGUYỄN KIỀU YẾN	HƯƠNG	Nữ	27/11/2004	13DHTP05	Kỹ sư	1,24%	161	161	3,16	Khá	
54	2005221865	LÊ VĂN	HỮU	Nam	24/08/2004	13DHTP02	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,53	Giỏi	
55	2005221641	HOÀNG GIA	HUY	Nam	27/03/2003	13DHTP_TD	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,83	Xuất sắc	
56	2005221656	NGUYỄN GIA	HUY	Nam	05/03/2004	13DHTP01	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,82	Xuất sắc	
57	2005221603	TRẦN QUỐC	HUY	Nam	07/12/2004	13DHTP05	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,09	Khá	
58	2005221592	VÕ THANH	HUY	Nam	20/01/2004	13DHTP_TD	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,29	Giỏi	
59	2005221745	TRỊNH THỊ BÍCH	HUYỀN	Nữ	16/03/2004	13DHTP02	Kỹ sư	0,00%	161	164	3,47	Giỏi	
60	2005221866	LÊ NGỌC	HY	Nam	02/10/2004	13DHTP04	Kỹ sư	0,00%	161	161	2,95	Khá	
61	2005221990	NGÔ YẾN	KHANG	Nữ	13/07/2004	13DHTP04	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,11	Khá	
62	2005222057	LÊ MINH	KHÁNH	Nam	02/04/2003	13DHTP06	Kỹ sư	3,73%	161	162	3,31	Giỏi	
63	2005222065	LÊ NGỌC NHƯ	KHÁNH	Nữ	03/09/2004	13DHTP03	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,70	Xuất sắc	
64	2005222109	NGUYỄN NGỌC ĐĂNG	KHOA	Nam	11/07/2004	13DHTP01	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,48	Giỏi	
65	2005222148	HUỲNH MINH	KHÔI	Nam	14/02/2004	13DHTP01	Kỹ sư	0,00%	161	164	3,15	Khá	
66	2005221940	NGUYỄN THỊ MỸ	KIM	Nữ	26/11/2004	13DHTP04	Kỹ sư	1,24%	161	161	2,80	Khá	
67	2005222173	VÕ HIẾU	LAM	Nữ	07/04/2004	13DHTP05	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,31	Giỏi	
68	2005222211	LÃ XUÂN	LÂM	Nam	15/09/2004	13DHTP05	Kỹ sư	0,00%	161	161	2,76	Khá	
69	2005222213	NGUYỄN CAO CHI	LÂM	Nữ	23/01/2004	13DHTP05	Kỹ sư	0,00%	161	161	2,98	Khá	
70	2005222214	NGUYỄN TỬ	LÂM	Nam	24/03/2004	13DHTP_TD	Kỹ sư	1,86%	161	161	3,38	Giỏi	
71	2005222192	NGUYỄN THANH	LAN	Nữ	09/03/2004	13DHTP01	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,06	Khá	

72	2005222307	CHUNG KHÁNH	LINH	Nữ	07/05/2004	13DHTP05_CN	Cử nhân	0,00%	131	133	3,15	Khá	
73	2005222280	HUỲNH NỮ KHÁNH	LINH	Nữ	06/05/2004	13DHTP01	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,07	Khá	
74	2005222365	LÃ THỊ YẾN	LINH	Nữ	04/08/2004	13DHTP_TD	Kỹ sư	1,24%	161	161	3,33	Giỏi	
75	2005222324	MAI LÂM THUỲ	LINH	Nữ	16/03/2004	13DHTP01	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,45	Giỏi	
76	2005222295	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	Nữ	28/10/2004	13DHTP01	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,48	Giỏi	
77	2005222330	PHẠM THỊ PHƯƠNG	LINH	Nữ	15/03/2004	13DHTP01	Kỹ sư	0,00%	161	163	3,38	Giỏi	
78	2005222345	PHAN THỊ DIỆU	LINH	Nữ	12/12/2004	13DHTP01	Kỹ sư	0,00%	161	161	2,77	Khá	
79	2005222336	TRẦN KHÁNH	LINH	Nữ	09/01/2004	13DHTP_TD	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,15	Khá	
80	2005222337	TRẦN THỊ THÙY	LINH	Nữ	20/09/2004	13DHTP01	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,16	Khá	
81	2005208152	NGUYỄN THỊ DIỆU	LINH	Nữ	19/03/2002	11DHTP13_CN	Cử nhân	14,05%	121	121	3,00	Khá	
82	2005222422	LIÊU THỊ THANH	LOAN	Nữ	20/04/2004	13DHTP01	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,42	Giỏi	
83	2005222526	NGUYỄN THỊ CẨM	LY	Nữ	16/01/2004	13DHTP05	Kỹ sư	0,00%	161	163	3,16	Khá	
84	2005222534	VÕ THỊ PHƯƠNG	LY	Nữ	29/05/2004	13DHTP05	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,34	Giỏi	
85	2005222576	BẠCH THỊ XUÂN	MAI	Nữ	17/05/2004	13DHTP04	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,36	Giỏi	
86	2005222563	ĐỖ THỊ THANH	MAI	Nữ	14/01/2004	13DHTP06	Kỹ sư	0,62%	161	161	2,76	Khá	
87	2005222582	TRẦN THỊ XUÂN	MAI	Nữ	06/01/2004	13DHTP03	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,45	Giỏi	
88	2005222572	VÕ THỊ TRÚC	MAI	Nữ	23/01/2004	13DHTP_TD	Kỹ sư	0,00%	161	166	3,34	Giỏi	
89	2005222686	ĐẶNG THẢO	MY	Nữ	20/12/2004	13DHTP01	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,46	Giỏi	
90	2005222757	ĐẶNG NHẬT	NAM	Nam	20/12/2003	13DHTP03	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,08	Khá	
91	2005222828	NGUYỄN LÊ THIÊN	NGA	Nữ	17/01/2004	13DHTP_TD	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,59	Giỏi	
92	2005211185	ĐẶNG THÙY MỸ	NGÂN	Nữ	10/10/2003	12DHTP04	Kỹ sư	2,65%	151	151	2,62	Khá	
93	2005210821	HỒ HẠNH	NGÂN	Nữ	29/08/2003	12DHTP07	Kỹ sư	1,99%	151	151	2,69	Khá	
94	2005222908	LẠI THỊ KIM	NGÂN	Nữ	14/04/2004	13DHTP02	Kỹ sư	0,00%	161	165	3,63	Xuất sắc	
95	2005222907	LÊ THỊ HỒNG	NGÂN	Nữ	02/03/2004	13DHTP06_CN	Cử nhân	12,98%	131	131	2,86	Khá	
96	2005222893	LỮ KIM	NGÂN	Nữ	12/09/2004	13DHTP04	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,46	Giỏi	
97	2005222876	LÝ THANH	NGÂN	Nữ	25/06/2004	13DHTP04	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,68	Xuất sắc	

98	2005222871	NGUYỄN BẢO	NGÂN	Nữ	20/02/2004	13DHTP01	Kỹ sư	0,00%	161	161	2,86	Khá	
99	2005222869	NGUYỄN HOÀNG BẢO	NGÂN	Nữ	15/07/2004	13DHTP_TD	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,23	Giỏi	
100	2005222914	NGUYỄN NGỌC MINH	NGÂN	Nữ	24/09/2004	13DHTP05	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,76	Xuất sắc	
101	2005222878	NGUYỄN PHẠM THANH	NGÂN	Nữ	26/08/2004	13DHTP01	Kỹ sư	0,00%	161	162	3,05	Khá	
102	2005222870	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	Nữ	05/11/2004	13DHTP04	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,46	Giỏi	
103	2005222898	TRƯƠNG NGUYỄN VIỆT	NGÂN	Nữ	28/08/2004	13DHTP06	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,38	Giỏi	
104	2005222991	TRẦN HUỲNH ÁI	NGHI	Nữ	31/08/2004	13DHTP01	Kỹ sư	4,97%	161	161	2,75	Khá	
105	2005223003	TRƯƠNG TUYẾT	NGHI	Nữ	28/03/2004	13DHTP02	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,20	Giỏi	
106	2005223088	NGUYỄN THÁI BẢO	NGỌC	Nữ	22/10/2004	13DHTP03	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,30	Giỏi	
107	2005223092	PHẠM HUỲNH NHƯ	NGỌC	Nữ	11/12/2004	13DHTP03	Kỹ sư	0,00%	161	164	3,27	Giỏi	
108	2005223062	PHÙNG THỊ BÍCH	NGỌC	Nữ	02/03/2004	13DHTP05	Kỹ sư	0,00%	161	162	3,68	Xuất sắc	
109	2005223140	NGUYỄN THỊ THANH	NGUYÊN	Nữ	28/10/2004	13DHTP_TD	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,44	Giỏi	
110	2005223139	THẮNG MỸ	NGUYÊN	Nữ	15/08/2004	13DHTP03	Kỹ sư	0,62%	161	161	2,83	Khá	
111	2005223197	TRẦN ĐÌNH MINH	NGUYỆT	Nữ	14/09/2004	13DHTP01	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,61	Xuất sắc	
112	2005223208	LƯƠNG THỊ THÚY	NHÀI	Nữ	07/08/2004	13DHTP_TD	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,36	Giỏi	
113	2005223246	KIM THÀNH	NHÂN	Nam	20/06/2004	13DHTP05	Kỹ sư	0,62%	161	161	3,18	Khá	
114	2005208174	PHÙNG TRỌNG	NHÂN	Nam	26/11/2002	11DHTP14	Kỹ sư	11,26%	151	153	2,92	Khá	
115	2005223384	HỒ NGỌC YẾN	NHI	Nữ	03/04/2004	13DHTP_TD	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,61	Xuất sắc	
116	2005223322	HỨA NGUYỄN YẾN	NHI	Nữ	26/11/2004	13DHTP03_CN	Cử nhân	2,29%	131	131	2,58	Khá	
117	2005217995	HUỲNH NGỌC YẾN	NHI	Nữ	07/01/2003	12DHTP07	Kỹ sư	13,91%	151	151	2,99	Khá	
118	2005223323	HUỲNH YẾN	NHI	Nữ	22/12/2004	13DHTP06	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,57	Giỏi	
119	2005223303	LÊ ĐOÀN YẾN	NHI	Nữ	23/12/2004	13DHTP06	Kỹ sư	0,62%	161	161	3,34	Giỏi	
120	2005223329	LÊ QUỲNH	NHI	Nữ	20/07/2004	13DHTP02	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,37	Giỏi	
121	2005223375	PHAN NGUYỄN BÌNH	NHI	Nữ	06/11/2004	13DHTP01	Kỹ sư	0,62%	161	161	3,48	Giỏi	
122	2005223302	TRẦN ĐẶNG YẾN	NHI	Nữ	17/10/2004	13DHTP01	Kỹ sư	4,35%	161	161	3,40	Giỏi	
123	2005223328	TRẦN THẢO	NHI	Nữ	08/10/2004	13DHTP02	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,31	Giỏi	

124	2005223327	TRẦN THỊ XUÂN	NHI	Nữ	28/05/2004	13DHTP03	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,61	Xuất sắc	
125	2005223426	ĐỖ MINH	NHIÊN	Nam	18/01/2004	13DHTP01	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,24	Giỏi	
126	2005223497	LÊ NGỌC	NHƯ	Nữ	12/04/2004	13DHTP05	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,51	Giỏi	
127	2005223471	NGUYỄN THỊ Ý	NHƯ	Nữ	05/12/2004	13DHTP06	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,38	Giỏi	
128	2005223490	PHAN HUỲNH	NHƯ	Nữ	04/12/2004	13DHTP02	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,06	Khá	
129	2005223492	PHAN THỊ VÂN	NHƯ	Nữ	21/07/2004	13DHTP01	Kỹ sư	0,00%	161	161	2,93	Khá	
130	2005223476	PHAN TRẦN HUỲNH	NHƯ	Nữ	07/02/2004	13DHTP05	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,27	Giỏi	
131	2005223433	TRẦN THỊ KIM	NHUNG	Nữ	11/02/2004	13DHTP01	Kỹ sư	0,00%	161	164	3,47	Giỏi	
132	2005223562	NGUYỄN VÕ HOÀNG	OANH	Nữ	14/04/2004	13DHTP05	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,08	Khá	
133	2005223568	PHÙNG THỊ KIM	OANH	Nữ	18/04/2004	13DHTP03	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,31	Giỏi	
134	2005223637	PHẠM DIỄM	PHẤN	Nữ	11/01/2004	13DHTP02_CN	Cử nhân	2,29%	131	131	2,85	Khá	
135	2005223597	CHÂU NHUẬN	PHÁT	Nam	16/04/2004	13DHTP02_CN	Cử nhân	0,00%	131	131	2,82	Khá	
136	2005223603	NGUYỄN TẤN	PHÁT	Nam	02/11/2004	13DHTP06_CN	Cử nhân	0,76%	131	132	2,80	Khá	
137	2005223612	NGUYỄN TẤN	PHÁT	Nam	04/07/2004	13DHTP_TD	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,75	Xuất sắc	
138	2005223666	NGÔ THANH	PHONG	Nam	20/03/2004	13DHTP04	Kỹ sư	1,24%	161	161	2,84	Khá	
139	2005223802	ĐẶNG NGỌC	PHỤNG	Nữ	30/01/2004	13DHTP04	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,19	Khá	
140	2005223850	ĐOÀN NGỌC LAN	PHƯƠNG	Nữ	26/04/2004	13DHTP_TD	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,54	Giỏi	
141	2005223862	NGUYỄN XUÂN	PHƯƠNG	Nữ	28/02/2004	13DHTP04	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,24	Giỏi	
142	2005223855	TRẦN THỊ THU	PHƯƠNG	Nữ	03/07/2004	13DHTP03	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,32	Giỏi	
143	2005201009	NGUYỄN KIỀU	PHƯƠNG	Nữ	13/02/2002	11DHTP10_CN	Cử nhân	0,00%	121	121	3,02	Khá	
144	2005223997	TRÀ GIA	QUÝ	Nam	29/12/2004	13DHTP03	Kỹ sư	0,00%	161	162	3,01	Khá	
145	2005224015	TRẦN GIA	QUYÊN	Nữ	19/09/2004	13DHTP01	Kỹ sư	0,00%	161	164	3,24	Giỏi	
146	2005224086	HUỲNH THỊ NHƯ	QUỲNH	Nữ	01/02/2004	13DHTP03	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,39	Giỏi	
147	2005224093	VÕ NGỌC NHƯ	QUỲNH	Nữ	16/11/2004	13DHTP03	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,32	Giỏi	
148	2005224152	NGUYỄN NGỌC KIM	SANG	Nữ	26/10/2004	13DHTP06	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,54	Giỏi	
149	2005224214	DƯƠNG THANH	TÀI	Nam	21/08/2004	13DHTP03	Kỹ sư	0,62%	161	161	3,21	Giỏi	

150	2005224215	PHẠM THÀNH	TÀI	Nam	28/11/2004	13DHTP03	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,40	Giỏi	
151	2005210967	DƯƠNG THỊ THANH	TÂM	Nữ	13/09/2003	12DHTP05_CN	Cử nhân	0,83%	121	121	3,09	Khá	
152	2005224653	NGUYỄN HOÀNG	THÁI	Nam	29/12/2003	13DHTP05	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,14	Khá	
153	2005224639	NGUYỄN SONG AN	THÁI	Nam	29/04/2004	13DHTP06	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,03	Khá	
154	2005224836	NGUYỄN THỊ HỒNG	THẮM	Nữ	30/08/2004	13DHTP03	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,30	Giỏi	
155	2005224854	HỒ HOÀNG	THẮNG	Nam	23/12/2004	13DHTP01	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,35	Giỏi	
156	2005224830	NGUYỄN THỊ THANH	THÃO	Nữ	01/09/2004	13DHTP06	Kỹ sư	0,00%	161	163	3,29	Giỏi	
157	2005224754	LÊ THANH	THẢO	Nữ	23/04/2004	13DHTP05	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,11	Khá	
158	2005224769	NGÔ PHƯƠNG	THẢO	Nữ	28/09/2004	13DHTP_TD	Kỹ sư	0,00%	161	162	3,29	Giỏi	
159	2005224747	NGUYỄN THỊ THANH	THẢO	Nữ	26/07/2004	13DHTP04	Kỹ sư	1,24%	161	161	3,04	Khá	
160	2005224768	PHẠM THỊ THANH	THẢO	Nữ	09/02/2004	13DHTP_TD	Kỹ sư	0,00%	161	163	3,71	Xuất sắc	
161	2005224888	PHẠM THỊ BÉ	THI	Nữ	15/03/2004	13DHTP02	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,38	Giỏi	
162	2005224896	TRẦN HUỲNH HOA	THIÊN	Nữ	25/06/2004	13DHTP05	Kỹ sư	1,24%	161	161	3,48	Giỏi	
163	2005224932	ĐỖ TIẾN	THỊNH	Nam	15/11/2004	13DHTP03	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,31	Giỏi	
164	2005225186	ĐỖ NGUYỄN ANH	THƯ	Nữ	24/12/2004	13DHTP04	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,40	Giỏi	
165	2005225205	ĐỖ PHẠM MINH	THƯ	Nữ	16/07/2004	13DHTP05	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,19	Khá	
166	2005225243	HUỲNH NGỌC ANH	THƯ	Nữ	27/09/2004	13DHTP_TD	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,75	Xuất sắc	
167	2005225165	KHẤU HOÀNG THIÊN	THƯ	Nữ	13/03/2004	13DHTP05	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,14	Khá	
168	2005225166	NGUYỄN ANH	THƯ	Nữ	04/08/2004	13DHTP_TD	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,27	Giỏi	
169	2005225167	NGUYỄN THỊ MINH	THƯ	Nữ	16/12/2004	13DHTP01	Kỹ sư	0,00%	161	163	3,20	Giỏi	
170	2005225214	NGUYỄN THỊ MINH	THƯ	Nữ	02/01/2004	13DHTP04	Kỹ sư	0,00%	161	163	3,02	Khá	
171	2005210199	VÕ ANH	THƯ	Nữ	25/11/2003	12DHTP05_CN	Cử nhân	3,31%	121	121	2,59	Khá	
172	2005225076	NGUYỄN HOÀN PHƯƠNG	THÙY	Nữ	20/11/2004	13DHTP_TD	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,55	Giỏi	
173	2005225105	GIANG NGUYỄN NGỌC	THỦY	Nữ	25/09/2004	13DHTP04	Kỹ sư	1,86%	161	161	3,07	Khá	
174	2005225107	NGUYỄN THỊ THU	THỦY	Nữ	13/11/2004	13DHTP04	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,51	Giỏi	
175	2005225319	NGUYỄN ĐẶNG VÂN	THY	Nữ	04/08/2004	13DHTP06	Kỹ sư	0,00%	161	164	3,31	Giỏi	

176	2005224350	TRẦN THỊ CẨM	TIÊN	Nữ	30/09/2004	13DHTP05	Kỹ sư	0,62%	161	161	3,32	Giỏi	
177	2005224359	VÕ THỊ KIỀU	TIÊN	Nữ	07/04/2004	13DHTP05	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,30	Giỏi	
178	2041224411	ĐỒNG THÀNH	TIẾN	Nam	03/04/2004	13DHTP_TD	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,14	Khá	
179	2005224400	HUỲNH THÀNH	TIẾN	Nam	17/02/2004	13DHTP01_CN	Cử nhân	0,00%	131	131	2,58	Khá	
180	2005225458	ĐỖ THỊ HUYỀN	TRÂM	Nữ	08/08/2004	13DHTP02	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,36	Giỏi	
181	2005225483	ĐẶNG KHANH	TRÂN	Nữ	12/10/2004	13DHTP06_CN	Cử nhân	0,76%	131	131	3,09	Khá	
182	2005225509	NGUYỄN NGỌC BẢO	TRÂN	Nữ	30/08/2004	13DHTP02	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,45	Giỏi	
183	2005225484	TRẦN DIỄM	TRÂN	Nữ	02/04/2004	13DHTP01_CN	Cử nhân	1,53%	131	131	3,11	Khá	
184	2005225490	TRẦN TUYẾT THANH	TRÂN	Nữ	08/12/2004	13DHTP05	Kỹ sư	0,62%	161	161	3,56	Giỏi	
185	2005202170	LÊ THỊ BẢO	TRÂN	Nữ	29/08/2002	11DHTP9_CN	Cử nhân	9,92%	121	125	2,30	Trung bình	
186	2005225357	CAO THỊ THÙY	TRANG	Nữ	16/01/2004	13DHTP02	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,42	Giỏi	
187	2005218099	NGUYỄN NGỌC ĐIỀN	TRANG	Nữ	29/11/2003	12DHTP09	Kỹ sư	13,25%	151	153	3,24	Giỏi	
188	2005218100	NGUYỄN NGỌC XUÂN	TRANG	Nữ	17/12/2003	12DHTP08	Kỹ sư	2,65%	151	151	2,76	Khá	
189	2005225369	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	Nữ	15/02/2004	13DHTP02	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,20	Giỏi	
190	2005225378	PHÙNG THỊ	TRANG	Nữ	25/05/2004	13DHTP03	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,43	Giỏi	
191	2005211260	TRẦN THÙY	TRANG	Nữ	01/07/2003	12DHTP04_CN	Cử nhân	0,83%	121	121	2,92	Khá	
192	2005225385	VÕ NGỌC THÙY	TRANG	Nữ	19/04/2004	13DHTP02	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,44	Giỏi	
193	2005225346	VƯƠNG QUỲNH	TRANG	Nữ	25/08/2004	13DHTP04	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,57	Giỏi	
194	2005225564	LÊ VĂN	TRIỂN	Nam	22/10/2004	13DHTP01	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,77	Xuất sắc	
195	2005225584	LÊ THỊ KIỀU	TRINH	Nữ	16/05/2004	13DHTP02	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,21	Giỏi	
196	2005225601	NGUYỄN THỊ DIỄM	TRINH	Nữ	13/05/2004	13DHTP02	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,42	Giỏi	
197	2005225595	TRƯƠNG THỊ THU	TRINH	Nữ	26/07/2004	13DHTP03	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,29	Giỏi	
198	2005200339	LÊ MỘNG	TRINH	Nữ	30/01/2002	11DHTP10_CN	Cử nhân	3,31%	121	121	2,42	Trung bình	
199	2005225622	TRẦN THẢO VÂN	TRỌNG	Nam	01/03/2004	13DHTP05	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,82	Xuất sắc	
200	2005210161	NGUYỄN NHẬT	TRUNG	Nam	23/09/2003	12DHTP04	Kỹ sư	0,66%	151	153	3,24	Giỏi	
201	2005225700	TRƯƠNG QUANG	TRƯỜNG	Nam	10/03/2004	13DHTP02	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,63	Xuất sắc	

202	2005224486	BÙI NGUYỄN CẨM	TÚ	Nữ	13/12/2004	13DHTP02	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,28	Giỏi	
203	2005224504	HOÀNG MẠNH	TÚ	Nam	08/03/2004	13DHTP02	Kỹ sư	0,62%	161	161	3,30	Giỏi	
204	2005211002	LÊ MINH	TÚ	Nam	29/11/2003	12DHTP02	Kỹ sư	3,97%	151	151	2,82	Khá	
205	2005211189	NGUYỄN THÁI	TUẤN	Nam	01/08/2003	12DHTP09_CN	Cử nhân	8,26%	121	124	2,50	Khá	
206	2005224531	NGUYỄN THÀNH	TUẤN	Nam	10/06/2004	13DHTP02	Kỹ sư	0,00%	161	162	3,36	Giỏi	
207	2005224590	HÀ PHẠM KIM	TUYỀN	Nữ	26/02/2004	13DHTP_TD	Kỹ sư	0,00%	161	162	3,57	Giỏi	
208	2005224589	TRẦN PHẠM BÍCH	TUYỀN	Nữ	12/05/2004	13DHTP02_CN	Cử nhân	0,00%	131	131	2,97	Khá	
209	2005224616	NGUYỄN HỒNG	TUYẾT	Nữ	03/02/2004	13DHTP05	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,50	Giỏi	
210	2005225724	HOÀNG THỊ MAI	UYÊN	Nữ	16/07/2004	13DHTP05	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,35	Giỏi	
211	2005225743	HUỲNH THẢO	UYÊN	Nữ	27/04/2004	13DHTP03	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,65	Xuất sắc	
212	2005225728	LÊ NGUYỄN THẢO	UYÊN	Nữ	09/09/2004	13DHTP_TD	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,51	Giỏi	
213	2041225752	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	UYÊN	Nữ	29/03/2004	13DHTP_TD	Kỹ sư	0,00%	161	163	3,22	Giỏi	
214	2005225733	TÔ THỊ KIM	UYÊN	Nữ	26/05/2004	13DHTP02	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,38	Giỏi	
215	2005225739	TRẦN THỊ NHẬT	UYÊN	Nữ	02/04/2004	13DHTP02	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,65	Xuất sắc	
216	2005225793	TRẦN LÊ THANH	VÂN	Nữ	31/12/2004	13DHTP03	Kỹ sư	0,00%	161	162	3,35	Giỏi	
217	2005225823	NGÔ THÚY	VI	Nữ	10/04/2004	13DHTP01	Kỹ sư	1,86%	161	161	3,12	Khá	
218	2005225854	NGÔ VĂN QUỐC	VIỆT	Nam	11/05/2004	13DHTP02	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,10	Khá	
219	2005225901	NGUYỄN TIẾN	VŨ	Nam	13/02/2004	13DHTP06	Kỹ sư	0,62%	161	161	3,35	Giỏi	
220	2005225961	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG	VY	Nữ	29/02/2004	13DHTP01	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,25	Giỏi	
221	2005225999	NGUYỄN THỊ KIM	VY	Nữ	08/01/2004	13DHTP01	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,00	Khá	
222	2005225982	NGUYỄN TƯỜNG	VY	Nữ	10/05/2004	13DHTP06	Kỹ sư	0,62%	161	161	3,18	Khá	
223	2005225981	TẠ NHẬT ĐAN	VY	Nữ	25/12/2004	13DHTP02	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,16	Khá	
224	2005225987	TRẦN PHƯƠNG	VY	Nữ	07/05/2004	13DHTP05	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,53	Giỏi	
225	2005226060	CAO THỊ YẾN	XUÂN	Nữ	14/11/2004	13DHTP01	Kỹ sư	1,86%	161	161	3,41	Giỏi	
226	2005226055	TRẦN THỊ THANH	XUÂN	Nữ	06/12/2004	13DHTP01	Kỹ sư	0,00%	161	164	3,22	Giỏi	
227	2005226098	LÊ MỸ	YÊN	Nữ	04/05/2004	13DHTP01	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,36	Giỏi	

228	2005226116	HUỲNH THỊ LIỄU	YẾN	Nữ	13/06/2004	13DHTP04	Kỹ sư	0,00%	161	161	3,58	Giỏi	
229	2005226129	LÊ THỊ MINH	YẾN	Nữ	23/02/2004	13DHTP05	Kỹ sư	1,86%	161	162	2,72	Khá	
230	2005226119	NGUYỄN NGỌC	YẾN	Nữ	23/08/2004	13DHTP03	Kỹ sư	0,00%	161	163	3,48	Giỏi	
231	2005226113	TRẦN THỊ	YẾN	Nữ	09/08/2004	13DHTP02	Kỹ sư	0,00%	161	161	2,85	Khá	

Ngành: Kinh doanh quốc tế

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Bằng tốt nghiệp	Tỷ lệ học lại	TC TK	TC TL	TBCTL	Xếp loại TN	Ghi chú
1	2036220002	LÊ LỆ	ÁI	Nữ	15/01/2004	13DHKDQT03	Cử nhân	0,00%	121	121	3,00	Khá	
2	2036220102	PHẠM NHẬT	ANH	Nữ	17/06/2004	13DHKDQT01	Cử nhân	0,00%	121	121	2,76	Khá	
3	2036213659	LƯƠNG VŨ GIA	BẢO	Nam	09/10/2003	12DHKDQT04	Cử nhân	0,00%	121	122	2,14	Trung bình	
4	2036220346	NGUYỄN QUỐC	BẢO	Nam	27/03/2004	13DHKDQT02	Cử nhân	2,48%	121	121	2,62	Khá	
5	2036220507	NGUYỄN SONG ĐỒNG	CHÂU	Nữ	30/01/2004	13DHKDQT02	Cử nhân	1,65%	121	121	3,20	Giỏi	
6	2036210362	NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	Nam	06/11/2003	12DHKDQT01	Cử nhân	15,70%	121	122	2,43	Trung bình	
7	2036210064	LÒ THỊ KIM	HÀ	Nữ	25/11/2003	12DHKDQT02	Cử nhân	10,74%	121	122	2,36	Trung bình	
8	2036221864	NGUYỄN HUỲNH BÁ	HỮU	Nam	29/08/2004	13DHKDQT01	Cử nhân	2,48%	121	121	2,49	Trung bình	
9	2036222147	NGUYỄN MINH	KHÔI	Nam	25/07/2004	13DHKDQT01	Cử nhân	2,48%	121	122	2,74	Khá	
10	2036222228	PHAN NGỌC PHA	LÊ	Nữ	22/04/2004	13DHKDQT01	Cử nhân	0,00%	121	121	2,88	Khá	
11	2036226448	PHAN HỒNG HẢI	LINH	Nữ	02/06/2004	13DHKDQT01	Cử nhân	2,48%	121	121	2,85	Khá	
12	2036222577	PHẠM THỊ THANH	MAI	Nữ	22/02/2004	13DHKDQT03	Cử nhân	0,00%	121	121	2,89	Khá	
13	2036210539	PHẠM THỊ KIỀU	MY	Nữ	09/01/2003	12DHKDQT02	Cử nhân	2,48%	121	121	2,36	Trung bình	
14	2036205665	HỒ	NAM	Nam	04/03/2002	11DHKDQT8	Cử nhân	2,48%	121	121	2,70	Khá	
15	2036222840	VÕ THỊ TUYẾT	NGA	Nữ	27/11/2004	13DHKDQT02	Cử nhân	2,48%	121	121	2,62	Khá	
16	2036223069	TRƯƠNG PHÚC THẢO	NGỌC	Nữ	27/02/2004	13DHKDQT01	Cử nhân	2,48%	121	121	2,99	Khá	
17	2036210534	CHÂU DIỆP QUỲNH	NHƯ	Nữ	23/10/2003	12DHKDQT01	Cử nhân	21,49%	121	122	2,13	Trung bình	
18	2036222808	VÕ THỊ	NỮ	Nữ	25/09/2004	13DHKDQT03	Cử nhân	0,00%	121	121	3,39	Giỏi	
19	2036205852	TRẦN THỊ KIỀU	OANH	Nữ	17/04/2002	11DHKDQT5	Cử nhân	0,00%	121	126	2,66	Khá	
20	2036213832	PHẠM ĐỨC	PHÚC	Nam	10/03/2003	12DHKDQT04	Cử nhân	6,61%	121	123	2,48	Trung bình	

21	2036205770	TRẦN THỊ TRÚC	QUỲNH	Nữ	20/01/2002	11DHKDQT7	Cử nhân	26,45%	121	123	2,46	Trung bình	
22	2036205658	NGUYỄN CHÍ	THÀNH	Nam	07/06/2002	11DHKDQT7	Cử nhân	36,36%	121	122	2,43	Trung bình	
23	2036224752	NGUYỄN THANH	THẢO	Nữ	27/01/2004	13DHKDQT02	Cử nhân	6,61%	121	121	2,36	Trung bình	
24	2036224789	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	Nữ	20/09/2004	13DHKDQT04	Cử nhân	0,00%	121	121	3,24	Giỏi	
25	2036210050	NGUYỄN THỊ HOÀI	THƯƠNG	Nữ	26/02/2003	12DHKDQT01	Cử nhân	6,61%	121	124	2,08	Trung bình	
26	2036225322	VÕ NGUYỄN MINH	THY	Nữ	02/03/2004	13DHKDQT03	Cử nhân	0,00%	121	121	2,68	Khá	
27	2036224368	TRẦN NHƯ	TIÊN	Nữ	27/06/2004	13DHKDQT02	Cử nhân	1,65%	121	121	2,55	Khá	
28	2036205752	TRẦN QUẾ	TRÂN	Nữ	29/08/2002	11DHKDQT6	Cử nhân	16,53%	121	121	2,98	Khá	
29	2036213907	ĐẶNG THỊ THANH	TRÚC	Nữ	26/01/2003	12DHKDQT07	Cử nhân	0,00%	121	123	3,57	Giỏi	
30	2036226005	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG	VY	Nữ	07/02/2004	13DHKDQT03	Cử nhân	13,22%	121	121	2,94	Khá	
31	2036226059	BÙI LÊ YẾN	XUÂN	Nữ	26/01/2004	13DHKDQT01	Cử nhân	2,48%	121	121	3,23	Giỏi	

Ngành: Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Bằng tốt nghiệp	Tỷ lệ học lại	TC TK	TC TL	TBCTL	Xếp loại TN	Ghi chú
1	2002220028	HOÀNG MINH	AN	Nam	25/12/2004	13DHDT02	Kỹ sư	3,97%	151	151	2,40	Trung bình	
2	2002220109	LÊ NGUYỄN DUY	ANH	Nam	07/06/2004	13DHDT02	Kỹ sư	1,32%	151	151	2,52	Khá	
3	2002211365	NGUYỄN HOÀNG NAM	ANH	Nam	30/06/2002	12DHDT02	Kỹ sư	33,11%	151	153	2,15	Trung bình	
4	2002220305	HUỲNH GIA	BẢO	Nam	02/04/2004	13DHDT02	Kỹ sư	2,65%	151	151	2,74	Khá	
5	2002217047	MAI THÁI QUỐC	BẢO	Nam	23/02/2003	12DHDT03	Kỹ sư	11,92%	151	151	2,45	Trung bình	
6	2002220344	TRẦN GIA	BẢO	Nam	02/09/2004	13DHDT01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,21	Giỏi	
7	2002220402	BÙI THANH	BÌNH	Nam	26/05/2004	13DHDT01	Kỹ sư	1,99%	151	151	2,95	Khá	
8	2002207842	ĐỖ HIẾU	CƠ	Nam	03/07/2002	11DHDT2	Kỹ sư	9,93%	151	151	2,54	Khá	
9	2002220926	NGUYỄN VĂN	ĐẠT	Nam	29/11/2004	13DHDT01	Kỹ sư	3,31%	151	151	2,89	Khá	
10	2002220982	DƯƠNG CÔNG	ĐỊNH	Nam	24/06/2004	13DHDT02	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,86	Khá	
11	2002210032	NGUYỄN THÀNH	DÔ	Nam	21/08/2003	12DHDT04	Kỹ sư	7,28%	151	153	2,71	Khá	
12	2002221005	CAO MINH	ĐỨC	Nam	17/03/2004	13DHDT01	Kỹ sư	1,99%	151	151	2,65	Khá	
13	2002217088	TRƯƠNG TRỌNG	ĐỨC	Nam	04/09/2003	12DHDT01	Kỹ sư	7,28%	151	151	2,66	Khá	

14	2002220811	KHƯU ĐỨC HOÀI	DƯƠNG	Nam	13/08/2004	13DHDT02	Kỹ sư	3,97%	151	151	2,55	Khá	
15	2002220813	NGUYỄN HOÀNG	DƯƠNG	Nam	13/05/2004	13DHDT01	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,65	Khá	
16	2002220814	NGUYỄN HOÀNG	DƯƠNG	Nam	08/01/2004	13DHDT02	Kỹ sư	1,99%	151	151	2,81	Khá	
17	2002220709	NGUYỄN ANH	DUY	Nam	20/02/2004	13DHDT01	Kỹ sư	1,99%	151	151	2,43	Trung bình	
18	2002221156	PHAN ĐÌNH	HẢI	Nam	20/10/2004	13DHDT02	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,81	Khá	
19	2002210435	TRẦN CHÍ	HÀO	Nam	26/03/2003	12DHDT02	Kỹ sư	10,60%	151	153	2,24	Trung bình	
20	2002221319	LÊ CÔNG	HẬU	Nam	25/10/2004	13DHDT02	Kỹ sư	1,99%	151	151	2,52	Khá	
21	2002221316	LÊ ĐỨC	HẬU	Nam	09/09/2004	13DHDT02	Kỹ sư	3,97%	151	151	2,60	Khá	
22	2002210259	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	Nam	02/01/2003	12DHDT01	Kỹ sư	9,27%	151	151	2,53	Khá	
23	2002221539	NGÔ KIM	HỚN	Nam	28/02/2004	13DHDT01	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,87	Khá	
24	2002217129	NGUYỄN MINH	HƯNG	Nam	26/10/2003	12DHDT06_CN	Cử nhân	13,22%	121	121	2,30	Trung bình	
25	2002221672	BÙI QUỐC	HUY	Nam	28/04/2004	13DHDT02	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,68	Khá	
26	2002221680	LÊ ĐỨC	HUY	Nam	01/10/2004	13DHDT01	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,88	Khá	
27	2002221964	HUỲNH NGỌC	KHA	Nam	07/04/2004	13DHDT01	Kỹ sư	1,99%	151	151	2,83	Khá	
28	2002217132	TRỊNH QUỐC	KHẢI	Nam	16/02/2003	12DHDT04	Kỹ sư	7,95%	151	153	2,76	Khá	
29	2002217133	NGÔ NGUYỄN GIA	KHANG	Nam	26/09/2003	12DHDT06	Kỹ sư	7,95%	151	151	2,63	Khá	
30	2002222041	PHAN DUY	KHANH	Nam	29/01/2004	13DHDT01	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,95	Khá	
31	2002222056	NGUYỄN TẤN	KHÁNH	Nam	18/08/2004	13DHDT01_CN	Cử nhân	3,31%	121	123	2,96	Khá	
32	2002222139	TRIỆU QUỐC	KHOẺ	Nam	04/11/2004	13DHDT02	Kỹ sư	3,97%	151	151	2,64	Khá	
33	2002222142	LÊ ĐÌNH	KHÔI	Nam	25/09/2004	13DHDT02	Kỹ sư	3,31%	151	151	2,63	Khá	
34	2002222159	HUỲNH CÔNG	KHUYÊN	Nam	11/09/2004	13DHDT01	Kỹ sư	3,31%	151	151	2,68	Khá	
35	2002210396	ĐỖ KHẮC	KIÊN	Nam	24/06/2003	12DHDT05	Kỹ sư	8,61%	151	151	2,51	Khá	
36	2002217149	VÕ TUẤN	KIỆT	Nam	27/10/2003	12DHDT03	Kỹ sư	3,97%	151	151	2,86	Khá	
37	2002222242	ĐINH THANH	LIÊM	Nam	02/01/2004	13DHDT02	Kỹ sư	6,62%	151	151	2,49	Trung bình	
38	2002222466	VÕ PHẠM TẤN	LỘC	Nam	07/09/2004	13DHDT02	Kỹ sư	2,65%	151	151	2,59	Khá	
39	2002222488	NGUYỄN ĐĂNG	LỢI	Nam	09/11/2004	13DHDT02	Kỹ sư	1,32%	151	151	2,86	Khá	

40	2002210262	LÊ HỮU	LONG	Nam	19/06/2003	12DHDT04	Kỹ sư	20,53%	151	153	2,43	Trung bình	
41	2002210429	PHẠM HOÀNG SƠN	LONG	Nam	18/01/2003	12DHDT02	Kỹ sư	9,93%	151	151	2,30	Trung bình	
42	2002200228	NGUYỄN ĐỖ VIỆT	LONG	Nam	19/01/2002	11DHDT2	Kỹ sư	26,49%	151	151	2,42	Trung bình	
43	2002222657	NGUYỄN TẤN	MINH	Nam	17/10/2004	13DHDT01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,07	Khá	
44	2002217168	TRẦN DANH	MINH	Nam	17/07/2003	12DHDT01	Kỹ sư	9,27%	151	151	2,38	Trung bình	
45	2002222756	ĐÀO HỮU LÊ	NAM	Nam	10/01/2004	13DHDT02	Kỹ sư	1,32%	151	151	2,92	Khá	
46	2002222763	HUỲNH KHẮC	NAM	Nam	15/05/2003	13DHDT02	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,10	Khá	
47	2002222783	NGUYỄN HOÀNG	NAM	Nam	06/12/2004	13DHDT01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,10	Khá	
48	2002223015	NGUYỄN MINH	NGHĨA	Nam	13/08/2004	13DHDT02	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,65	Khá	
49	2002223236	ĐẶNG HUỲNH	NHÂN	Nam	03/03/2004	13DHDT02	Kỹ sư	1,99%	151	151	2,97	Khá	
50	2002223225	MẠCH TRẦN THÀNH	NHÂN	Nam	12/01/2004	13DHDT01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,02	Khá	
51	2002223266	HÀ THÁI	NHẬT	Nam	13/07/2004	13DHDT02	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,79	Khá	
52	2002211689	VÕ MINH	NHỰT	Nam	21/11/2003	12DHDT02	Kỹ sư	8,61%	151	151	2,59	Khá	
53	2002223605	NGUYỄN TẤN	PHÁT	Nam	28/07/2004	13DHDT01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,10	Khá	
54	2002223632	NGUYỄN THÀNH	PHÁT	Nam	10/11/2004	13DHDT02	Kỹ sư	5,30%	151	151	2,88	Khá	
55	2002223591	NGUYỄN VĂN	PHÁT	Nam	05/02/2004	13DHDT02	Kỹ sư	0,00%	151	155	3,41	Giỏi	
56	2002217199	TRẦN TẤN	PHÁT	Nam	23/05/2003	12DHDT01	Kỹ sư	11,92%	151	153	2,43	Trung bình	
57	2002223592	TRƯƠNG THANH	PHÁT	Nam	06/10/2004	13DHDT01	Kỹ sư	2,65%	151	151	2,97	Khá	
58	2002200216	PHẠM THÀNH	PHÁT	Nam	01/03/2002	11DHDT3	Kỹ sư	4,64%	151	151	2,49	Trung bình	
59	2002223673	NGUYỄN TRẦN THANH	PHONG	Nam	03/08/2004	13DHDT02	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,09	Khá	
60	2044226312	ĐỖ TRƯƠNG QUANG	PHÚC	Nam	12/12/2004	13DHDT02	Kỹ sư	1,99%	151	151	2,76	Khá	
61	2002223769	NGUYỄN HOÀNG	PHÚC	Nam	02/03/2004	13DHDT02	Kỹ sư	4,64%	151	151	2,74	Khá	
62	2002223773	TẠ GIA	PHÚC	Nam	30/06/2004	13DHDT01	Kỹ sư	3,31%	151	151	2,60	Khá	
63	2002223945	TRẦN HỒNG	QUÂN	Nam	01/08/2004	13DHDT01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,04	Khá	
64	2002200219	HUỲNH NGỌC	QUÂN	Nam	11/01/2002	11DHDT3	Kỹ sư	9,27%	151	151	2,65	Khá	
65	2002223921	LƯƠNG MINH	QUANG	Nam	13/04/2004	13DHDT02	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,32	Giỏi	

66	2002224124	TRẦN NHƯ	QUỲNH	Nữ	23/10/2004	13DHDT01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,36	Giỏi	
67	2002210437	NGUYỄN TY	SON	Nam	23/09/2003	12DHDT06	Kỹ sư	11,26%	151	153	2,58	Khá	
68	2002224176	PHAN CHÍ	SƠN	Nam	19/08/2004	13DHDT02	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,48	Giỏi	
69	2002224192	NGUYỄN MINH	SU	Nam	16/10/2004	13DHDT02	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,87	Khá	
70	2002224222	NGÔ ANH	TÀI	Nam	03/10/2004	13DHDT01	Kỹ sư	1,99%	151	151	2,69	Khá	
71	2002224223	NGUYỄN ĐỨC	TÀI	Nam	22/03/2004	13DHDT01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,00	Khá	
72	2002224323	NGUYỄN DUY	TÂN	Nam	27/05/2004	13DHDT01	Kỹ sư	5,96%	151	151	2,68	Khá	
73	2002217244	HUỲNH CÔNG	TẤN	Nam	24/06/2003	12DHDT03	Kỹ sư	8,61%	151	151	2,50	Khá	
74	2002224658	ĐÀM HOÀNG	THÁI	Nam	25/03/2004	13DHDT02	Kỹ sư	1,32%	151	151	2,76	Khá	
75	2002217254	ĐẶNG VĂN	THẮNG	Nam	12/02/2003	12DHDT03_CN	Cử nhân	9,92%	121	121	2,61	Khá	
76	2002224676	PHẠM PHONG	THANH	Nam	03/02/2004	13DHDT02	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,25	Giỏi	
77	2002224711	VÕ PHÚ	THÀNH	Nam	08/05/2004	13DHDT01	Kỹ sư	3,97%	151	151	2,49	Trung bình	
78	2002224931	LÊ ĐỨC	THỊNH	Nam	30/04/2004	13DHDT02	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,09	Khá	
79	2002225043	HUỲNH HỒNG	THUẬN	Nam	05/04/2004	13DHDT01	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,69	Khá	
80	2002225544	NGUYỄN TRẦN HỮU	TRÍ	Nam	10/10/2004	13DHDT02	Kỹ sư	3,97%	151	151	2,56	Khá	
81	2002225549	NGUYỄN VĂN	TRÍ	Nam	09/10/2004	13DHDT01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,45	Giỏi	
82	2002202083	NGUYỄN HỮU	TRỰC	Nam	13/03/2002	11DHDT4_CN	Cử nhân	10,74%	121	121	2,32	Trung bình	
83	2002210062	LÊ QUANG	TRUNG	Nam	15/12/2003	12DHDT01_CN	Cử nhân	6,61%	121	121	2,66	Khá	
84	2002217295	PHẠM THÀNH	TRUNG	Nam	12/03/2003	12DHDT03	Kỹ sư	6,62%	151	151	2,51	Khá	
85	2002225713	HỒ NGUYỄN XUÂN	TRƯỜNG	Nam	24/11/2004	13DHDT01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,05	Khá	
86	2002217299	HỨA NHỰT	TRƯỜNG	Nam	18/11/2003	12DHDT03	Kỹ sư	5,96%	151	151	2,80	Khá	
87	2002207816	LÊ CÔNG	TRƯỜNG	Nam	13/02/2002	11DHDT3	Kỹ sư	7,95%	151	151	2,66	Khá	
88	2002217305	NGUYỄN ĐỨC	TUẤN	Nam	24/01/2003	12DHDT03	Kỹ sư	25,83%	151	151	2,24	Trung bình	
89	2002224554	TRẦN HUY	TUẤN	Nam	14/10/2004	13DHDT01	Kỹ sư	3,31%	151	151	2,83	Khá	
90	2002224530	TRƯƠNG THANH	TUẤN	Nam	12/08/2003	13DHDT01	Kỹ sư	8,61%	151	151	2,58	Khá	
91	2002224543	VĂN KHÁNH	TUẤN	Nam	11/08/2004	13DHDT01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,05	Khá	

92	2002225838	HOÀNG TRỌNG CAO	VĨ	Nam	04/03/2004	13DHDT02	Kỹ sư	0,00%	151	153	3,29	Giỏi	
93	2002225856	NGUYỄN HOÀNG	VIỆT	Nam	06/02/2004	13DHDT01	Kỹ sư	1,32%	151	151	3,08	Khá	
94	2002225850	TRẦN THANH	VIỆT	Nam	19/05/2004	13DHDT02	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,32	Giỏi	
95	2002225865	BÙI QUANG	VINH	Nam	20/05/2004	13DHDT01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,24	Giỏi	
96	2002225870	NGUYỄN PHÚC	VINH	Nam	16/02/2004	13DHDT01	Kỹ sư	1,32%	151	151	2,57	Khá	

Ngành: Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Bằng tốt nghiệp	Tỷ lệ học lại	TC TK	TC TL	TBCTL	Xếp loại TN	Ghi chú
1	2022220050	HUỲNH DĨ	AN	Nam	01/03/2004	13DHDB01	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,71	Khá	
2	2022220068	NGUYỄN XUÂN	AN	Nam	28/07/2004	13DHDB01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,20	Giỏi	
3	2022220181	LÊ THỊ VÂN	ANH	Nữ	11/01/2004	13DHDB01	Kỹ sư	5,30%	151	151	2,46	Trung bình	
4	2022218183	LƯƠNG THỊ VÂN	ANH	Nữ	14/12/2003	12DHDB03_CN	Cử nhân	7,44%	121	121	2,27	Trung bình	
5	2022220211	NGUYỄN ĐỨC PHƯƠNG	ANH	Nữ	20/11/1999	13DHDB01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,33	Giỏi	
6	2022220170	PHẠM TUẤN	ANH	Nam	25/09/2004	13DHDB01	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,78	Khá	
7	2022220182	VÕ TRÂM	ANH	Nữ	07/11/2004	13DHDB01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,17	Khá	
8	2022220369	LÊ BĂNG	BĂNG	Nữ	26/06/2004	13DHDB02	Kỹ sư	0,00%	151	153	3,07	Khá	
9	2022220464	NGUYỄN CHÍ	CƯỜNG	Nam	26/10/2003	13DHDB01	Kỹ sư	0,00%	151	153	2,85	Khá	
10	2022221018	TRỊNH MINH	ĐỨC	Nam	26/04/2004	13DHDB01	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,74	Khá	
11	2022221072	NGUYỄN THỊ NGỌC	GIÀU	Nữ	01/02/2004	13DHDB01	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,91	Khá	
12	2022221112	LÊ THỊ THU	HÀ	Nữ	02/02/2004	13DHDB01	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,92	Khá	
13	2022221290	LÊ QUAN THÁI	HÂN	Nữ	19/10/2004	13DHDB01	Kỹ sư	1,32%	151	151	2,68	Khá	
14	2022221306	NGUYỄN GIA	HÂN	Nữ	12/09/2004	13DHDB02	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,09	Khá	
15	2022221227	PHẠM THỊ PHƯỢNG	HẰNG	Nữ	06/07/2004	13DHDB01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,06	Khá	
16	2022221204	NGÔ GIA	HẠO	Nam	31/12/2004	13DHDB02	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,99	Khá	
17	2022221773	LÊ THỊ NHƯ	HUỲNH	Nữ	27/08/2004	13DHDB01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,20	Giỏi	
18	2022222151	NGUYỄN TRẦN MINH	KHÔI	Nam	08/11/2004	13DHDB01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,09	Khá	
19	2022222221	TRẦN HUỲNH PHÚC	LÂM	Nam	17/01/2004	13DHDB01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,05	Khá	

20	2022222380	TRẦN NGUYỄN KHÁNH	LINH	Nữ	24/07/2004	13DHDB02	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,94	Khá	
21	2022222537	NGUYỄN CẨM	LY	Nữ	05/01/2004	13DHDB01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,14	Khá	
22	2022222669	ĐỖ THỊ HỒNG	MƠ	Nữ	19/10/2004	13DHDB01	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,97	Khá	
23	2022222714	NGUYỄN THỊ DIỄM	MY	Nữ	19/11/2004	13DHDB02	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,96	Khá	
24	2022222721	NGUYỄN TRÀ	MY	Nữ	05/01/2004	13DHDB01	Kỹ sư	1,32%	151	151	3,07	Khá	
25	2022222838	TRẦN DIỄM QUỲNH	NGA	Nữ	19/05/2004	13DHDB01	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,85	Khá	
26	2022222955	ĐẶNG THỊ THU	NGÂN	Nữ	20/02/2004	13DHDB01	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,99	Khá	
27	2022222952	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	Nữ	09/02/2004	13DHDB01	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,73	Khá	
28	2022222953	PHẠM THỊ THANH	NGÂN	Nữ	25/05/2004	13DHDB02	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,01	Khá	
29	2022222956	PHẠM VŨ KIM	NGÂN	Nữ	25/03/2004	13DHDB01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,23	Giỏi	
30	2022222954	PHAN THỊ KIM	NGÂN	Nữ	08/07/2004	13DHDB01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,02	Khá	
31	2022222939	TRỊNH THỊ KIM	NGÂN	Nữ	02/10/2004	13DHDB02_CN	Cử nhân	0,00%	121	121	3,12	Khá	
32	2022223013	NGUYỄN NGỌC XUÂN	NGHI	Nữ	23/07/2004	13DHDB01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,45	Giỏi	
33	2022223101	ĐÀO MINH BẢO	NGỌC	Nữ	28/12/2004	13DHDB01	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,78	Khá	
34	2022210285	NGUYỄN HUỲNH NHƯ	NGỌC	Nữ	14/11/2003	12DHDB02	Kỹ sư	3,97%	151	151	2,45	Trung bình	
35	2022210264	VÕ HOÀNG BẢO	NGỌC	Nữ	03/11/2003	12DHDB01	Kỹ sư	6,62%	151	152	2,45	Trung bình	
36	2022223112	VŨ HÀ HẢI	NGỌC	Nữ	14/12/2004	13DHDB02	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,95	Khá	
37	2022223171	NGUYỄN HOÀNG THẢO	NGUYÊN	Nữ	01/01/2004	13DHDB01	Kỹ sư	1,32%	151	151	2,79	Khá	
38	2022223160	NGUYỄN THÀNH	NGUYÊN	Nam	08/04/2004	13DHDB02_CN	Cử nhân	0,00%	121	121	2,82	Khá	
39	2022223251	NGUYỄN TRỌNG	NHÂN	Nam	16/02/2004	13DHDB01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,01	Khá	
40	2022223409	NGUYỄN KIỀU	NHI	Nữ	01/11/2004	13DHDB01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,13	Khá	
41	2022223529	NGUYỄN BẢO	NHƯ	Nữ	25/07/2004	13DHDB01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,44	Giỏi	
42	2022223453	HUỲNH THỊ CẨM	NHUNG	Nữ	16/11/2004	13DHDB01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,13	Khá	
43	2022222805	VÕ VĂN	NINH	Nam	04/07/2004	13DHDB02	Kỹ sư	0,00%	151	152	3,19	Khá	
44	2022210136	CAO QUỐC	PHÚ	Nam	10/05/2003	12DHDB02_CN	Cử nhân	9,09%	121	124	2,42	Trung bình	
45	2022223860	LÊ THANH	PHƯƠNG	Nữ	12/12/2004	13DHDB02	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,37	Giỏi	

46	2022223878	NGUYỄN HOÀNG KIM	PHƯƠNG	Nữ	09/06/2004	13DHDB02	Kỹ sư	0,00%	151	152	3,22	Giỏi	
47	2022208677	ĐẶNG NHÃ	PHƯƠNG	Nữ	11/11/2002	11DHDB3	Kỹ sư	3,31%	151	145	2,62	Khá	
48	2022223981	ĐẶNG SỸ	QUỐC	Nam	02/04/2004	13DHDB02_CN	Cử nhân	1,65%	121	123	2,51	Khá	
49	2022224110	TRẦN NHƯ	QUỲNH	Nữ	21/09/2004	13DHDB01_CN	Cử nhân	1,65%	121	123	2,63	Khá	
50	2022224240	LÊ MINH	TÀI	Nam	27/04/2004	13DHDB02	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,99	Khá	
51	2022218325	LÊ MINH	TẤN	Nam	14/09/2003	12DHDB03_CN	Cử nhân	4,13%	121	124	2,21	Trung bình	
52	2022218329	HUỲNH THỊ THU	THẢO	Nữ	09/07/2003	12DHDB04	Kỹ sư	0,00%	151	154	2,53	Khá	
53	2022224813	TRẦN THỊ	THẢO	Nữ	23/11/2004	13DHDB02	Kỹ sư	1,99%	151	153	2,80	Khá	
54	2022224803	VŨ PHƯƠNG	THẢO	Nữ	09/12/2004	13DHDB02	Kỹ sư	0,00%	151	153	3,39	Giỏi	
55	2022218349	ĐỖ HOÀNG ANH	THƯ	Nữ	14/02/2003	12DHDB04	Kỹ sư	2,65%	151	154	2,62	Khá	
56	2022225258	NGUYỄN THỊ ANH	THƯ	Nữ	13/05/2003	13DHDB02	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,32	Giỏi	
57	2022225129	LÊ THỊ	THÚY	Nữ	26/09/2004	13DHDB02	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,20	Giỏi	
58	2022225134	VÕ NGỌC PHƯƠNG	THÚY	Nữ	21/01/2004	13DHDB01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,20	Giỏi	
59	2022225514	LÂM THỊ TUYẾT	TRÂN	Nữ	16/11/2004	13DHDB02	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,17	Khá	
60	2022225393	TRẦN THỊ BÍCH	TRANG	Nữ	12/09/2004	13DHDB02	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,24	Giỏi	
61	2022210293	NGUYỄN THANH	TRÚC	Nữ	27/09/2003	12DHDB01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,01	Khá	
62	2022200309	TRƯƠNG THANH	TUYỀN	Nữ	16/08/2002	11DHDB1	Kỹ sư	1,32%	151	151	2,47	Trung bình	
63	2022225751	LÊ NGUYỄN THU	UYÊN	Nữ	28/07/2004	13DHDB02	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,11	Khá	
64	2022225753	TRẦN VÕ MỸ	UYÊN	Nữ	16/02/2004	13DHDB02	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,00	Khá	
65	2022225798	VƯƠNG CHỈ	VÂN	Nữ	24/12/2004	13DHDB01	Kỹ sư	1,32%	151	151	2,86	Khá	
66	2022225771	TRẦN TẤN	VÀNG	Nam	25/07/2004	13DHDB02	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,70	Khá	
67	2022226028	LÊ THANH	VY	Nữ	01/11/2004	13DHDB01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,11	Khá	
68	2022226009	NGUYỄN TƯỜNG	VY	Nữ	30/06/2004	13DHDB01	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,77	Khá	
69	2022226027	PHẠM XUÂN THẢO	VY	Nữ	13/01/2004	13DHDB01_CN	Cử nhân	0,00%	121	121	3,04	Khá	
70	2022225996	TRẦN THẢO	VY	Nữ	15/08/2004	13DHDB02	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,91	Khá	
71	2022226039	TRẦN THẢO	VY	Nữ	20/04/2004	13DHDB01_CN	Cử nhân	0,00%	121	121	2,89	Khá	

72	2022226088	TRẦN THỊ NHƯ	Ý	Nữ	20/04/2004	13DHDB01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,41	Giỏi	
73	2022226142	TIÊU KIM	YẾN	Nữ	31/10/2004	13DHDB02	Kỹ sư	3,31%	151	151	3,10	Khá	

Ngành: Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Bằng tốt nghiệp	Tỷ lệ học lại	TC TK	TC TL	TBCTL	Xếp loại TN	Ghi chú
1	2032220024	LÂM TRƯỜNG	AN	Nam	28/05/2004	13DHTDH02	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,83	Khá	
2	2032220021	LÊ ĐỨC	AN	Nam	11/01/2004	13DHTDH03	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,34	Giỏi	
3	2032220041	PHẠM VĂN TRƯỜNG	AN	Nam	29/04/2004	13DHTDH03	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,38	Giỏi	
4	2032220022	TRẦN BÌNH	AN	Nam	25/12/2004	13DHTDH01	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,51	Khá	
5	2032220133	LÊ ĐÌNH QUANG	ANH	Nam	17/08/2004	13DHTDH03	Kỹ sư	1,99%	151	151	2,94	Khá	
6	2032217334	PHẠM TUẤN	ANH	Nam	25/06/2003	12DHTDH05	Kỹ sư	19,87%	151	151	2,51	Khá	
7	2032220146	TRẦN ĐẶNG QUỐC	ANH	Nam	26/03/2004	13DHTDH02	Kỹ sư	3,97%	151	151	2,94	Khá	
8	2032220285	VŨ TĂNG	BA	Nam	02/08/2004	13DHTDH03	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,62	Xuất sắc	
9	2032220320	PHAN QUỐC	BẢO	Nam	23/02/2004	13DHTDH03	Kỹ sư	1,99%	151	151	2,97	Khá	
10	2032220556	PHẠM TRUNG	CHÍNH	Nam	23/03/2004	13DHTDH03	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,58	Giỏi	
11	2032217382	MAI XUÂN THÀNH	ĐẠT	Nam	29/08/2003	12DHTDH05	Kỹ sư	18,54%	151	151	2,40	Trung bình	
12	2032200117	TRẦN VĂN	ĐẠT	Nam	16/09/2002	11DHTDH1_CN	Cử nhân	14,88%	121	121	2,19	Trung bình	
13	2032210063	PHẠM KHẢI	ĐÌNH	Nam	24/11/2003	12DHTDH01	Kỹ sư	9,93%	151	151	2,36	Trung bình	
14	2032220687	HOÀNG TRUNG	DŨNG	Nam	08/10/2004	13DHTDH01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,42	Giỏi	
15	2032220688	NGUYỄN HOÀNG TUẤN	DŨNG	Nam	19/11/2004	13DHTDH01	Kỹ sư	1,32%	151	151	2,59	Khá	
16	2032220683	NGUYỄN XUÂN	DŨNG	Nam	15/08/2004	13DHTDH01_CN	Cử nhân	2,48%	121	121	2,74	Khá	
17	2032210250	TRẦN KHÁNH	ĐƯỜNG	Nam	10/01/2003	12DHTDH01	Kỹ sư	9,27%	151	151	2,91	Khá	
18	2032221136	TRẦN ĐIỀN	HẢI	Nam	15/07/2004	13DHTDH03	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,22	Giỏi	
19	2032221280	NGUYỄN NGỌC	HÂN	Nam	24/10/2004	13DHTDH03	Kỹ sư	1,99%	151	151	2,74	Khá	
20	2032221327	NGUYỄN PHÚC	HẬU	Nam	23/10/2004	13DHTDH02	Kỹ sư	1,32%	151	151	2,61	Khá	
21	2032221415	NGÔ HOÀNG THIỆN	HIẾU	Nam	14/10/2003	13DHTDH01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,03	Khá	
22	2032221413	NGUYỄN ĐẶNG HOÀNG	HIẾU	Nam	07/10/2004	13DHTDH01	Kỹ sư	0,00%	151	153	3,07	Khá	

23	2032217408	PHẠM ĐỨC	HÙNG	Nam	10/05/2003	12DHTDH03_CN	Cử nhân	7,44%	121	121	2,42	Trung bình	
24	2032217423	VÕ TUẤN	HƯNG	Nam	31/12/2003	12DHTDH03_CN	Cử nhân	33,88%	121	123	2,60	Khá	
25	2032221861	PHẠM ĐỨC	HƯỜNG	Nam	30/12/2004	13DHTDH03	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,65	Xuất sắc	
26	2032221704	LÊ ĐÌNH GIA	HUY	Nam	24/04/2004	13DHTDH01	Kỹ sư	0,66%	151	151	3,10	Khá	
27	2032210083	LÊ QUANG	HUY	Nam	28/10/2003	12DHTDH01_CN	Cử nhân	31,40%	121	121	2,24	Trung bình	
28	2032221673	NGUYỄN QUỐC	HUY	Nam	18/08/2004	13DHTDH03	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,95	Khá	
29	2032221646	NGUYỄN THANH	HUY	Nam	15/12/2004	13DHTDH02	Kỹ sư	1,32%	151	151	3,01	Khá	
30	2032221637	NGUYỄN VĂN	HUY	Nam	27/05/2004	13DHTDH01	Kỹ sư	0,00%	151	153	2,97	Khá	
31	2032221967	DIỆP VŨ	KHẢ	Nam	25/06/2004	13DHTDH03	Kỹ sư	3,97%	151	151	2,71	Khá	
32	2032221972	VÕ VĂN	KHẢI	Nam	09/08/2004	13DHTDH01	Kỹ sư	3,97%	151	153	2,69	Khá	
33	2032221977	DƯƠNG MINH	KHAN	Nam	29/06/2004	13DHTDH03	Kỹ sư	1,32%	151	151	3,12	Khá	
34	2032222068	NGUYỄN VĂN	KHÁNH	Nam	15/05/2004	13DHTDH02	Kỹ sư	1,99%	151	151	3,04	Khá	
35	2032217441	TRẦN DUY	KHÁNH	Nam	13/09/2003	12DHTDH03	Kỹ sư	19,87%	151	157	2,32	Trung bình	
36	2032222123	LÂM ĐĂNG	KHOA	Nam	10/09/2003	13DHTDH01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,34	Giỏi	
37	2032211897	NGUYỄN HỮU MINH	KHOA	Nam	27/10/2003	12DHTDH02	Kỹ sư	20,53%	151	153	2,49	Trung bình	
38	2032222156	ĐINH TRỌNG	KHUÊ	Nam	30/01/2004	13DHTDH01	Kỹ sư	7,28%	151	153	2,53	Khá	
39	2032221871	TRẦN ĐĂNG	KIÊN	Nam	21/04/2004	13DHTDH01	Kỹ sư	3,31%	151	151	2,76	Khá	
40	2032221901	HUỲNH ANH	KIỆT	Nam	04/06/2004	13DHTDH02	Kỹ sư	0,66%	151	151	2,72	Khá	
41	2032221911	NGUYỄN VĂN	KIỆT	Nam	09/09/2004	13DHTDH02	Kỹ sư	1,32%	151	151	2,66	Khá	
42	2032221906	TRƯƠNG TUẤN	KIỆT	Nam	21/11/2004	13DHTDH03	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,59	Giỏi	
43	2032200060	MAI THÀNH ANH	KIỆT	Nam	27/12/2002	11DHTDH1_CN	Cử nhân	21,49%	121	123	2,25	Trung bình	
44	2032222172	NGUYỄN NGỌC DUY	LAM	Nam	27/08/2004	13DHTDH03	Kỹ sư	3,31%	151	151	2,75	Khá	
45	2032217465	HUỲNH TUẤN	LÂM	Nam	05/01/2003	12DHTDH03_CN	Cử nhân	41,32%	121	123	2,35	Trung bình	
46	2032222341	HUỲNH TẤN	LINH	Nam	16/04/2004	13DHTDH01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,25	Giỏi	
47	2032222464	LÊ CHÂU ĐẠI	LỘC	Nam	13/05/2004	13DHTDH03	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,96	Khá	
48	2032222510	NGUYỄN DUY	LƯƠNG	Nam	11/12/2004	13DHTDH02	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,00	Khá	

49	2032222655	KIỀU TUẤN	MINH	Nam	24/10/2004	13DHTDH02	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,45	Giỏi	
50	2032217485	NGUYỄN NHẬT	MINH	Nam	02/08/2003	12DHTDH07	Kỹ sư	13,91%	151	151	2,75	Khá	
51	2032200069	PHẠM HUỲNH LÊ	MINH	Nam	12/10/2002	11DHTDH1	Kỹ sư	11,26%	151	157	2,03	Trung bình	
52	2032222735	NGUYỄN VĂN	MỸ	Nam	19/12/2004	13DHTDH03	Kỹ sư	4,64%	151	153	2,81	Khá	
53	2032222775	ĐỖ HOÀNG	NAM	Nam	18/09/2004	13DHTDH01	Kỹ sư	1,99%	151	151	2,84	Khá	
54	2032222791	ĐOÀN LÊ NHẬT	NAM	Nam	19/08/2004	13DHTDH02	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,05	Khá	
55	2032222766	NGUYỄN HỒNG NHẬT	NAM	Nam	23/06/2004	13DHTDH03	Kỹ sư	1,99%	151	151	2,98	Khá	
56	2032222784	PHAN VĂN	NAM	Nam	23/04/2004	13DHTDH03	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,79	Khá	
57	2032212128	NGUYỄN TRUNG	NGHĨA	Nam	23/11/2003	12DHTDH02	Kỹ sư	12,58%	151	151	2,30	Trung bình	
58	2032223079	HÀN THIÊN BỬU	NGỌC	Nữ	06/05/2004	13DHTDH02	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,48	Giỏi	
59	2032217500	PHẠM TRUNG	NGUYÊN	Nam	18/06/2003	12DHTDH07	Kỹ sư	17,22%	151	151	2,55	Khá	
60	2032223164	VÕ VĂN	NGUYÊN	Nam	04/03/2004	13DHTDH03	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,08	Khá	
61	2032223213	NGUYỄN THANH	NHÀN	Nam	19/01/2004	13DHTDH01	Kỹ sư	7,95%	151	153	2,67	Khá	
62	2032210197	NGUYỄN PHÚC	NHÂN	Nam	23/11/2003	12DHTDH01	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,50	Khá	
63	2032223243	NGUYỄN THÀNH	NHÂN	Nam	11/05/2004	13DHTDH03	Kỹ sư	1,99%	151	151	3,00	Khá	
64	2032223273	ĐOÀN LONG	NHẬT	Nam	27/12/2003	13DHTDH03	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,03	Khá	
65	2032223578	HUỲNH THÀNH	PHÁP	Nam	03/11/2004	13DHTDH03	Kỹ sư	3,31%	151	151	3,11	Khá	
66	2032210301	PHAN TẤN	PHÁT	Nam	23/02/2003	12DHTDH01	Kỹ sư	5,96%	151	151	2,59	Khá	
67	2032223705	TRẦN ĐỨC	PHÚ	Nam	16/01/2004	13DHTDH02	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,84	Khá	
68	2032223755	ĐÀO MINH	PHÚC	Nam	24/02/2004	13DHTDH01	Kỹ sư	5,30%	151	153	2,91	Khá	
69	2032223758	LÂM VĂN TRỌNG	PHÚC	Nam	20/08/2004	13DHTDH01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,55	Giỏi	
70	2032223804	LÊ KIM	PHỤNG	Nam	02/02/2004	13DHTDH03	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,66	Khá	
71	2032223811	LÊ XUÂN NGỌC	PHƯỚC	Nam	18/01/2004	13DHTDH01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,44	Giỏi	
72	2032223817	NGUYỄN MINH	PHƯỚC	Nam	22/10/2004	13DHTDH02	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,25	Giỏi	
73	2032223840	VŨ ĐỨC ANH	PHƯƠNG	Nam	09/04/2004	13DHTDH02	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,99	Khá	
74	2032210188	PHẠM HOÀI	QUÂN	Nam	04/06/2003	12DHTDH02_CN	Cử nhân	17,36%	121	121	2,12	Trung bình	

75	2032217534	PHẠM NGUYỄN HOÀNG	QUÂN	Nam	08/11/2003	12DHTDH03	Kỹ sư	0,00%	151	153	3,14	Khá	
76	2032223936	TRỊNH QUÝ TRƯỜNG	QUÂN	Nam	17/05/2004	13DHTDH03	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,16	Khá	
77	2032224049	TRƯƠNG MINH	QUYỀN	Nam	22/10/2004	13DHTDH03	Kỹ sư	1,99%	151	151	2,63	Khá	
78	2032224157	HUỲNH MINH	SANG	Nam	31/05/2004	13DHTDH02	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,39	Giỏi	
79	2032224151	NGUYỄN HOÀNG	SANG	Nam	15/01/2004	13DHTDH03	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,84	Khá	
80	2032210442	NGUYỄN HOÀNG MINH	THẮNG	Nam	02/06/2003	12DHTDH05	Kỹ sư	10,60%	151	153	2,77	Khá	
81	2032217557	KIỀU TRÍ	THÀNH	Nam	05/09/2003	12DHTDH04	Kỹ sư	12,58%	151	151	2,69	Khá	
82	2032224809	NGUYỄN THANH	THẢO	Nam	22/12/2004	13DHTDH02	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,37	Giỏi	
83	2032224910	PHẠM MINH	THIỆN	Nam	22/07/2004	13DHTDH02	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,71	Khá	
84	2032224909	PHẠM PHƯỚC	THIỆN	Nam	20/12/2004	13DHTDH02_CN	Cử nhân	1,65%	121	123	2,95	Khá	
85	2032224947	NGUYỄN PHÚC	THỊNH	Nam	09/02/2004	13DHTDH01	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,73	Khá	
86	2032224961	NGUYỄN PHÚC	THỊNH	Nam	27/01/2004	13DHTDH01	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,95	Khá	
87	2032224946	VÕ ĐỨC	THỊNH	Nam	31/05/2004	13DHTDH03	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,58	Giỏi	
88	2032225079	NGUYỄN PHƯƠNG	THÙY	Nữ	24/01/2004	13DHTDH02	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,79	Khá	
89	2032224404	NGUYỄN NHẬT	TIỀN	Nam	24/03/2004	13DHTDH01_CN	Cử nhân	4,96%	121	121	2,88	Khá	
90	2032224399	TRẦN THANH	TIỀN	Nam	16/11/2004	13DHTDH01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,73	Xuất sắc	
91	2032224398	TRƯƠNG NHẬT	TIỀN	Nam	16/08/2004	13DHTDH03	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,12	Khá	
92	2032210092	NGUYỄN TRUNG	TÍN	Nam	27/10/2003	12DHTDH01	Kỹ sư	11,92%	151	153	2,39	Trung bình	
93	2032224443	NGUYỄN VĂN	TO	Nam	09/01/2004	13DHTDH02	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,86	Khá	
94	2032217580	HÀ TRỌNG	TOÀN	Nam	27/11/2003	12DHTDH07	Kỹ sư	15,23%	151	151	2,44	Trung bình	
95	2032207933	LƯU THIỆN	TỒN	Nam	19/09/2002	11DHTDH3	Kỹ sư	8,61%	151	153	2,63	Khá	
96	2032225626	PHẠM GIA	TRỌNG	Nam	23/03/2004	13DHTDH03	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,51	Giỏi	
97	2032225681	ĐẶNG THANH	TRUNG	Nam	22/08/2004	13DHTDH01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,18	Khá	
98	2032224625	HỒ XUÂN	TỰ	Nam	23/06/2004	13DHTDH02	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,01	Khá	
99	2032210612	LÊ ĐỨC ANH	TUẤN	Nam	19/08/2003	12DHTDH04_CN	Cử nhân	16,53%	121	121	2,09	Trung bình	
100	2032224528	NGUYỄN MINH	TUẤN	Nam	05/01/2004	13DHTDH01	Kỹ sư	1,32%	151	151	3,05	Khá	

101	2032224526	TIÊU ANH	TUẤN	Nam	19/04/2004	13DHTDH02	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,39	Giỏi	
102	2032224633	LÊ VĂN	TƯỜNG	Nam	16/04/2004	13DHTDH02	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,99	Khá	
103	2032225802	NGÔ NGỌC PHI	VÂN	Nữ	11/06/2004	13DHTDH03	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,00	Khá	
104	2032225853	NGÔ QUỐC	VIỆT	Nam	10/03/2004	13DHTDH01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,65	Xuất sắc	
105	2032225879	HUỲNH THANH	VINH	Nam	04/08/2004	13DHTDH02	Kỹ sư	8,61%	151	151	2,70	Khá	
106	2032225871	LƯƠNG TUYỀN	VINH	Nam	29/03/2004	13DHTDH01	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,78	Khá	
107	2032225890	VÕ VĂN	VĨNH	Nam	12/08/2004	13DHTDH02	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,97	Khá	
108	2032210216	NGUYỄN NHẬT	VŨ	Nam	30/07/2003	12DHTDH03	Kỹ sư	3,97%	151	153	2,96	Khá	

Ngành: Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Bằng tốt nghiệp	Tỷ lệ học lại	TC TK	TC TL	TBCTL	Xếp loại TN	Ghi chú
1	2025220029	LÊ TRIỀU	AN	Nam	05/01/2004	13DHCDT01	Kỹ sư	7,28%	151	151	3,04	Khá	
2	2025210039	NGUYỄN HUY	AN	Nam	07/12/2003	12DHCDT01	Kỹ sư	10,60%	151	151	2,31	Trung bình	
3	2025220168	NGUYỄN HOÀNG	ANH	Nam	27/08/2004	13DHCDT02	Kỹ sư	3,31%	151	151	2,90	Khá	
4	2025202002	NGUYỄN HOÀNG	ANH	Nam	21/04/2002	11DHCDT2_CN	Cử nhân	6,61%	121	121	2,51	Khá	
5	2025220351	PHAN CHÍ	BẢO	Nam	22/01/2004	13DHCDT01	Kỹ sư	1,99%	151	151	3,01	Khá	
6	2025220388	LÊ PHƯƠNG	BÌNH	Nam	28/03/2004	13DHCDT02	Kỹ sư	0,66%	151	151	2,95	Khá	
7	2025220411	PHẠM PHÚ	CẢNH	Nam	01/10/2004	13DHCDT02	Kỹ sư	5,30%	151	151	2,70	Khá	
8	2025220451	LÊ ĐẠI PHÚ	CƯỜNG	Nam	24/01/2004	13DHCDT01	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,95	Khá	
9	2025220452	NGUYỄN THIÊN	CƯỜNG	Nam	22/09/2004	13DHCDT01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,36	Giỏi	
10	2025220916	BÙI VĂN KIM	ĐẠT	Nam	06/10/2004	13DHCDT01	Kỹ sư	3,97%	151	151	2,63	Khá	
11	2025220880	LÂM MINH	ĐẠT	Nam	02/09/2004	13DHCDT02	Kỹ sư	1,99%	151	154	2,94	Khá	
12	2025220944	VÕ THÀNH	ĐẠT	Nam	26/12/2004	13DHCDT02	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,00	Khá	
13	2025220999	ĐỖ PHƯƠNG	ĐÔNG	Nam	19/07/2004	13DHCDT02	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,47	Giỏi	
14	2025202012	PHẠM QUỐC	DŨNG	Nam	21/11/2002	11DHCDT2	Kỹ sư	27,15%	151	153	2,12	Trung bình	
15	2025220816	GIANG TẤN	DƯƠNG	Nam	23/11/2004	13DHCDT02	Kỹ sư	1,99%	151	151	2,83	Khá	
16	2025220821	NGUYỄN QUỐC	DƯƠNG	Nam	19/02/2004	13DHCDT01	Kỹ sư	1,99%	151	151	2,92	Khá	

17	2025220741	HUỲNH KHÁNH	DUY	Nam	25/11/2004	13DHCDT01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,09	Khá	
18	2025221074	ĐỖ CHÍ	GIÀU	Nam	19/10/2004	13DHCDT02	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,78	Khá	
19	2025221117	PHẠM HOÀNG LÂM	HÀ	Nam	20/03/2004	13DHCDT02	Kỹ sư	0,00%	151	153	3,21	Giỏi	
20	2025221186	LÊ NHẬT	HÀO	Nam	14/05/2004	13DHCDT02	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,35	Giỏi	
21	2025221324	NGUYỄN VĂN	HẬU	Nam	07/03/2004	13DHCDT01_CN	Cử nhân	0,00%	121	121	3,09	Khá	
22	2025221369	PHAN BÁ	HIỀN	Nam	17/07/2004	13DHCDT02	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,22	Giỏi	
23	2025221388	TRỊNH NGHĨA	HIỆP	Nam	07/04/2004	13DHCDT02	Kỹ sư	10,60%	151	153	2,89	Khá	
24	2025221428	NGUYỄN TRỌNG	HIẾU	Nam	10/05/2004	13DHCDT02	Kỹ sư	1,99%	151	151	3,18	Khá	
25	2025221403	NGUYỄN VĂN	HIẾU	Nam	02/10/2002	13DHCDT02	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,05	Khá	
26	2025221579	PHAN THANH	HÙNG	Nam	04/06/2004	13DHCDT02	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,37	Giỏi	
27	2025221573	VŨ PHAN ANH	HÙNG	Nam	30/01/2004	13DHCDT01	Kỹ sư	3,97%	151	151	2,47	Trung bình	
28	2025221662	HỒ MẠNH	HUY	Nam	26/05/2004	13DHCDT01	Kỹ sư	3,97%	151	151	2,84	Khá	
29	2025221683	NGUYỄN NHẬT GIA	HUY	Nam	21/11/2004	13DHCDT01	Kỹ sư	3,31%	151	151	2,64	Khá	
30	2025222011	VƯƠNG HOÀNG	KHANG	Nam	24/03/2004	13DHCDT01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,09	Khá	
31	2025222060	NGUYỄN HỒNG	KHÁNH	Nam	29/01/2004	13DHCDT01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,10	Khá	
32	2025222084	TRẦN LÊ TRỌNG	KHIÊM	Nam	08/10/2004	13DHCDT02	Kỹ sư	1,99%	151	151	3,03	Khá	
33	2025222150	LÊ TRỌNG	KHÔI	Nam	19/12/2004	13DHCDT01	Kỹ sư	1,99%	151	153	3,18	Khá	
34	2025221874	LÊ QUỐC	KIÊN	Nam	23/02/2004	13DHCDT01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,09	Khá	
35	2025221895	NGUYỄN TUẤN	KIỆT	Nam	01/01/2004	13DHCDT02	Kỹ sư	0,00%	151	153	3,00	Khá	
36	2025221915	VÕ TRỌNG	KIỆT	Nam	25/11/2004	13DHCDT02	Kỹ sư	0,00%	151	153	3,31	Giỏi	
37	2025222204	NGUYỄN THANH	LÂM	Nam	19/05/2004	13DHCDT01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,46	Giỏi	
38	2025210209	HOÀNG	LINH	Nam	13/05/2003	12DHCDT01	Kỹ sư	9,27%	151	151	2,48	Trung bình	
39	2025222388	TRỊNH NGHĨA	LINH	Nam	11/05/2004	13DHCDT02	Kỹ sư	0,66%	151	153	3,08	Khá	
40	2025222459	ĐINH THỊ KIM	LỘC	Nữ	25/08/2004	13DHCDT01_CN	Cử nhân	6,61%	121	121	2,50	Khá	
41	2025222469	NGUYỄN HỮU	LỘC	Nam	20/09/2004	13DHCDT01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,16	Khá	
42	2025207715	ĐỖ MINH	LUÂN	Nam	24/05/2002	11DHCDT3	Kỹ sư	14,57%	151	153	2,57	Khá	

43	2025223029	TRẦN MINH	NGHĨA	Nam	24/12/2004	13DHCDT01	Kỹ sư	5,30%	151	151	3,11	Khá	
44	2025190145	TRẦN VĂN	NGHĨA	Nam	27/11/2001	10DHCDT1_QS	Kỹ sư	9,92%	121	126	2,35	Trung bình	
45	2025223061	TRẦN QUỐC	NGỌC	Nam	07/10/2004	13DHCDT02	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,19	Khá	
46	2025223250	NGÔ HIỀN	NHÂN	Nam	15/09/2004	13DHCDT02	Kỹ sư	6,62%	151	151	2,86	Khá	
47	2025210114	THÁI MINH	NHẬT	Nam	05/10/2003	12DHCDT01	Kỹ sư	24,50%	151	153	2,55	Khá	
48	2025211491	NGUYỄN HỒ TẤN	PHÁT	Nam	24/03/2003	12DHCDT01	Kỹ sư	27,81%	151	153	2,38	Trung bình	
49	2025223633	TRẦN NGUYỄN TIẾN	PHÁT	Nam	19/06/2004	13DHCDT01	Kỹ sư	1,99%	151	151	2,66	Khá	
50	2025223645	NGUYỄN CHÍ	PHI	Nam	10/06/2004	13DHCDT02	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,95	Khá	
51	2025223677	LÊ HÀ CHẤN	PHONG	Nam	08/08/2004	13DHCDT01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,10	Khá	
52	2025216949	VÕ ĐOÀN THANH	PHÚ	Nam	02/11/2003	12DHCDT03	Kỹ sư	9,27%	151	153	2,75	Khá	
53	2025223787	ĐẶNG VĂN	PHÚC	Nam	14/08/2004	13DHCDT01	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,51	Khá	
54	2025223927	NGUYỄN ĐÌNH ANH	QUANG	Nam	15/08/2004	13DHCDT02	Kỹ sư	3,97%	151	151	2,98	Khá	
55	2025224050	NGUYỄN PHẠM HỮU	QUYỀN	Nam	27/08/2004	13DHCDT01	Kỹ sư	1,99%	151	151	3,01	Khá	
56	2025224185	LÊ TRẦN NGỌC	SƠN	Nam	10/07/2004	13DHCDT01	Kỹ sư	3,97%	151	151	2,99	Khá	
57	2025224244	TRƯƠNG TẤN	TÀI	Nam	28/01/2004	13DHCDT01	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,83	Khá	
58	2025224652	NGUYỄN VŨ DUY	THÁI	Nam	28/05/2004	13DHCDT01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,48	Giỏi	
59	2025216980	TRƯƠNG TUẤN	THĂNG	Nam	05/09/2003	12DHCDT04_CN	Cử nhân	14,05%	121	121	2,36	Trung bình	
60	2025224895	NGUYỄN HẢI	THIÊN	Nam	08/05/2004	13DHCDT01	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,85	Khá	
61	2025224920	NGUYỄN HOÀNG	THIẾT	Nam	22/02/2004	13DHCDT01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,60	Xuất sắc	
62	2025224959	LÊ PHƯỚC	THỊNH	Nam	11/06/2004	13DHCDT01	Kỹ sư	1,99%	151	151	2,81	Khá	
63	2025225277	NGUYỄN MINH	THỨC	Nam	20/10/2004	13DHCDT02	Kỹ sư	5,30%	151	151	3,11	Khá	
64	2025224409	NGUYỄN MINH	TIẾN	Nam	22/09/2003	13DHCDT01	Kỹ sư	1,99%	151	151	2,78	Khá	
65	2025217006	NGUYỄN PHÚC	TOÀN	Nam	20/12/2003	12DHCDT04	Kỹ sư	7,95%	151	151	2,52	Khá	
66	2025224448	TRẦN XUÂN	TOÀN	Nam	02/04/2004	13DHCDT02	Kỹ sư	2,65%	151	151	2,97	Khá	
67	2025210449	ĐỖ MINH	TRÍ	Nam	18/09/2003	12DHCDT03	Kỹ sư	3,97%	151	151	2,73	Khá	
68	2025225619	LÊ NGUYỄN NGỌC	TRỌNG	Nam	10/12/2004	13DHCDT01	Kỹ sư	3,97%	151	151	2,79	Khá	

69	2025225697	HUỲNH CHÍ	TRỰC	Nam	19/01/2004	13DHCDT01	Kỹ sư	0,00%	151	153	3,16	Khá	
70	2025225710	HOÀNG XUÂN	TRƯỜNG	Nam	10/10/2004	13DHCDT02	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,38	Giỏi	
71	2025225878	NGUYỄN HẢI	VINH	Nam	02/12/2004	13DHCDT02	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,41	Giỏi	
72	2025225887	TRẦN XUÂN	VINH	Nam	13/05/2004	13DHCDT02	Kỹ sư	4,64%	151	151	2,79	Khá	
73	2025225917	LÊ ĐỨC HOÀNG	VŨ	Nam	31/01/2004	13DHCDT01	Kỹ sư	5,30%	151	151	2,74	Khá	

Ngành: Công nghệ chế tạo máy

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Bằng tốt nghiệp	Tỷ lệ học lại	TC TK	TC TL	TBCTL	Xếp loại TN	Ghi chú
1	2003220058	LÊ TRƯỜNG	AN	Nam	29/08/2004	13DHCK01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,08	Khá	
2	2003220023	TRẦN THÁI	AN	Nam	14/04/2004	13DHCK01	Kỹ sư	0,00%	151	153	3,23	Giỏi	
3	2003220417	TRỊNH CAO	CÁT	Nam	15/07/2004	13DHCK01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,40	Giỏi	
4	2003220512	LÊ MINH	CHÂU	Nam	05/07/2004	13DHCK03	Kỹ sư	3,31%	151	153	3,00	Khá	
5	2003220883	CAO THÀNH	ĐẠT	Nam	29/01/2004	13DHCK03_CN	Cử nhân	8,26%	121	121	2,28	Trung bình	
6	2032217380	HUỲNH TẤN	ĐẠT	Nam	20/04/2003	12DHCK01	Kỹ sư	7,95%	151	155	3,11	Khá	
7	2003220989	NGUYỄN VĂN	ĐOAN	Nam	10/02/2004	13DHCK01	Kỹ sư	3,97%	151	151	2,94	Khá	
8	2003221013	BÙI MINH	ĐỨC	Nam	20/04/2004	13DHCK03	Kỹ sư	0,66%	151	151	2,85	Khá	
9	2003220676	ĐỖ VĂN	DŨNG	Nam	02/06/2004	13DHCK03_CN	Cử nhân	5,79%	121	121	2,23	Trung bình	
10	2003216635	LÊ TRẦN HOÀNG	DUY	Nam	21/11/2003	12DHCK02	Kỹ sư	3,31%	151	151	2,66	Khá	
11	2003220719	PHẠM ANH	DUY	Nam	17/06/2004	13DHCK01	Kỹ sư	0,00%	151	153	3,21	Giỏi	
12	2003202010	HỒ BẢO	DUY	Nam	14/11/2002	11DHCK2	Kỹ sư	13,25%	151	151	2,68	Khá	
13	2003221407	LÊ TRUNG	HIẾU	Nam	27/08/2004	13DHCK03	Kỹ sư	7,95%	151	151	2,47	Trung bình	
14	2003216664	HUỲNH HUY	HÒA	Nam	16/11/2003	12DHCK01	Kỹ sư	1,32%	151	155	2,89	Khá	
15	2003221578	LÊ CÔNG	HÙNG	Nam	01/03/2004	13DHCK01_CN	Cử nhân	3,31%	121	121	2,33	Trung bình	
16	2003221560	TRƯƠNG ĐẠI	HÙNG	Nam	12/06/2004	13DHCK01	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,94	Khá	
17	2003221786	NGUYỄN HOÀNG	HƯNG	Nam	23/03/2004	13DHCK01	Kỹ sư	1,99%	151	151	2,91	Khá	
18	2003221785	PHẠM QUỐC	HƯNG	Nam	09/12/1999	13DHCK02	Kỹ sư	7,28%	151	151	2,95	Khá	
19	2003221611	PHAN TRẦN NHẬT	HUY	Nam	01/01/2004	13DHCK03	Kỹ sư	5,30%	151	151	2,54	Khá	

20	2003221661	VÕ TRẦN QUANG	HUY	Nam	23/10/2004	13DHCK03	Kỹ sư	3,97%	151	151	2,76	Khá	
21	2003222000	LÊ NGUYÊN	KHANG	Nam	23/09/2004	13DHCK01	Kỹ sư	3,31%	151	153	3,06	Khá	
22	2003222077	LÂM VĂN	KHÁNH	Nam	01/07/2004	13DHCK03	Kỹ sư	6,62%	151	151	2,61	Khá	
23	2003210403	TRỊNH ANH	KHOA	Nam	01/01/2003	12DHCK01	Kỹ sư	11,92%	151	154	2,57	Khá	
24	2003222160	LÊ MINH	KHUYẾN	Nam	30/08/2004	13DHCK01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,15	Khá	
25	2003216691	LA TRUNG	KIÊN	Nam	07/06/2003	12DHCK02	Kỹ sư	5,96%	151	151	2,41	Trung bình	
26	2003221905	HỒ ANH	KIỆT	Nam	21/04/2004	13DHCK02	Kỹ sư	2,65%	151	153	3,09	Khá	
27	2003222241	NGÔ HOÀNG	LỊCH	Nam	08/08/2004	13DHCK01	Kỹ sư	1,99%	151	153	2,67	Khá	
28	2003216699	NGUYỄN THÀNH	LỢI	Nam	04/06/2003	12DHCK03	Kỹ sư	1,99%	151	153	2,40	Trung bình	
29	2003222445	LÊ BẢO	LONG	Nam	20/01/2004	13DHCK02	Kỹ sư	7,95%	151	151	2,59	Khá	
30	2003211982	TRẦN THANH	MINH	Nam	26/09/2002	12DHCK01	Kỹ sư	8,61%	151	153	2,58	Khá	
31	2003222752	NGUYỄN NGỌC	NAM	Nam	13/11/2004	13DHCK01	Kỹ sư	1,99%	151	151	2,83	Khá	
32	2003222751	NGUYỄN PHƯƠNG	NAM	Nam	24/10/2004	13DHCK01	Kỹ sư	3,31%	151	151	3,20	Giỏi	
33	2003216705	TRẦN NGỌC	NAM	Nam	16/06/2003	12DHCK02_CN	Cử nhân	19,83%	121	123	2,07	Trung bình	
34	2003223241	BÙI LÊ BẢO	NHÂN	Nam	09/04/2004	13DHCK01	Kỹ sư	3,97%	151	153	2,88	Khá	
35	2003223242	NGUYỄN THÀNH	NHÂN	Nam	03/11/2004	13DHCK01	Kỹ sư	0,66%	151	153	2,84	Khá	
36	2003216715	PHẠM XUÂN	NHÂN	Nam	02/02/2003	12DHCK03	Kỹ sư	6,62%	151	157	2,67	Khá	
37	2003216719	LÊ TÚ	NHƠN	Nam	21/07/2003	12DHCK02	Kỹ sư	3,97%	151	151	2,67	Khá	
38	2003223586	LÊ TẤN	PHÁT	Nam	01/05/2004	13DHCK01	Kỹ sư	0,00%	151	153	2,82	Khá	
39	2003210020	TRẦN PHẠM THANH	PHONG	Nam	22/09/2003	12DHCK01	Kỹ sư	11,26%	151	153	2,59	Khá	
40	2003223662	TRẦN THANH	PHONG	Nam	28/03/2004	13DHCK01	Kỹ sư	1,99%	151	151	3,24	Giỏi	
41	2003223720	NGUYỄN THIỆN	PHÚC	Nam	17/12/2004	13DHCK01	Kỹ sư	7,28%	151	151	2,59	Khá	
42	2003224142	NGUYỄN THANH	SANG	Nam	24/01/2004	13DHCK01	Kỹ sư	3,97%	151	151	2,92	Khá	
43	2003224211	CAO LÊ QUÝ	TÀI	Nam	09/01/2004	13DHCK03_CN	Cử nhân	4,96%	121	121	2,35	Trung bình	
44	2003216753	NGUYỄN TẤN	TÀI	Nam	02/10/2003	12DHCK02	Kỹ sư	13,25%	151	151	2,58	Khá	
45	2003224303	HỒ DUY	TÂM	Nam	27/01/2004	13DHCK01	Kỹ sư	1,99%	151	151	3,03	Khá	

46	2003224894	PHAN THANH	THIỀN	Nam	25/09/2004	13DHCK02	Kỹ sư	8,61%	151	151	2,91	Khá	
47	2003224964	NGÔ CƯỜNG	THỊNH	Nam	23/06/2004	13DHCK02	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,02	Khá	
48	2003216765	TRƯƠNG QUANG	THỨC	Nam	08/07/2002	12DHCK02	Kỹ sư	2,65%	151	151	2,80	Khá	
49	2003224403	TRẦN VĂN	TIẾN	Nam	07/04/2004	13DHCK01	Kỹ sư	1,99%	151	151	3,06	Khá	
50	2003224420	PHẠM LÊ TRUNG	TÍN	Nam	08/06/2004	13DHCK03	Kỹ sư	5,30%	151	151	2,93	Khá	
51	2003224437	NGUYỄN ĐỨC	TÍNH	Nam	06/01/2003	13DHCK01_CN	Cử nhân	0,83%	121	121	2,53	Khá	
52	2003225335	NGUYỄN LÂM NGỌC	TRAI	Nam	07/04/2004	13DHCK02	Kỹ sư	4,64%	151	151	3,19	Khá	
53	2003225536	PHẠM MINH	TRÍ	Nam	31/03/2004	13DHCK01	Kỹ sư	1,99%	151	151	3,02	Khá	
54	2003225565	LIÊU MINH	TRIẾT	Nam	10/08/2004	13DHCK01	Kỹ sư	1,99%	151	151	2,99	Khá	
55	2003225680	BÙI NGUYỄN PHONG	TRUNG	Nam	09/10/2004	13DHCK02	Kỹ sư	3,31%	151	151	2,74	Khá	
56	2003216777	DƯƠNG NGỌC	TRUNG	Nam	17/09/2003	12DHCK02	Kỹ sư	1,32%	151	151	2,52	Khá	
57	2003224544	ĐỖ HUY	TUẤN	Nam	16/06/2004	13DHCK01	Kỹ sư	3,31%	151	151	3,05	Khá	
58	2003224541	NGUYỄN THANH	TUẤN	Nam	30/08/2004	13DHCK01	Kỹ sư	2,65%	151	151	3,01	Khá	

Ngành: Công nghệ sinh học

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Bằng tốt nghiệp	Tỷ lệ học lại	TC TK	TC TL	TBCTL	Xếp loại TN	Ghi chú
1	2008220017	NGUYỄN MINH	AN	Nam	25/08/2004	13DHSH03	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,80	Khá	
2	2008220270	TRẦN I	ÂN	Nam	19/06/2004	13DHSH03	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,03	Khá	
3	2008220132	LÝ NGỌC XUÂN	ANH	Nữ	17/11/2004	13DHSH01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,10	Khá	
4	2008220106	NGUYỄN NGỌC LAN	ANH	Nữ	20/11/2004	13DHSH01	Kỹ sư	1,32%	151	151	3,15	Khá	
5	2008220099	NGUYỄN PHẠM QUỐC	ANH	Nam	26/10/2004	13DHSH02	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,19	Khá	
6	2008220499	NGUYỄN NGỌC MINH	CHÂU	Nữ	18/09/2004	13DHSH03	Kỹ sư	0,00%	151	153	3,06	Khá	
7	2008220877	CHÂU PHÁT	ĐẠT	Nam	20/10/2004	13DHSH01	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,75	Khá	
8	2008220835	HOÀNG THỊ THUỲ	DƯƠNG	Nữ	06/04/2004	13DHSH02	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,19	Khá	
9	2008215421	ĐINH THỊ HƯƠNG	GIANG	Nữ	11/10/2003	12DHSH03	Kỹ sư	6,62%	151	154	2,48	Trung bình	
10	2008221056	PHAN HỒ QUỲNH	GIANG	Nữ	12/09/2004	13DHSH01	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,98	Khá	
11	2008221043	VŨ THU	GIANG	Nữ	06/10/2004	13DHSH01	Kỹ sư	2,65%	151	151	2,71	Khá	

12	2008221301	HUỲNH LÊ GIA	HÂN	Nữ	21/09/2004	13DHSH02	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,87	Khá	
13	2008221270	HUỲNH PHẠM NGỌC	HÂN	Nữ	11/06/2004	13DHSH03	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,93	Khá	
14	2008210151	NGUYỄN THỊ KIM	HÂN	Nữ	13/09/2003	12DHSH02_CN	Cử nhân	9,09%	121	121	2,23	Trung bình	
15	2008221278	NGUYỄN THỊ NGỌC	HÂN	Nữ	26/11/2004	13DHSH01_CN	Cử nhân	5,79%	121	121	2,32	Trung bình	
16	2008221175	LÂM ANH	HÀO	Nam	28/08/2004	13DHSH03	Kỹ sư	0,00%	151	153	2,81	Khá	
17	2008221381	NGUYỄN VĂN	HIỂN	Nam	23/12/2004	13DHSH01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,35	Giỏi	
18	2008221546	LÊ GIA	HUÂN	Nữ	04/02/2004	13DHSH03_CN	Cử nhân	4,13%	121	121	2,33	Trung bình	
19	2008221574	LÊ KIM	HÙNG	Nam	30/11/2004	13DHSH03_CN	Cử nhân	5,79%	121	121	2,53	Khá	
20	2008221822	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	HƯƠNG	Nữ	02/12/2004	13DHSH01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,01	Khá	
21	2008221859	PHẠM NGUYỄN THU	HƯỜNG	Nữ	24/11/2004	13DHSH01	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,87	Khá	
22	2008221634	NGUYỄN ĐỨC	HUY	Nam	24/03/2004	13DHSH02	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,69	Khá	
23	2008215444	TRẦN QUANG	HUY	Nam	13/06/2003	12DHSH03_CN	Cử nhân	9,92%	121	121	2,01	Trung bình	
24	2008222001	ĐÀO DƯƠNG	KHANG	Nam	05/12/2004	13DHSH02	Kỹ sư	7,28%	151	151	2,68	Khá	
25	2008200067	NGUYỄN DUY	KHANG	Nam	24/12/2002	11DHSH2	Kỹ sư	1,32%	151	151	2,58	Khá	
26	2008210154	VŨ TẠ MINH	KHÁNH	Nữ	02/09/2003	12DHSH02_CN	Cử nhân	9,92%	121	121	2,12	Trung bình	
27	2008222081	TRẦN TUẤN	KHIÊM	Nam	17/07/2002	13DHSH02	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,87	Xuất sắc	
28	2008222206	HUỲNH NHỰT	LÂM	Nam	22/07/2004	13DHSH01	Kỹ sư	1,32%	151	151	2,74	Khá	
29	2008222207	NGUYỄN NGÔ QUÝ	LÂM	Nam	01/08/2004	13DHSH01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,24	Giỏi	
30	2008222256	HUỲNH CẨM	LIÊN	Nữ	30/10/2004	13DHSH03_CN	Cử nhân	5,79%	121	123	2,38	Trung bình	
31	2008222327	LÊ PHAN KHÁNH	LINH	Nữ	07/06/2004	13DHSH01	Kỹ sư	1,32%	151	151	2,92	Khá	
32	2008222376	LÊ THỊ NGỌC	LINH	Nữ	12/11/2004	13DHSH01	Kỹ sư	2,65%	151	151	3,04	Khá	
33	2008222319	NGUYỄN THÙY	LINH	Nữ	09/09/2004	13DHSH03	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,93	Khá	
34	2008200216	NGUYỄN NHẬT	MINH	Nam	03/11/2002	11DHSH2	Kỹ sư	11,92%	151	153	2,31	Trung bình	
35	2008222698	TRẦN TUYẾT	MY	Nữ	19/08/2004	13DHSH01	Kỹ sư	2,65%	151	151	2,56	Khá	
36	2008222718	VÕ THỊ TRÀ	MY	Nữ	06/07/2004	13DHSH03	Kỹ sư	1,32%	151	151	2,67	Khá	
37	2008223011	NGUYỄN HUỲNH ĐỒNG	NGHI	Nữ	19/08/2004	13DHSH01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,43	Giỏi	

38	2008210255	NGUYỄN NGUYỄN ĐÌNH	NGHI	Nữ	28/10/2003	12DHSH01	Kỹ sư	13,25%	151	151	2,44	Trung bình	
39	2008222989	TRẦN NGỌC PHƯƠNG	NGHI	Nữ	06/09/2004	13DHSH03	Kỹ sư	0,00%	151	153	3,17	Khá	
40	2008223156	NGUYỄN THỊ KIM	NGUYÊN	Nữ	26/12/2004	13DHSH01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,48	Giỏi	
41	2008210011	TRẦN HUỲNH THẢO	NGUYÊN	Nữ	21/11/2003	12DHSH03	Kỹ sư	3,97%	151	151	2,55	Khá	
42	2008200232	LÊ TRẦN THU	NGUYỆT	Nữ	20/09/2002	11DHSH2_CN	Cử nhân	0,00%	121	124	2,41	Trung bình	
43	2008223235	NGUYỄN PHAN	NHÂN	Nam	11/04/2004	13DHSH01	Kỹ sư	1,32%	151	151	2,63	Khá	
44	2008223357	BÙI NGỌC MẪN	NHI	Nữ	02/11/2004	13DHSH01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,13	Khá	
45	2008223407	HỒ TRẦN THẢO	NHI	Nữ	01/01/2004	13DHSH03	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,04	Khá	
46	2008223404	NGUYỄN LÊ THẢO	NHI	Nữ	03/11/2004	13DHSH02	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,18	Khá	
47	2008223317	NGUYỄN PHẠM THU	NHI	Nữ	29/02/2004	13DHSH01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,25	Giỏi	
48	2008223338	NGUYỄN THỊ KIỀU	NHI	Nữ	15/10/2004	13DHSH03	Kỹ sư	0,00%	151	152	3,03	Khá	
49	2008215488	PHẠM MAI YẾN	NHI	Nữ	14/08/2003	12DHSH03_CN	Cử nhân	2,48%	121	121	2,40	Trung bình	
50	2008206876	ĐỖ NGỌC UYÊN	NHI	Nữ	12/10/2002	11DHSH1_CN	Cử nhân	9,92%	121	121	2,24	Trung bình	
51	2008210145	ĐẶNG NGỌC QUỲNH	NHƯ	Nữ	16/04/2002	12DHSH01_CN	Cử nhân	16,53%	121	123	2,01	Trung bình	
52	2008223485	LÊ NGUYỄN QUỲNH	NHƯ	Nữ	01/05/2004	13DHSH01	Kỹ sư	1,32%	151	151	2,93	Khá	
53	2008222811	LÊ THỊ CẨM	NƯƠNG	Nữ	04/11/2004	13DHSH01	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,99	Khá	
54	2008223563	TRẦN BẢO	OANH	Nữ	25/11/2004	13DHSH01_CN	Cử nhân	0,00%	121	121	2,75	Khá	
55	2008223598	LA GIA	PHÁT	Nam	09/03/2004	13DHSH02_CN	Cử nhân	0,00%	121	121	3,04	Khá	
56	2008223764	NGUYỄN HỒNG	PHÚC	Nữ	21/03/2004	13DHSH01_CN	Cử nhân	0,00%	121	121	2,83	Khá	
57	2008223752	VÕ VI	PHÚC	Nữ	10/10/2004	13DHSH01	Kỹ sư	1,32%	151	151	2,85	Khá	
58	2008223881	NGÔ NGỌC UYÊN	PHƯƠNG	Nữ	11/06/2004	13DHSH03	Kỹ sư	9,27%	151	151	2,71	Khá	
59	2008224013	TRẦN THỊ Y	QUYÊN	Nữ	06/03/2004	13DHSH01	Kỹ sư	0,00%	151	153	2,67	Khá	
60	2008224045	LÊ THỊ KIM	QUYỀN	Nữ	08/02/2004	13DHSH03	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,78	Khá	
61	2008224074	HỒ CẨM	QUỲNH	Nữ	14/09/2004	13DHSH01	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,69	Khá	
62	2008224273	LÊ THỊ THANH	TÂM	Nữ	19/11/2004	13DHSH01	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,67	Khá	
63	2008210354	NGUYỄN THỊ MỸ	TÂM	Nữ	18/05/2003	12DHSH02_CN	Cử nhân	15,70%	121	121	2,51	Khá	

64	2008210192	PHẠM THỊ BĂNG	TÂM	Nữ	02/02/2003	12DHSH01_CN	Cử nhân	8,26%	121	121	2,15	Trung bình	
65	2008224641	VÕ HỮU MINH	THÁI	Nam	21/02/2004	13DHSH02	Kỹ sư	3,31%	151	161	2,71	Khá	
66	2008224704	LÝ GIAI	THÀNH	Nam	13/06/2004	13DHSH02	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,56	Giỏi	
67	2008224709	NGÔ THỊ	THÀNH	Nữ	09/07/2004	13DHSH01	Kỹ sư	1,32%	151	151	2,82	Khá	
68	2008224784	LƯƠNG THỊ PHƯƠNG	THẢO	Nữ	18/07/2004	13DHSH03	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,16	Khá	
69	2008224760	NGUYỄN GIA	THẢO	Nữ	28/10/2004	13DHSH01	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,85	Khá	
70	2008224937	NGUYỄN ĐỨC	THỊNH	Nam	15/05/2004	13DHSH01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,06	Khá	
71	2008224929	TRẦN QUỐC	THỊNH	Nam	02/03/2004	13DHSH01	Kỹ sư	1,32%	151	155	3,01	Khá	
72	2008224998	NGUYỄN THỊ MINH	THƠ	Nữ	22/11/2004	13DHSH01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,04	Khá	
73	2008225000	TRẦN ANH	THƠ	Nữ	15/07/2004	13DHSH02	Kỹ sư	0,00%	151	153	2,75	Khá	
74	2008215534	ĐINH NGUYỄN ANH	THƯ	Nữ	05/12/2003	12DHSH03	Kỹ sư	5,96%	151	151	2,23	Trung bình	
75	2008225183	NGUYỄN THỊ ANH	THƯ	Nữ	19/09/2004	13DHSH01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,05	Khá	
76	2008225228	TRẦN NGỌC ANH	THƯ	Nữ	12/05/2004	13DHSH01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,10	Khá	
77	2008225164	TRỊNH ANH	THƯ	Nữ	01/09/2004	13DHSH01	Kỹ sư	1,99%	151	151	3,10	Khá	
78	2008225104	PHAN VÕ THANH	THỦY	Nữ	15/07/2004	13DHSH01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,15	Khá	
79	2008225315	NGUYỄN THỊ KIM	THY	Nữ	11/09/2004	13DHSH01	Kỹ sư	1,99%	151	151	2,67	Khá	
80	2008225655	NGUYỄN HOÀNG THANH	TRÚC	Nữ	14/08/2004	13DHSH01	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,96	Khá	
81	2008224566	NGUYỄN MẠNH	TÙNG	Nam	07/06/2004	13DHSH03	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,98	Khá	
82	2008224586	TRỊNH TRÍ	TUYỂN	Nam	08/04/2004	13DHSH03	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,02	Khá	
83	2008225761	NGÔ BẢO	UYÊN	Nữ	29/06/2004	13DHSH01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,22	Giỏi	
84	2008225830	BÙI THỊ XUÂN	VI	Nữ	25/03/2004	13DHSH02_CN	Cử nhân	0,00%	121	123	2,36	Trung bình	
85	2008225817	HUỲNH VÕ TRÚC	VI	Nữ	31/08/2004	13DHSH02	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,20	Giỏi	
86	2008225851	NGUYỄN QUỐC	VIỆT	Nam	10/11/2004	13DHSH02	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,85	Khá	
87	2008210284	NGUYỄN THÀNH	VINH	Nam	02/01/2003	12DHSH02	Kỹ sư	8,61%	151	153	2,37	Trung bình	
88	2008225986	ĐINH THANH	VY	Nữ	21/11/2004	13DHSH01	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,91	Khá	
89	2008225943	PHẠM HOÀNG KHÁNH	VY	Nữ	14/10/2004	13DHSH03	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,77	Khá	

Ngành: Quản trị kinh doanh thực phẩm

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Bằng tốt nghiệp	Tỷ lệ học lại	TC TK	TC TL	TBCTL	Xếp loại TN	Ghi chú
1	2041220044	NGUYỄN THỊ THANH	AN	Nữ	01/09/2004	13DHQTTP01	Cử nhân	0,00%	121	121	3,49	Giỏi	
2	2041220760	TRẦN THỊ CAO	DUYÊN	Nữ	22/07/2004	13DHQTTP03	Cử nhân	2,48%	121	121	2,62	Khá	
3	2041221251	TRẦN THỊ NGỌC	HÂN	Nữ	15/05/2004	13DHQTTP02	Cử nhân	0,83%	121	123	3,04	Khá	
4	2041221509	VÕ HUY	HOÀNG	Nam	21/01/2004	13DHQTTP04	Cử nhân	0,00%	121	121	3,04	Khá	
5	2041222093	ĐẶNG ANH	KHOA	Nam	27/02/2004	13DHQTTP02	Cử nhân	0,00%	121	121	3,09	Khá	
6	2041222374	TRẦN NGỌC MỸ	LINH	Nữ	31/08/2004	13DHQTTP01	Cử nhân	2,48%	121	121	2,95	Khá	
7	2041210107	NGUYỄN HOÀNG	NAM	Nam	26/10/2003	12DHQTTP01	Cử nhân	22,31%	121	125	2,19	Trung bình	
8	2041222950	NGUYỄN TRẦN MỸ	NGÂN	Nữ	19/10/2004	13DHQTTP04	Cử nhân	0,00%	121	121	2,90	Khá	
9	2041223085	NGUYỄN THANH	NGỌC	Nữ	29/09/2004	13DHQTTP04	Cử nhân	0,00%	121	121	3,00	Khá	
10	2041223473	BÙI PHẠM QUỲNH	NHƯ	Nữ	21/10/2004	13DHQTTP01	Cử nhân	0,83%	121	121	2,86	Khá	
11	2041214072	ĐẶNG MINH	QUÂN	Nam	26/11/2003	12DHQTTP03	Cử nhân	9,09%	121	121	2,36	Trung bình	
12	2041224116	NGUYỄN THỊ NHƯ	QUỲNH	Nữ	16/05/2004	13DHQTTP04	Cử nhân	0,00%	121	123	2,70	Khá	
13	2041224146	VÕ NGỌC MINH	SANG	Nam	04/05/2004	13DHQTTP04	Cử nhân	0,00%	121	123	2,70	Khá	
14	2041224257	LÊ NHẬT	TÂM	Nam	07/06/2004	13DHQTTP02	Cử nhân	0,00%	121	121	2,83	Khá	
15	2041210029	PHẠM THANH XUÂN	THẢO	Nữ	08/05/2003	12DHQTTP01	Cử nhân	28,93%	121	121	2,41	Trung bình	
16	2041225179	HUỲNH THỊ ANH	THƯ	Nữ	19/07/2004	13DHQTTP03	Cử nhân	0,00%	121	121	2,94	Khá	
17	2041225260	VŨ ANH	THƯ	Nữ	18/01/2004	13DHQTTP02	Cử nhân	0,00%	121	121	2,89	Khá	
18	2041225029	VÕ THỊ BÍCH	THUẬN	Nữ	18/02/2004	13DHQTTP04	Cử nhân	1,65%	121	123	2,61	Khá	
19	2041225523	QUÁCH NGỌC HUYỀN	TRÂN	Nữ	12/07/2004	13DHQTTP03	Cử nhân	0,00%	121	121	3,13	Khá	
20	2041225487	TRẦN NGỌC BẢO	TRÂN	Nữ	27/10/2004	13DHQTTP04	Cử nhân	0,00%	121	121	3,20	Giỏi	
21	2041225550	HOÀNG ĐỨC	TRÍ	Nam	15/02/2004	13DHQTTP04	Cử nhân	8,26%	121	121	2,42	Trung bình	
22	2041225588	BÙI THỊ THÙY	TRINH	Nữ	12/07/2004	13DHQTTP01	Cử nhân	4,13%	121	125	2,48	Trung bình	
23	2041214106	CHUNG THÁI	TUẤN	Nam	29/03/2003	12DHQTTP03	Cử nhân	9,92%	121	121	2,23	Trung bình	
24	2041225983	KIỀU THẢO	VY	Nữ	12/06/2004	13DHQTTP03	Cử nhân	0,00%	121	126	2,97	Khá	

25	2041226032	PHẠM NGỌC LAN	VY	Nữ	23/09/2004	13DHQTTP04	Cử nhân	0,00%	121	121	2,77	Khá	
26	2041226097	NGUYỄN NHẬT	YÊN	Nữ	14/08/2004	13DHQTTP01	Cử nhân	9,09%	121	122	2,42	Trung bình	

Ngành: Công nghệ kỹ thuật môi trường

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Bằng tốt nghiệp	Tỷ lệ học lại	TC TK	TC TL	TBCTL	Xếp loại TN	Ghi chú
1	2009220059	PHẠM PHƯỚC	AN	Nam	10/06/2004	13DHMT	Kỹ sư	1,32%	151	151	3,33	Giỏi	
2	2009222599	TỐNG HÙNG	MẠNH	Nam	04/10/2004	13DHMT	Kỹ sư	0,00%	151	153	2,71	Khá	
3	2009222974	VŨ PHAN KIM	NGÂN	Nữ	12/04/2004	13DHMT	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,04	Khá	
4	2009223783	BÙI HOÀNG	PHÚC	Nam	14/04/2004	13DHMT	Kỹ sư	1,99%	151	151	2,58	Khá	
5	2009223963	UÔNG MINH	QUÂN	Nam	12/10/2004	13DHMT	Kỹ sư	1,32%	151	153	2,94	Khá	
6	2009224817	BÙI NGUYỄN DIỆU	THẢO	Nữ	04/10/2004	13DHMT	Kỹ sư	5,30%	151	151	3,21	Giỏi	
7	2009226240	LÊ NGỌC THANH	THƯ	Nữ	02/01/2004	13DHMT	Kỹ sư	0,00%	151	153	3,62	Xuất sắc	
8	2009224600	LÊ THỊ BÍCH	TUYỀN	Nữ	24/09/2004	13DHMT	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,80	Khá	

Ngành: Công nghệ thông tin

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Bằng tốt nghiệp	Tỷ lệ học lại	TC TK	TC TL	TBCTL	Xếp loại TN	Ghi chú
1	2001215606	NGUYỄN PHÚ THIÊN	ÂN	Nam	17/02/2003	12DHTH09_CN	Cử nhân	34,71%	121	121	2,33	Trung bình	
2	2001220268	PHẠM ĐÀO HUỆ	ÂN	Nam	27/10/2004	13DHTH04_CN	Cử nhân	0,00%	121	121	3,22	Giỏi	
3	2001220273	VŨ ĐÌNH	ÂN	Nam	06/07/2004	13DHTH09_CN	Cử nhân	2,48%	121	121	3,15	Khá	
4	2001207434	NGUYỄN HOÀNG	ÂN	Nam	20/02/2002	11DHTH8_CN	Cử nhân	19,83%	121	121	2,39	Trung bình	
5	2001220205	LÝ NGUYỄN HOÀNG	ANH	Nam	13/09/2004	13DHTH03	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,25	Giỏi	
6	2001220152	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	Nữ	06/10/2004	13DHTH05_CN	Cử nhân	0,00%	121	123	2,92	Khá	
7	2001220215	NGUYỄN TÔ DUY	ANH	Nam	05/01/2004	13DHTH05_CN	Cử nhân	0,00%	121	123	3,07	Khá	
8	2001210587	VŨ THỊ PHƯƠNG	ANH	Nữ	23/09/2003	12DHTH13	Kỹ sư	7,95%	151	151	2,32	Trung bình	
9	2001202005	ĐẶNG VIỆT	ANH	Nam	17/10/2002	11DHTH6	Kỹ sư	25,17%	151	153	2,54	Khá	
10	2001207182	NGUYỄN TUẤN	ANH	Nam	15/09/2001	11DHTH8_CN	Cử nhân	8,26%	121	126	2,47	Trung bình	
11	2001220334	KIM QUỐC	BẢO	Nam	18/01/2004	13DHTH07_CN	Cử nhân	2,48%	121	121	2,73	Khá	
12	2001220299	LÊ QUÂN	BẢO	Nam	04/03/2004	13DHTH03	Kỹ sư	0,00%	151	154	3,47	Giỏi	

13	2001220303	NGUYỄN HỒNG HUY	BẢO	Nam	26/10/2004	13DHTH06_CN	Cử nhân	0,00%	121	121	3,04	Khá	
14	2001220343	NGUYỄN LÊ HUY	BẢO	Nam	09/11/2004	13DHTH06_CN	Cử nhân	4,13%	121	124	2,92	Khá	
15	2001220330	TRẦN DUY	BẢO	Nam	10/05/2004	13DHTH06_CN	Cử nhân	2,48%	121	121	2,96	Khá	
16	2001220322	TRƯƠNG VĂN THẠCH	BẢO	Nam	29/10/2004	13DHTH03	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,36	Giỏi	
17	2001220385	LÊ NGỌC	BÌNH	Nam	25/03/2004	13DHTH08_CN	Cử nhân	7,44%	121	121	2,58	Khá	
18	2001220416	NGUYỄN GIA	CÁT	Nam	16/07/2004	13DHTH09_CN	Cử nhân	4,13%	121	121	3,17	Khá	
19	2001220536	CAO THIÊN	CHI	Nữ	25/08/2004	13DHTH06_CN	Cử nhân	16,53%	121	122	3,56	Khá	Sinh viên bị hạ bậc tốt nghiệp
20	2001220524	NGUYỄN DƯƠNG LỆ	CHI	Nữ	21/09/2004	13DHTH05_CN	Cử nhân	0,00%	121	121	3,14	Khá	
21	2001215636	NGUYỄN QUYẾT	CHIẾN	Nam	21/03/2003	12DHTH12	Kỹ sư	11,26%	151	151	2,41	Trung bình	
22	2001220557	HỒ NGỌC	CHÍNH	Nam	16/06/2004	13DHTH03_CN	Cử nhân	4,13%	121	124	2,52	Khá	
23	2001220440	TRẦN CHÍ	CƯƠNG	Nam	01/06/2004	13DHTH06_CN	Cử nhân	2,48%	121	121	2,70	Khá	
24	2001220463	LÊ NGỌC	CƯỜNG	Nam	02/04/2004	13DHTH05_CN	Cử nhân	0,00%	121	121	3,54	Giỏi	
25	2001207214	LÂM PHÚ	CƯỜNG	Nam	27/11/2002	11DHTH8_CN	Cử nhân	15,70%	121	121	2,34	Trung bình	
26	2001215688	VÕ ĐỨC	ĐẠI	Nam	15/03/2003	12DHTH16_CN	Cử nhân	23,97%	121	129	3,12	Khá	
27	2001220852	PHẠM NGUYỄN LINH	ĐAN	Nữ	12/01/2004	13DHTH07_CN	Cử nhân	14,88%	121	121	2,39	Trung bình	
28	2001220965	HỒ ĐẶNG HẢI	ĐĂNG	Nam	21/04/2004	13DHTH03_CN	Cử nhân	3,31%	121	121	2,67	Khá	
29	2001220960	NGUYỄN HẢI	ĐĂNG	Nam	18/08/2004	13DHTH07_CN	Cử nhân	0,00%	121	121	3,34	Giỏi	
30	2001200681	TRẦN TRƯƠNG HẢI	ĐĂNG	Nam	19/05/2002	11DHTH6_CN	Cử nhân	15,70%	121	124	2,26	Trung bình	
31	2001220573	VÕ TRƯỜNG	DANH	Nam	15/01/2004	13DHTH01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,25	Giỏi	
32	2001220867	NGUYỄN VƯƠNG HỒNG	ĐÀO	Nữ	28/04/2004	13DHTH05_CN	Cử nhân	0,00%	121	121	3,24	Giỏi	
33	2001215706	NGUYỄN QUỐC	ĐẠT	Nam	07/11/2003	12DHTH13	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,04	Khá	
34	2001220915	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	Nam	17/12/2004	13DHTH05_CN	Cử nhân	1,65%	121	121	2,59	Khá	
35	2001215715	TRẦN TIẾN	ĐẠT	Nam	25/08/2003	12DHTH05	Kỹ sư	4,64%	151	151	2,86	Khá	
36	2001220897	TRẦN TIẾN	ĐẠT	Nam	16/01/2004	13DHTH01_CN	Cử nhân	0,00%	121	124	2,82	Khá	
37	2001215716	TRẦN TRUNG	ĐẠT	Nam	11/08/2003	12DHTH03_CN	Cử nhân	0,00%	121	123	2,73	Khá	
38	2001220971	THẠCH QUỐC	ĐIỀN	Nam	01/04/2004	13DHTH05_CN	Cử nhân	0,00%	121	126	3,06	Khá	

39	2001221004	NGUYỄN BÁ	ĐỨC	Nam	01/09/2004	13DHTH08_CN	Cử nhân	1,65%	121	121	2,87	Khá	
40	2001215665	NGUYỄN MẠNH	DŨNG	Nam	02/12/2003	12DHTH14_CN	Cử nhân	0,83%	121	124	2,70	Khá	
41	2001220817	VĂN TRỌNG	DƯƠNG	Nam	25/06/2004	13DHTH01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,40	Giỏi	
42	2001220724	PHẠM ĐẮC ANH	DUY	Nam	15/10/2004	13DHTH07_CN	Cử nhân	0,00%	121	123	3,35	Giỏi	
43	2001220706	PHẠM MINH	DUY	Nam	14/03/2004	13DHTH08	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,63	Xuất sắc	
44	2001221046	ĐỖ HOÀNG	GIANG	Nam	22/02/2004	13DHTH06_CN	Cử nhân	6,61%	121	124	2,80	Khá	
45	2001221068	ĐỖ HUỲNH	GIÁP	Nam	11/09/2004	13DHTH08_CN	Cử nhân	2,48%	121	121	2,79	Khá	
46	2001221139	LÂM TIẾT	HẢI	Nam	15/01/2004	13DHTH05_CN	Cử nhân	5,79%	121	121	2,74	Khá	
47	2001221155	LÊ HOÀNG	HẢI	Nam	25/08/2004	13DHTH03	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,18	Khá	
48	2001221151	PHẠM ĐỨC	HẢI	Nam	02/08/2004	13DHTH04_CN	Cử nhân	0,00%	121	121	3,21	Giỏi	
49	2001221273	NGÔ NGỌC	HÂN	Nữ	20/04/2004	13DHTH08_CN	Cử nhân	5,79%	121	121	2,74	Khá	
50	2001221419	ĐOÀN DUY	HIẾU	Nam	11/05/2004	13DHTH_TD	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,54	Giỏi	
51	2001221414	LÊ TRƯƠNG CÔNG	HIẾU	Nam	05/03/2004	13DHTH_TD_CN	Cử nhân	0,00%	121	121	3,46	Giỏi	
52	2001221417	TRẦN MINH	HIẾU	Nam	22/12/2004	13DHTH01_CN	Cử nhân	5,79%	121	121	2,84	Khá	
53	2001200126	NGÔ VĂN	HIẾU	Nam	24/05/2001	11DHTH9_CN	Cử nhân	23,97%	121	122	2,11	Trung bình	
54	2001221445	TRƯƠNG MỸ	HOA	Nữ	31/10/2004	13DHTH06	Kỹ sư	0,00%	151	154	3,60	Xuất sắc	
55	2001221471	MAI NGỌC	HOAN	Nam	07/08/2004	13DHTH03	Kỹ sư	1,32%	151	151	3,04	Khá	
56	2001221508	NGUYỄN MINH	HOÀNG	Nam	04/07/2004	13DHTH06_CN	Cử nhân	2,48%	121	121	3,26	Giỏi	
57	2001202086	VŨ VĂN	HỘI	Nam	18/09/2002	11DHTH6_CN	Cử nhân	13,22%	121	123	2,28	Trung bình	
58	2001221569	NGUYỄN PHI	HÙNG	Nam	16/01/2004	13DHTH07_CN	Cử nhân	0,00%	121	121	3,33	Giỏi	
59	2001210227	VŨ MẠNH	HÙNG	Nam	22/03/2003	12DHTH18_CN	Cử nhân	20,66%	121	126	2,36	Trung bình	
60	2001200358	NGUYỄN TRẦN	HƯNG	Nam	04/03/2002	11DHTH5_CN	Cử nhân	31,40%	121	125	2,06	Trung bình	
61	2001221660	DANH GIA	HUY	Nam	04/04/2004	13DHTH02	Kỹ sư	0,00%	151	154	3,04	Khá	
62	2001215805	DIÊU THIỆU TRẦN	HUY	Nam	06/12/2003	12DHTH17_CN	Cử nhân	12,40%	121	122	2,57	Khá	
63	2001221609	NGUYỄN QUANG	HUY	Nam	24/05/2004	13DHTH09	Kỹ sư	0,00%	151	152	3,38	Giỏi	
64	2001210219	NGÔ THỊ MỸ	HUYỀN	Nữ	20/07/2003	12DHTH07_CN	Cử nhân	11,57%	121	121	2,40	Trung bình	

65	2001221771	TRẦN NGUYỄN NHƯ	HUỲNH	Nữ	16/11/2004	13DHTH07_CN	Cử nhân	0,00%	121	121	3,43	Giỏi	
66	2001200684	PHAN QUỐC	KHẢI	Nam	21/02/2002	11DHTH13_CN	Cử nhân	37,19%	121	134	2,18	Trung bình	
67	2001222017	ĐẶNG QUỐC	KHANG	Nam	17/06/2004	13DHTH01_CN	Cử nhân	0,00%	121	121	3,04	Khá	
68	2001222018	HOÀNG NGỌC	KHANG	Nam	19/05/2004	13DHTH03	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,57	Giỏi	
69	2001222025	NGUYỄN HUYỆN ANH	KHANG	Nam	20/10/2004	13DHTH04_CN	Cử nhân	0,00%	121	121	3,24	Giỏi	
70	2001210785	ĐỖ HOÀNG	KHÁNH	Nam	01/05/2003	12DHTH12_CN	Cử nhân	4,13%	121	121	2,45	Trung bình	
71	2001222062	LÊ MINH	KHÁNH	Nam	08/02/2004	13DHTH05	Kỹ sư	1,99%	151	151	3,22	Giỏi	
72	2001222122	NGUYỄN VỸ	KHOA	Nam	16/04/2004	13DHTH05_CN	Cử nhân	0,00%	121	121	2,86	Khá	
73	2001222091	TRẦN ĐĂNG	KHOA	Nam	29/02/2004	13DHTH02_CN	Cử nhân	9,92%	121	121	2,68	Khá	
74	2001207266	HUỲNH ĐĂNG	KHOA	Nam	12/04/2002	11DHTH11	Kỹ sư	7,95%	151	155	2,81	Khá	
75	2001221885	BÙI TUẤN	KIỆT	Nam	06/05/2004	13DHTH03_CN	Cử nhân	5,79%	121	121	3,06	Khá	
76	2001221886	ĐẶNG ANH	KIỆT	Nam	23/01/2004	13DHTH04_CN	Cử nhân	0,00%	121	122	2,90	Khá	
77	2001221896	GIANG TUẤN	KIỆT	Nam	17/04/2004	13DHTH_TD	Kỹ sư	7,95%	151	151	2,96	Khá	
78	2001210001	DANH THÙY	LINH	Nữ	19/02/2003	12DHTH09_CN	Cử nhân	12,40%	121	125	2,24	Trung bình	
79	2001222402	HUỲNH LÂM GIA	LINH	Nữ	29/03/2004	13DHTH01_CN	Cử nhân	0,00%	121	124	2,84	Khá	
80	2001222369	NGUYỄN MAI	LINH	Nữ	24/04/2004	13DHTH07_CN	Cử nhân	0,00%	121	121	3,40	Giỏi	
81	2001215932	TRƯƠNG VĨNH	LỘC	Nam	12/12/2003	12DHTH09_CN	Cử nhân	33,06%	121	125	2,47	Trung bình	
82	2001215933	LÊ VĂN	LỢI	Nam	28/08/2003	12DHTH08_CN	Cử nhân	3,31%	121	124	2,51	Khá	
83	2001222435	HUỲNH HOÀNG HẢI	LONG	Nam	19/07/2004	13DHTH02	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,51	Giỏi	
84	2001222428	HUỲNH NHẬT	LONG	Nam	26/08/2004	13DHTH02_CN	Cử nhân	0,83%	121	121	3,02	Khá	
85	2001215923	NGUYỄN ĐỖ PHI	LONG	Nam	22/04/2003	12DHTH11_CN	Cử nhân	10,74%	121	123	2,57	Khá	
86	2001222492	TRẦN MINH	LUÂN	Nam	22/10/2004	13DHTH08_CN	Cử nhân	0,00%	121	121	2,90	Khá	
87	2001222529	ĐINH THỊ THẢO	LY	Nữ	16/10/2004	13DHTH02	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,63	Xuất sắc	
88	2001215951	NGUYỄN THỊ	MAI	Nữ	17/11/2003	12DHTH_TD_CN	Cử nhân	0,00%	121	121	3,05	Khá	
89	2001222649	NGUYỄN HẢI	MINH	Nam	26/10/2004	13DHTH07_CN	Cử nhân	0,00%	121	123	3,00	Khá	
90	2001222641	TRẦN CÔNG	MINH	Nam	09/03/2004	13DHTH04_CN	Cử nhân	1,65%	121	121	3,36	Giỏi	

91	2001203015	NGUYỄN QUANG	MINH	Nam	14/10/2002	11DHTH7_CN	Cử nhân	14,05%	121	127	2,47	Trung bình	
92	2001222777	THÁI ĐẶNG PHƯƠNG	NAM	Nam	29/11/2004	13DHTH02	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,73	Xuất sắc	
93	2001222778	TRỊNH ĐẶNG THÀNH	NAM	Nam	01/12/2004	13DHTH01_CN	Cử nhân	0,00%	121	124	3,08	Khá	
94	2001207031	TRẦN THANH	NAM	Nam	19/03/2002	11DHTH3	Kỹ sư	4,64%	151	151	3,10	Khá	
95	2001223111	VÕ THỊ YẾN	NGỌC	Nữ	10/06/2004	13DHTH03	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,46	Giỏi	
96	2001223138	ĐOÀN LÊ ANH	NGUYÊN	Nam	14/06/2004	13DHTH08	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,24	Giỏi	
97	2001223168	THI VƯƠNG	NGUYÊN	Nam	10/07/2004	13DHTH08_CN	Cử nhân	6,61%	121	121	2,33	Trung bình	
98	2001223248	PHAN TRỌNG	NHÂN	Nam	09/01/2004	13DHTH03	Kỹ sư	1,99%	151	151	3,21	Giỏi	
99	2001223253	TRẦN PHẠM TRỌNG	NHÂN	Nam	17/07/2004	13DHTH07_CN	Cử nhân	0,00%	121	127	3,41	Giỏi	
100	2001223522	HỒ PHƯƠNG	NHƯ	Nữ	19/10/2004	13DHTH07_CN	Cử nhân	3,31%	121	121	3,23	Giỏi	
101	2001223547	TRƯƠNG MINH	NHỰT	Nam	25/08/2004	13DHTH01_CN	Cử nhân	4,96%	121	124	2,88	Khá	
102	2001207116	ĐINH HỮU	PHÁP	Nam	08/11/2002	11DHTH11_CN	Cử nhân	11,57%	121	124	2,43	Trung bình	
103	2001226445	NGUYỄN HỒNG	PHÁT	Nam	02/04/2004	13DHTH05	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,05	Khá	
104	2001207178	NGUYỄN THÀNH	PHÁT	Nam	16/10/2002	11DHTH3_CN	Cử nhân	2,48%	121	121	2,52	Khá	
105	2001223641	PHẠM VĂN	PHI	Nam	04/03/2004	13DHTH07_CN	Cử nhân	4,13%	121	122	2,69	Khá	
106	2001210470	ĐẶNG VĂN	PHONG	Nam	08/09/2003	12DHTH15_CN	Cử nhân	21,49%	121	121	2,06	Trung bình	
107	2001223664	LƯƠNG LIÊM	PHONG	Nam	02/10/2004	13DHTH01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,79	Xuất sắc	
108	2001223657	NGUYỄN LÊ THANH	PHONG	Nam	09/08/2004	13DHTH02	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,82	Xuất sắc	
109	2001223700	BÙI LÂM HOÀNG	PHÚ	Nam	13/04/2004	13DHTH_TD_CN	Cử nhân	0,00%	121	122	3,55	Giỏi	
110	2001210038	HUỲNH VĂN	PHÚ	Nam	10/08/2003	12DHTH14_CN	Cử nhân	4,96%	121	123	2,24	Trung bình	
111	2001210744	NGÔ ĐÌNH	PHÚ	Nam	08/10/2003	12DHTH15_CN	Cử nhân	21,49%	121	128	2,01	Trung bình	
112	2001210060	TRẦN HOÀNG	PHÚC	Nam	25/12/2003	12DHTH18_CN	Cử nhân	12,40%	121	125	2,40	Trung bình	
113	2001212087	TRẦN HOÀNG	PHÚC	Nam	11/05/2003	12DHTH11_CN	Cử nhân	14,88%	121	125	2,22	Trung bình	
114	2001223814	NGUYỄN THANH	PHƯỚC	Nam	17/09/2004	13DHTH02_CN	Cử nhân	4,13%	121	121	2,95	Khá	
115	2001223976	HỒ ANH	QUỐC	Nam	22/10/2004	13DHTH09	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,49	Giỏi	
116	2001224131	VÕ THỊ THÚY	SA	Nữ	21/07/2004	13DHTH09_CN	Cử nhân	6,61%	121	121	2,60	Khá	

117	2001210731	ĐỖ CÔNG TỒN	SÁCH	Nam	22/09/2003	12DHTH08_CN	Cử nhân	6,61%	121	125	2,35	Trung bình	
118	2001224156	NGUYỄN NGỌC	SANG	Nam	08/02/2004	13DHTH06_CN	Cử nhân	5,79%	121	121	2,79	Khá	
119	2001224167	PHẠM VĂN	SỈ	Nam	13/02/2004	13DHTH01_CN	Cử nhân	6,61%	121	121	2,78	Khá	
120	2001224174	VÕ HUỲNH	SƠN	Nam	07/11/2004	13DHTH08_CN	Cử nhân	0,83%	121	121	2,73	Khá	
121	2001224242	LƯƠNG TẤN	TÀI	Nam	28/01/2004	13DHTH01_CN	Cử nhân	5,79%	121	122	2,86	Khá	
122	2001224227	NGUYỄN CHÍ	TÀI	Nam	03/01/2004	13DHTH04_CN	Cử nhân	0,00%	121	121	3,36	Giỏi	
123	2001224312	TRƯƠNG NHỰT	TÂN	Nam	15/02/2004	13DHTH05_CN	Cử nhân	1,65%	121	121	2,60	Khá	
124	2001224329	CAO HOÀNG	TẤN	Nam	17/11/2004	13DHTH03_CN	Cử nhân	0,00%	121	121	3,37	Giỏi	
125	2001216134	BÙI NGỌC	THẠCH	Nam	28/05/2003	12DHTH18_CN	Cử nhân	6,61%	121	126	2,27	Trung bình	
126	2001224843	NGUYỄN THỊ HỒNG	THẮM	Nữ	23/04/2004	13DHTH05_CN	Cử nhân	0,00%	121	124	2,70	Khá	
127	2001224865	ĐỖ CAO	THẮNG	Nam	01/12/2004	13DHTH06_CN	Cử nhân	2,48%	121	121	3,16	Khá	
128	2001224861	NGUYỄN NGỌC	THẮNG	Nam	13/11/2004	13DHTH08	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,43	Giỏi	
129	2001224714	ĐẶNG TRUNG	THÀNH	Nam	29/04/2004	13DHTH06_CN	Cử nhân	0,00%	121	124	3,24	Giỏi	
130	2001190815	HUỲNH LÊ CÔNG	THÀNH	Nam	03/04/2001	10DHTH_QS	Kỹ sư	8,26%	121	122	2,68	Khá	
131	2001202246	ĐOÀN TRƯỜNG	THÀNH	Nam	26/06/2002	11DHTH13_CN	Cử nhân	21,49%	121	121	2,31	Trung bình	
132	2033210543	TRẦN VĂN	THI	Nam	02/05/2003	12DHTH_TD_CN	Cử nhân	0,00%	121	127	2,87	Khá	
133	2001210058	ĐẶNG VĂN	THIÊN	Nam	04/02/2003	12DHTH18_CN	Cử nhân	26,45%	121	122	2,81	Khá	
134	2001216176	NGUYỄN HỒNG THANH	THIỆN	Nam	27/05/2003	12DHTH12	Kỹ sư	21,85%	151	152	2,76	Khá	
135	2001216178	BÙI HOÀNG	THỊNH	Nam	16/01/2002	12DHTH11_CN	Cử nhân	15,70%	121	126	2,15	Trung bình	
136	2001200613	PHẠM PHÚC	THỊNH	Nam	24/02/2002	11DHTH9_CN	Cử nhân	21,49%	121	122	2,00	Trung bình	
137	2001210919	BÙI VĂN	THỌ	Nam	30/11/2003	12DHTH15_CN	Cử nhân	15,70%	121	122	2,24	Trung bình	
138	2001224971	NGUYỄN MINH	THỌ	Nam	05/03/2004	13DHTH06_CN	Cử nhân	2,48%	121	121	3,19	Khá	
139	2001210788	LÊ VĂN	THỐNG	Nam	23/01/2003	12DHTH19_CN	Cử nhân	9,92%	121	126	2,14	Trung bình	
140	2001210946	TỪ VĂN	THU	Nam	22/03/2003	12DHTH17_CN	Cử nhân	8,26%	121	123	2,20	Trung bình	
141	2001210547	LÊ MINH	THUẬN	Nam	31/01/2003	12DHTH15_CN	Cử nhân	6,61%	121	125	2,50	Khá	
142	2001225323	LÊ HÀ NGỌC	THY	Nữ	24/11/2004	13DHTH04	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,56	Giỏi	

143	2001224379	JUNG MINH	TIỀN	Nam	16/02/2004	13DHTH06_CN	Cử nhân	0,00%	121	121	3,27	Giỏi	
144	2001224442	PHẠM VĂN	TISEN	Nam	20/09/2004	13DHTH06_CN	Cử nhân	0,00%	121	121	2,86	Khá	
145	2001224457	LÊ THÁI	TOÀN	Nam	13/09/2004	13DHTH05_CN	Cử nhân	4,13%	121	130	2,81	Khá	
146	2001224467	TRẦN VĂN	TOÀN	Nam	20/05/2004	13DHTH09	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,13	Khá	
147	2001225413	NGUYỄN VĂN	TRÁNG	Nam	06/09/2004	13DHTH09	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,32	Giỏi	
148	2001225548	NGHÊ MINH	TRÍ	Nam	26/01/2004	13DHTH08_CN	Cử nhân	0,00%	121	121	3,14	Khá	
149	2001225583	NGUYỄN BẢO	TRINH	Nữ	01/03/2004	13DHTH01_CN	Cử nhân	0,00%	121	121	2,88	Khá	
150	2001225623	NGUYỄN SANG	TRỌNG	Nam	31/01/2004	13DHTH07_CN	Cử nhân	4,96%	121	124	2,86	Khá	
151	2001216248	TRẦN ĐĂNG	TRỌNG	Nam	11/07/2003	12DHTH19_CN	Cử nhân	28,93%	121	125	2,62	Khá	
152	2001225676	LÊ ĐỨC	TRUNG	Nam	12/11/2004	13DHTH04_CN	Cử nhân	4,13%	121	121	2,92	Khá	
153	2001216265	PHAN NHẬT	TRƯỜNG	Nam	29/06/2003	12DHTH18_CN	Cử nhân	9,09%	121	123	2,15	Trung bình	
154	2001207208	ĐỖ NHẬT	TRƯỜNG	Nam	09/10/2002	11DHTH8_CN	Cử nhân	14,88%	121	127	2,18	Trung bình	
155	2001224500	NGUYỄN VĂN THANH	TÚ	Nam	07/05/2004	13DHTH06	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,03	Khá	
156	2001216275	PHẠM DIỆP QUANG	TÚ	Nam	14/08/2002	12DHTH07_CN	Cử nhân	13,22%	121	123	2,32	Trung bình	
157	2001224549	ĐẶNG THANH	TUẤN	Nam	07/04/2004	13DHTH03	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,34	Giỏi	
158	2001224555	NGUYỄN HOÀNG	TUẤN	Nam	07/08/2004	13DHTH09_CN	Cử nhân	3,31%	121	122	3,21	Giỏi	
159	2001224537	TRẦN ANH	TUẤN	Nam	10/06/2004	13DHTH06	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,61	Xuất sắc	
160	2001224546	TRƯƠNG THANH	TUẤN	Nam	14/08/2004	13DHTH07_CN	Cử nhân	5,79%	121	121	2,95	Khá	
161	2001207238	NGUYỄN DƯƠNG	TUẤN	Nam	04/01/2002	11DHTH11	Kỹ sư	30,46%	151	154	2,59	Khá	
162	2001230868	NGUYỄN THANH	TÙNG	Nam	25/04/2005	14DHTH03	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,68	Xuất sắc	
163	2001224631	LÊ MẠNH	TƯỜNG	Nam	21/09/2004	13DHTH07_CN	Cử nhân	0,00%	121	124	3,29	Giỏi	
164	2001224574	PHAN ĐẶNG THỦY	TUYÊN	Nữ	24/08/2004	13DHTH02_CN	Cử nhân	2,48%	121	121	2,67	Khá	
165	2001216291	TRẦN THẾ	TUYÊN	Nam	22/12/2003	12DHTH13_CN	Cử nhân	2,48%	121	124	2,63	Khá	
166	2001210050	HUỲNH THỊ MỘNG	TUYỀN	Nữ	09/12/2003	12DHTH12	Kỹ sư	31,79%	151	155	2,97	Khá	
167	2001207049	HUỲNH NGỌC PHƯƠNG	UYÊN	Nữ	25/05/2002	11DHTH8_CN	Cử nhân	35,54%	121	121	2,36	Trung bình	
168	2001225805	NGUYỄN THỊ KIỀU	VÂN	Nữ	24/12/2004	13DHTH02	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,67	Xuất sắc	

169	2001216320	NGUYỄN HOÀNG PHI	VŨ	Nam	20/09/2003	12DHTH09_CN	Cử nhân	18,18%	121	121	2,50	Khá	
170	2001225916	TẠ NGUYÊN	VŨ	Nam	01/02/2004	13DHTH04_CN	Cử nhân	0,00%	121	121	3,31	Giỏi	
171	2001207141	TRẦN QUANG	VŨ	Nam	20/05/2002	11DHTH11	Kỹ sư	9,27%	151	154	2,34	Trung bình	
172	2001225958	PHẠM HỒ THÚY	VY	Nữ	21/05/2004	13DHTH07_CN	Cử nhân	1,65%	121	121	2,99	Khá	
173	2001210554	PHAN THỊ HUỲNH	Y	Nữ	18/10/2003	12DHTH08_CN	Cử nhân	14,88%	121	121	2,02	Trung bình	
174	2001181436	TRẦN CẢNH	Ý	Nam	13/05/2000	09DHTH8_QS	Kỹ sư	7,50%	120	124	2,73	Khá	
175	2001226134	LÊ TRẦN NGỌC	YẾN	Nữ	29/10/2004	13DHTH07_CN	Cử nhân	3,31%	121	121	2,97	Khá	

Ngành: Quản trị kinh doanh

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Bằng tốt nghiệp	Tỷ lệ học lại	TC TK	TC TL	TBCTL	Xếp loại TN	Ghi chú
1	2013220283	NGUYỄN XUÂN	ẨN	Nam	30/03/2004	13DHQTKD01	Cử nhân	0,00%	121	121	2,73	Khá	
2	2013213127	LẠI ĐÌNH GIA	BẢO	Nam	29/12/2003	12DHQTKD_TD	Cử nhân	0,00%	121	123	2,70	Khá	
3	2013200400	NGUYỄN KHẮC	BẢO	Nam	19/12/2000	11DHQT01	Cử nhân	22,31%	121	125	2,39	Trung bình	
4	2013220383	NGUYỄN VŨ THẢO	BÌNH	Nữ	19/05/2004	13DHQTKD04	Cử nhân	0,00%	121	122	3,25	Giỏi	
5	2013201743	MAI QUỐC	BÌNH	Nam	30/04/2002	11DHQT11	Cử nhân	16,53%	121	126	2,12	Trung bình	
6	2040220495	NGUYỄN THỊ MINH	CHÂU	Nữ	23/05/2004	13DHQTKD_TD	Cử nhân	0,00%	121	121	3,21	Giỏi	
7	2013211428	HUỲNH THẾ	DUY	Nam	08/05/2003	12DHQTKD05	Cử nhân	10,74%	121	121	2,49	Trung bình	
8	2013211106	HUỲNH VĂN	DUY	Nam	11/07/2003	12DHQTKD07	Cử nhân	0,00%	121	123	2,84	Khá	
9	2013220694	NGÔ THỊ THÚY	DUY	Nữ	03/07/2004	13DHQTKD04	Cử nhân	0,00%	121	121	2,88	Khá	
10	2013203016	TRẦN HƯƠNG	GIANG	Nữ	16/05/2002	11DHQT14	Cử nhân	36,36%	121	121	2,10	Trung bình	
11	2013213190	TRẦN MINH	HÀ	Nữ	30/08/2003	12DHQTKD15	Cử nhân	0,00%	121	121	2,95	Khá	
12	2013211529	ĐỖ NHẬT	HÀN	Nam	05/12/2002	12DHQTKD06	Cử nhân	4,96%	121	121	2,01	Trung bình	
13	2013211235	NGUYỄN NHÃ	HÂN	Nữ	04/07/2003	12DHQTKD02	Cử nhân	0,00%	121	121	2,40	Trung bình	
14	2013213202	LÊ MINH	HẬU	Nam	30/03/2002	12DHQTKD10	Cử nhân	9,09%	121	121	2,64	Khá	
15	2013221477	ĐỖ HUY	HOÀNG	Nam	06/12/2004	13DHQTKD01	Cử nhân	1,65%	121	121	2,60	Khá	
16	2013221979	TRỊNH VỸ	KHANG	Nam	04/04/2004	13DHQTKD04	Cử nhân	0,00%	121	121	2,87	Khá	
17	2013210545	NGUYỄN MINH	KHOA	Nam	03/09/2003	12DHQTKD02	Cử nhân	27,27%	121	121	2,05	Trung bình	

18	2013200802	DƯƠNG THỊ AN	LY	Nữ	14/03/2002	11DHQT07	Cử nhân	7,44%	121	121	2,01	Trung bình	
19	2013201537	LÊ NỮ LY	LY	Nữ	25/11/2002	11DHQT09	Cử nhân	11,57%	121	123	2,27	Trung bình	
20	2013201427	VŨ HUY	MẠNH	Nam	07/12/2001	11DHQT09	Cử nhân	19,83%	121	121	2,28	Trung bình	
21	2013202244	TÔ ĐỨC	MINH	Nam	13/01/2002	11DHQT13	Cử nhân	47,11%	121	130	2,07	Trung bình	
22	2013222675	TÔ THỊ TRÀ	MY	Nữ	02/01/2004	13DHQTKD02	Cử nhân	2,48%	121	121	2,51	Khá	
23	2013202269	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	Nữ	04/10/2002	11DHQT12	Cử nhân	7,44%	121	121	2,11	Trung bình	
24	2013200143	CHAU IN	NGOAN	Nam	02/07/2002	11DHQT05	Cử nhân	14,05%	121	123	2,20	Trung bình	
25	2013205518	NGUYỄN LÊ MINH	NGỌC	Nữ	24/05/2002	11DHQT23	Cử nhân	9,09%	121	121	2,62	Khá	
26	2013202280	PHAN QUỲNH	NGỌC	Nữ	25/03/2002	11DHQT12	Cử nhân	43,80%	121	125	2,44	Trung bình	
27	2013223294	PHÙNG NGỌC THÚY	NHI	Nữ	20/01/2004	13DHQTKD01	Cử nhân	6,61%	121	121	2,86	Khá	
28	2013201430	LÂM TÂM	NHƯ	Nữ	09/07/2002	11DHQT09	Cử nhân	9,09%	121	121	2,21	Trung bình	
29	2013202340	THÁI NGỌC	OANH	Nữ	06/12/2002	11DHQT19	Cử nhân	2,48%	121	121	2,55	Khá	
30	2013210425	HUỲNH THỊ KIM	PHỤNG	Nữ	12/04/2003	12DHQTKD05	Cử nhân	20,66%	121	121	2,36	Trung bình	
31	2013202374	ĐINH TRẦN TRÚC	PHƯƠNG	Nữ	02/05/2002	11DHQT16	Cử nhân	19,01%	121	126	2,15	Trung bình	
32	2013200632	NGUYỄN QUANG	SƠN	Nam	15/03/2002	11DHQT13	Cử nhân	4,96%	121	121	2,29	Trung bình	
33	2013224923	TRẦN GIA	THỊNH	Nam	13/08/2004	13DHQTKD01	Cử nhân	0,00%	121	121	2,62	Khá	
34	2013225014	LÊ KHỔNG HOÀI	THU	Nữ	06/04/2004	13DHQTKD03	Cử nhân	0,00%	121	121	2,31	Trung bình	
35	2013210597	NGUYỄN ANH	THƯ	Nữ	22/11/2003	12DHQTKD01	Cử nhân	4,96%	121	121	2,01	Trung bình	
36	2013225025	ĐỖ VĂN	THUẬN	Nam	19/10/2004	13DHQTKD05	Cử nhân	0,00%	121	121	2,73	Khá	
37	2013213430	TRẦN THỊ THỦY	TIÊN	Nữ	15/10/2003	12DHQTKD_TD	Cử nhân	0,00%	121	121	3,27	Giỏi	
38	2013205245	HỒ VĂN	TIẾN	Nam	06/08/2002	11DHQT25	Cử nhân	2,48%	121	121	2,33	Trung bình	
39	2013211403	NGUYỄN NGỌC GIA	TRANG	Nữ	02/07/2003	12DHQTKD08	Cử nhân	32,23%	121	121	2,10	Trung bình	
40	2013210441	TÔ MINH	TRƯỜNG	Nam	17/12/2003	12DHQTKD06	Cử nhân	10,74%	121	121	2,46	Trung bình	
41	2013224476	PHÙNG THỊ CẨM	TÚ	Nữ	26/12/2004	13DHQTKD05	Cử nhân	7,44%	121	121	2,46	Trung bình	
42	2013224521	NGUYỄN ANH	TUẤN	Nam	09/09/2004	13DHQTKD04	Cử nhân	0,00%	121	121	2,74	Khá	
43	2013225720	PHẠM NGUYỄN PHƯƠNG	UYÊN	Nữ	01/01/2004	13DHQTKD01	Cử nhân	0,00%	121	121	3,35	Giỏi	

44	2013213484	NGUYỄN QUANG	VINH	Nam	11/04/2003	12DHQTKD14	Cử nhân	8,26%	121	121	2,45	Trung bình	
45	2013225892	NGUYỄN ĐÀO	VŨ	Nam	29/01/2004	13DHQTKD01	Cử nhân	4,13%	121	121	2,67	Khá	
46	2013213487	TRẦN NGUYÊN	VŨ	Nam	23/08/2003	12DHQTKD12	Cử nhân	0,00%	121	121	2,33	Trung bình	
47	2013225935	KHƯU TÂM	VY	Nữ	20/08/2004	13DHQTKD05	Cử nhân	0,00%	121	123	3,04	Khá	
48	2013225931	PHƯƠNG DƯƠNG THẢO	VY	Nữ	12/01/2004	13DHQTKD05	Cử nhân	0,00%	121	121	2,66	Khá	
49	2013226064	TRẦN NGỌC MỸ	XUYÊN	Nữ	03/02/2004	13DHQTKD04	Cử nhân	2,48%	121	121	3,15	Khá	
50	2013226074	NGUYỄN NHƯ	Ý	Nữ	17/01/2004	13DHQTKD03	Cử nhân	0,00%	121	121	3,24	Giỏi	
51	2013226069	NGUYỄN THỊ THIÊN	Ý	Nữ	21/11/2004	13DHQTKD_TD	Cử nhân	0,00%	121	121	3,38	Giỏi	
52	2013205484	NGUYỄN LÊ BẢO	YẾN	Nữ	06/10/2002	11DHQT25	Cử nhân	27,27%	121	121	2,17	Trung bình	

Ngành: Kinh doanh thời trang và dệt may

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Bằng tốt nghiệp	Tỷ lệ học lại	TC TK	TC TL	TBCTL	Xếp loại TN	Ghi chú
1	2043220225	ĐẶNG NGỌC QUỲNH	ANH	Nữ	29/11/2004	13DHKDTT01	Cử nhân	0,00%	121	121	2,63	Khá	
2	2043220122	NGUYỄN ĐỖ QUỲNH	ANH	Nữ	18/12/2004	13DHKDTT01	Cử nhân	0,00%	121	121	2,43	Trung bình	
3	2043220224	NGUYỄN NGỌC VÂN	ANH	Nữ	13/07/2004	13DHKDTT01	Cử nhân	1,65%	121	121	2,81	Khá	
4	2043220991	VÕ THỊ KHÁNH	ĐOAN	Nữ	05/01/2004	13DHKDTT01	Cử nhân	0,00%	121	121	2,64	Khá	
5	2043220764	LÊ THỊ MỸ	DUYÊN	Nữ	26/01/2004	13DHKDTT01	Cử nhân	0,00%	121	121	2,90	Khá	
6	2043220763	NGUYỄN MẬU	DUYÊN	Nữ	01/03/2004	13DHKDTT01	Cử nhân	0,00%	121	121	2,83	Khá	
7	2043221380	TRẦN THỊ PHƯƠNG	HIỀN	Nữ	07/05/2004	13DHKDTT01	Cử nhân	2,48%	121	123	2,74	Khá	
8	2043221850	NGUYỄN MAI	HƯƠNG	Nữ	16/11/2004	13DHKDTT01	Cử nhân	4,96%	121	121	2,57	Khá	
9	2043221823	VŨ LÊ QUỲNH	HƯƠNG	Nữ	16/08/2004	13DHKDTT01	Cử nhân	0,00%	121	121	2,93	Khá	
10	2043222528	PHẠM THỊ HUỲNH	LY	Nữ	18/10/2004	13DHKDTT01	Cử nhân	0,00%	121	121	2,68	Khá	
11	2043222875	HOÀNG DƯƠNG THANH	NGÂN	Nữ	25/11/2004	13DHKDTT01	Cử nhân	0,00%	121	123	2,67	Khá	
12	2043222889	NGUYỄN MINH	NGÂN	Nữ	01/01/2004	13DHKDTT02	Cử nhân	0,00%	121	124	2,67	Khá	
13	2043223191	LÊ NGÔ MINH	NGUYỆT	Nữ	14/04/2004	13DHKDTT02	Cử nhân	0,00%	121	124	2,88	Khá	
14	2043223482	NGUYỄN THỊ QUỲNH	NHƯ	Nữ	05/07/2004	13DHKDTT01	Cử nhân	2,48%	121	123	2,73	Khá	
15	2043223481	TRƯƠNG PHẠM QUỲNH	NHƯ	Nữ	12/11/2004	13DHKDTT01	Cử nhân	0,00%	121	121	2,86	Khá	

16	2043224258	ĐÀO MỸ	TÂM	Nữ	17/04/2004	13DHKDTT01	Cử nhân	10,74%	121	121	2,93	Khá	
17	2043211955	NGUYỄN THỊ NGỌC	THẢO	Nữ	16/07/2003	12DHKDTT02	Cử nhân	2,48%	121	121	2,54	Khá	
18	2043226340	NGUYỄN THANH	THƯ	Nữ	10/02/2004	13DHKDTT02	Cử nhân	5,79%	121	121	2,55	Khá	
19	2043211266	LÊ THỊ TUYẾT	TRÂM	Nữ	29/03/2003	12DHKDTT02	Cử nhân	2,48%	121	121	2,70	Khá	
20	2043225789	NGUYỄN THỊ TUYẾT	VÂN	Nữ	05/09/2004	13DHKDTT02	Cử nhân	1,65%	121	121	2,64	Khá	
21	2043226335	NGUYỄN KHÁNH	VY	Nữ	30/09/2004	13DHKDTT02	Cử nhân	0,00%	121	121	3,01	Khá	
22	2043225941	TRẦN XUÂN	VY	Nữ	26/05/2004	13DHKDTT02	Cử nhân	0,00%	121	121	3,01	Khá	
23	2043226343	NGUYỄN THỊ PHI	YẾN	Nữ	09/07/2004	13DHKDTT02	Cử nhân	0,00%	121	121	3,28	Giỏi	
24	2043226262	VÕ PHI	YẾN	Nữ	01/01/2004	13DHKDTT02	Cử nhân	0,00%	121	126	2,86	Khá	

Ngành: Công nghệ kỹ thuật hóa học

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Bằng tốt nghiệp	Tỷ lệ học lại	TC TK	TC TL	TBCTL	Xếp loại TN	Ghi chú
1	2004220175	ĐẶNG VÂN	ANH	Nữ	21/05/2004	13DHHH01	Kỹ sư	1,99%	151	151	3,41	Giỏi	
2	2004220177	HỒNG MINH	ANH	Nữ	03/07/2004	13DHHH03	Kỹ sư	1,32%	151	152	3,01	Khá	
3	2004220123	HUỲNH NGỌC TRÂM	ANH	Nữ	06/11/2003	13DHHH01	Kỹ sư	1,99%	151	151	3,41	Giỏi	
4	2004220096	NGUYỄN NGỌC LAN	ANH	Nữ	02/01/2004	13DHHH01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,41	Giỏi	
5	2004220105	TẠ PHƯƠNG	ANH	Nữ	21/02/2004	13DHHH05	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,16	Khá	
6	2004220391	NGUYỄN QUỐC DUY	BÌNH	Nam	09/06/2004	13DHHH03	Kỹ sư	0,00%	151	152	2,93	Khá	
7	2004220475	NGUYỄN THỊ BÍCH	CHĂM	Nữ	21/10/2004	13DHHH03	Kỹ sư	0,00%	151	152	3,26	Giỏi	
8	2004220483	NGUYỄN LƯU NGỌC	CHÂU	Nữ	09/09/2003	13DHHH01	Kỹ sư	0,00%	151	153	3,61	Xuất sắc	
9	2004220895	PHẠM VIỆT	ĐẠT	Nam	04/07/2004	13DHHH01	Kỹ sư	1,99%	151	151	2,69	Khá	
10	2004217652	VÕ MINH	ĐẠT	Nam	12/11/2003	12DHHH01_CN	Cử nhân	20,66%	121	121	2,37	Trung bình	
11	2004220621	LA KHẢ	DINH	Nữ	13/11/2004	13DHHH01	Kỹ sư	0,00%	151	153	3,38	Giỏi	
12	2004220660	ĐẶNG NGỌC	DUNG	Nữ	10/02/2004	13DHHH03	Kỹ sư	0,00%	151	152	2,90	Khá	
13	2004220662	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG	DUNG	Nữ	14/02/2004	13DHHH01	Kỹ sư	3,97%	151	151	2,88	Khá	
14	2004220654	PHẠM THỊ MỸ	DUNG	Nữ	04/01/2004	13DHHH01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,34	Giỏi	
15	2004220736	LÊ TRUNG	DUY	Nam	04/12/2004	13DHHH05	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,17	Khá	

16	2004220721	LÝ THANH	DUY	Nam	25/07/2004	13DHHH05	Kỹ sư	1,99%	151	151	2,73	Khá	
17	2004220731	NGUYỄN QUỐC	DUY	Nam	15/07/2004	13DHHH05	Kỹ sư	1,32%	151	151	2,84	Khá	
18	2004217645	ĐÀM THỊ MỸ	DUYÊN	Nữ	08/09/2003	12DHHH01_CN	Cử nhân	6,61%	121	121	2,33	Trung bình	
19	2004220790	HUỲNH PHAN TƯỜNG	DUYÊN	Nữ	30/07/2004	13DHHH01	Kỹ sư	0,66%	151	153	3,25	Giỏi	
20	2004221035	PHẠM PHƯƠNG	GIANG	Nữ	07/01/2004	13DHHH02	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,80	Khá	
21	2004221262	MÃ PHƯƠNG BẢO	HÂN	Nữ	02/01/2004	13DHHH04	Kỹ sư	0,66%	151	153	3,14	Khá	
22	2004221283	PHAN THỊ NGỌC	HÂN	Nữ	20/02/2004	13DHHH04	Kỹ sư	4,64%	151	153	2,82	Khá	
23	2004221260	TĂNG GIA	HÂN	Nữ	19/04/2004	13DHHH04	Kỹ sư	0,66%	151	153	2,95	Khá	
24	2004221288	TRƯƠNG THỊ NGỌC	HÂN	Nữ	23/01/2003	13DHHH04	Kỹ sư	1,99%	151	153	3,53	Giỏi	
25	2004221233	LÊ MỸ	HẰNG	Nữ	23/07/2004	13DHHH01	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,93	Khá	
26	2004221229	NGUYỄN PHƯỢNG	HẰNG	Nữ	07/08/2004	13DHHH01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,11	Khá	
27	2004221220	NGUYỄN THỊ	HẰNG	Nữ	18/10/2004	13DHHH04	Kỹ sư	0,00%	151	153	3,34	Giỏi	
28	2004221170	NGUYỄN THỊ KIM	HẠNH	Nữ	26/11/2004	13DHHH03	Kỹ sư	1,99%	151	152	2,88	Khá	
29	2004230046	LÊ THANH	HIẾU	Nam	21/04/1997	14DHHH05	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,86	Xuất sắc	
30	2004221448	LÊ THỊ NGỌC	HOA	Nữ	07/01/2004	13DHHH04	Kỹ sư	0,00%	151	153	3,44	Giỏi	
31	2004221499	NGÔ THÁI	HOÀNG	Nam	28/09/2004	13DHHH02	Kỹ sư	1,32%	151	151	2,61	Khá	
32	2004221561	LƯƠNG NGỌC	HÙNG	Nam	22/04/2004	13DHHH01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,48	Giỏi	
33	2004221846	PHẠM MAI	HƯƠNG	Nữ	30/04/2004	13DHHH03	Kỹ sư	1,99%	151	152	2,81	Khá	
34	2004221837	PHẠM THIÊN	HƯƠNG	Nữ	11/12/2004	13DHHH05	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,21	Giỏi	
35	2004221711	NGUYỄN THỊ NGỌC	HÚY	Nữ	14/12/2004	13DHHH03_CN	Cử nhân	4,96%	121	122	2,99	Khá	
36	2004221769	LÊ CẨM	HUỲNH	Nữ	14/04/2003	13DHHH05	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,72	Khá	
37	2004221966	LÊ MINH	KHA	Nam	08/08/2004	13DHHH02	Kỹ sư	0,66%	151	151	2,89	Khá	
38	2004221969	NGUYỄN VIỆT	KHẢI	Nam	06/04/2004	13DHHH02	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,34	Giỏi	
39	2004222004	TRƯƠNG ĐẠT	KHANG	Nam	01/12/2004	13DHHH01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,90	Xuất sắc	
40	2004221989	TRƯƠNG HOÀNG	KHANG	Nam	12/01/2004	13DHHH02	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,00	Khá	
41	2004208087	PHAN NGỌC	KHÁNH	Nữ	20/06/2002	11DHHH2	Kỹ sư	2,65%	151	151	2,84	Khá	

42	2004221893	NGUYỄN ANH	KIỆT	Nam	01/11/2004	13DHHH01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,65	Xuất sắc	
43	2004221900	NGUYỄN ĐÀO TUẤN	KIỆT	Nam	28/09/2004	13DHHH05	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,05	Khá	
44	2004222175	ĐỖ THỊ QUẾ	LAM	Nữ	22/10/2004	13DHHH05	Kỹ sư	1,32%	151	151	2,96	Khá	
45	2004222368	NGUYỄN THỊ MAI	LINH	Nữ	07/02/2004	13DHHH05	Kỹ sư	9,27%	151	151	2,59	Khá	
46	2004211360	TRẦN LÊ KHÁNH	LINH	Nữ	20/01/2003	12DHHH05	Kỹ sư	13,91%	151	153	2,34	Trung bình	
47	2004222421	ĐỖ THỊ TUYẾT	LOAN	Nữ	28/03/2004	13DHHH03	Kỹ sư	0,00%	151	152	2,91	Khá	
48	2004217688	TRẦN ĐÀM HOÀNG	LONG	Nam	08/03/2003	12DHHH04	Kỹ sư	11,26%	151	151	2,69	Khá	
49	2004222500	LÊ MINH	LUÂN	Nam	09/10/2004	13DHHH03	Kỹ sư	4,64%	151	152	2,71	Khá	
50	2004222578	NGUYỄN THỊ	MAI	Nữ	14/10/2004	13DHHH03	Kỹ sư	1,32%	151	152	3,06	Khá	
51	2004222637	HUỲNH NHẬT	MINH	Nam	05/08/2004	13DHHH05	Kỹ sư	2,65%	151	151	2,92	Khá	
52	2004222708	HOÀNG THÁI DIỄM	MY	Nữ	16/10/2004	13DHHH01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,46	Giỏi	
53	2004222733	PHẠM PHAN HỒNG	MỸ	Nữ	14/09/2004	13DHHH01	Kỹ sư	1,32%	151	151	2,67	Khá	
54	2004222768	TĂNG HÒA	NAM	Nam	29/01/2004	13DHHH02	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,89	Xuất sắc	
55	2004222951	HUỲNH HIẾU	NGÂN	Nữ	22/10/2004	13DHHH01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,13	Khá	
56	2004222927	LÊ BẢO	NGÂN	Nữ	11/07/2004	13DHHH01	Kỹ sư	5,96%	151	151	2,78	Khá	
57	2004222998	NGÔ TRIẾT	NGHI	Nữ	13/12/2004	13DHHH04	Kỹ sư	5,96%	151	153	2,73	Khá	
58	2004223004	TRẦN MAI HỒNG	NGHI	Nữ	26/08/2004	13DHHH03	Kỹ sư	0,00%	151	152	2,92	Khá	
59	2004223078	ĐỖ ÁI PHƯƠNG	NGỌC	Nữ	27/10/2004	13DHHH01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,33	Giỏi	
60	2004223098	LẠI THỊ KIM	NGỌC	Nữ	20/08/2004	13DHHH01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,27	Giỏi	
61	2004223071	LÂM ÁI	NGỌC	Nữ	24/08/2004	13DHHH04	Kỹ sư	0,00%	151	153	3,58	Giỏi	
62	2004223090	LÊ TÚ	NGỌC	Nữ	05/07/2004	13DHHH01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,38	Giỏi	
63	2004223097	MAI NHƯ	NGỌC	Nữ	20/12/2004	13DHHH01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,11	Khá	
64	2004223083	PHẠM NGUYỄN PHƯƠNG	NGỌC	Nữ	18/07/2004	13DHHH01	Kỹ sư	1,32%	151	151	2,83	Khá	
65	2004223144	VÕ CAO ĐÌNH	NGUYÊN	Nam	27/11/2004	13DHHH05	Kỹ sư	4,64%	151	151	2,76	Khá	
66	2004223229	ĐỖ NGỌC	NHÂN	Nữ	03/02/2004	13DHHH03	Kỹ sư	1,99%	151	152	2,80	Khá	
67	2004223233	NGUYỄN THÀNH	NHÂN	Nam	11/01/2004	13DHHH02	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,38	Giỏi	

68	2004217713	NGUYỄN THANH	NHẬN	Nam	17/04/2003	12DHHH04	Kỹ sư	4,64%	151	151	2,47	Trung bình	
69	2004223363	NGÔ PHẠM YẾN	NHI	Nữ	27/06/2004	13DHHH03	Kỹ sư	0,00%	151	152	3,15	Khá	
70	2004223336	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	Nữ	10/10/2004	13DHHH02	Kỹ sư	1,32%	151	151	2,95	Khá	
71	2004223389	NGUYỄN YẾN	NHI	Nữ	12/01/2004	13DHHH05	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,22	Giỏi	
72	2004223335	PHẠM ĐOÀN TUYẾT	NHI	Nữ	25/11/2004	13DHHH02	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,41	Giỏi	
73	2004223334	TRỊNH PHƯƠNG	NHI	Nữ	06/01/2004	13DHHH02	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,34	Giỏi	
74	2004223533	ĐỖ HOÀI TUYẾT	NHƯ	Nữ	10/11/2004	13DHHH02	Kỹ sư	1,99%	151	151	2,56	Khá	
75	2004223437	BÙI THỊ HỒNG	NHUNG	Nữ	27/02/2004	13DHHH03	Kỹ sư	0,00%	151	152	3,22	Giỏi	
76	2004217727	LÊ THÀNH	PHÁT	Nam	19/11/2003	12DHHH02	Kỹ sư	9,93%	151	151	2,97	Khá	
77	2004223607	NGUYỄN TẤN	PHÁT	Nam	13/11/2000	13DHHH01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,05	Khá	
78	2004223694	LÊ PHONG	PHÚ	Nam	20/07/2004	13DHHH01	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,96	Khá	
79	2004223938	LÊ DUY	QUÂN	Nam	18/01/2004	13DHHH05	Kỹ sư	1,99%	151	151	2,86	Khá	
80	2004202024	HÀ MINH	QUÂN	Nam	01/01/2002	11DHHH1_CN	Cử nhân	8,26%	121	121	2,15	Trung bình	
81	2026223924	TRẦN	QUANG	Nam	13/12/2004	13DHHH01	Kỹ sư	3,31%	151	151	2,85	Khá	
82	2004208047	NGUYỄN VĂN	QUANG	Nam	21/07/2002	11DHHH1_CN	Cử nhân	38,84%	121	121	2,31	Trung bình	
83	2004223971	NGUYỄN THỊ NGỌC	QUÍ	Nữ	02/01/2004	13DHHH01	Kỹ sư	0,00%	151	153	3,94	Xuất sắc	
84	2004224006	TRẦN ÁNH	QUYÊN	Nữ	31/03/2004	13DHHH02	Kỹ sư	1,99%	151	151	2,55	Khá	
85	2004224089	NGUYỄN NHƯ	QUỲNH	Nữ	13/09/2004	13DHHH01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,51	Giỏi	
86	2004224109	NGUYỄN THỊ DIỄM	QUỲNH	Nữ	13/08/2004	13DHHH01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,00	Khá	
87	2004224145	NGUYỄN DĨ	SANG	Nam	25/10/2004	13DHHH02	Kỹ sư	1,32%	151	151	3,23	Giỏi	
88	2004224194	TRẦN THỊ KIM	SƯƠNG	Nữ	15/01/2004	13DHHH05	Kỹ sư	1,32%	151	151	2,83	Khá	
89	2026224230	HUỲNH BÁCH	TÀI	Nam	03/11/2004	13DHHH03	Kỹ sư	2,65%	151	152	2,81	Khá	
90	2004224300	LÊ NGUYỄN MINH	TÂM	Nam	16/12/2004	13DHHH02	Kỹ sư	1,32%	151	151	2,53	Khá	
91	2004224679	LÊ NHẬT	THANH	Nữ	14/04/2004	13DHHH05	Kỹ sư	1,99%	151	151	2,99	Khá	
92	2004224671	NGUYỄN TRƯỜNG	THANH	Nam	25/04/2004	13DHHH03_CN	Cử nhân	0,83%	121	122	3,16	Khá	
93	2004224673	THIỀU QUANG	THANH	Nam	23/11/2004	13DHHH02	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,04	Khá	

94	2004224681	TRẦN THỊ THANH	THANH	Nữ	19/12/2004	13DHHH02	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,07	Khá	
95	2004224808	ĐINH THỊ THANH	THẢO	Nữ	03/08/2004	13DHHH01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,34	Giỏi	
96	2004224772	ĐỖ THANH	THẢO	Nữ	29/11/2004	13DHHH05_CN	Cử nhân	4,96%	121	121	2,31	Trung bình	
97	2004224776	HOÀNG PHƯƠNG HỒNG	THẢO	Nữ	23/10/2004	13DHHH01	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,91	Khá	
98	2004224783	NGUYỄN VI THIỆN	THẢO	Nữ	18/07/2004	13DHHH05	Kỹ sư	1,99%	151	151	2,74	Khá	
99	2004224816	PHẠM THỊ XUÂN	THẢO	Nữ	12/02/2004	13DHHH03	Kỹ sư	0,00%	151	152	3,06	Khá	
100	2004225227	CAO THỊ ANH	THƯ	Nữ	22/05/2004	13DHHH01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,10	Khá	
101	2004225267	ĐỖ THỊ HUỲNH	THƯ	Nữ	05/12/2004	13DHHH01	Kỹ sư	1,32%	151	151	2,72	Khá	
102	2004225163	TRƯƠNG NGỌC MINH	THƯ	Nữ	16/08/2004	13DHHH01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,20	Giỏi	
103	2004225033	NGÔ THẢO	THUẬN	Nam	01/07/2004	13DHHH03	Kỹ sư	0,00%	151	152	2,76	Khá	
104	2026225048	NGUYỄN PHAN MINH	THUẬN	Nam	15/01/2004	13DHHH02	Kỹ sư	5,30%	151	151	2,60	Khá	
105	2004210046	ĐINH CÔNG	THỨC	Nam	15/12/2003	12DHHH02	Kỹ sư	2,65%	151	151	2,57	Khá	
106	2004225068	TRỊNH NHƯ	THUỲ	Nữ	25/04/2004	13DHHH02	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,04	Khá	
107	2004224367	NGÔ THỊ MỸ	TIÊN	Nữ	27/05/2003	13DHHH03	Kỹ sư	1,99%	151	152	3,25	Giỏi	
108	2004224342	PHẠM THỊ CẨM	TIÊN	Nữ	11/02/2004	13DHHH03	Kỹ sư	2,65%	151	152	2,76	Khá	
109	2004224366	PHẠM THỊ THỦY	TIÊN	Nữ	17/11/2004	13DHHH05	Kỹ sư	6,62%	151	151	2,81	Khá	
110	2004200098	TRẦN THANH	TÍN	Nam	25/08/2001	11DHHH2_CN	Cử nhân	7,44%	121	121	2,60	Khá	
111	2004224432	NGUYỄN THỊ	TÌNH	Nữ	27/06/2004	13DHHH03	Kỹ sư	1,99%	151	152	3,22	Giỏi	
112	2004225433	PHẠM NGỌC BẢO	TRÂM	Nữ	30/12/2004	13DHHH01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,21	Giỏi	
113	2004225525	VĂN THỊ HUỲNH	TRÂN	Nữ	12/08/2004	13DHHH02	Kỹ sư	0,00%	151	153	3,03	Khá	
114	2004225387	PHẠM THỊ PHƯƠNG	TRANG	Nữ	10/10/2004	13DHHH03	Kỹ sư	1,32%	151	152	3,35	Giỏi	
115	2004225415	NGUYỄN QUỐC	TRẠNG	Nam	01/02/2004	13DHHH02	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,51	Giỏi	
116	2004225664	TRƯƠNG NGUYỄN XUÂN	TRÚC	Nữ	12/02/2004	13DHHH05	Kỹ sư	1,32%	151	151	3,34	Giỏi	
117	2026225689	TRẦN BÉ	TRUNG	Nam	27/10/2004	13DHHH03	Kỹ sư	3,31%	151	152	2,61	Khá	
118	2004224488	NGUYỄN THANH	TÚ	Nam	21/08/2004	13DHHH05	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,92	Khá	
119	2004224585	MAI THỊ KIM	TUYỀN	Nữ	25/11/2003	13DHHH03	Kỹ sư	1,32%	151	152	2,97	Khá	

120	2004225750	LÊ TRẦN THẢO	UYÊN	Nữ	05/10/2004	13DHHH01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,43	Giỏi	
121	2004225804	HUỲNH KIM THANH	VÂN	Nữ	28/12/2004	13DHHH01	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,90	Khá	
122	2004225797	TRẦN THỊ CẨM	VÂN	Nữ	05/12/2004	13DHHH05	Kỹ sư	0,66%	151	151	2,97	Khá	
123	2004225837	HUỲNH NGỌC THANH	VĨ	Nam	19/10/2004	13DHHH01	Kỹ sư	4,64%	151	151	2,64	Khá	
124	2004226036	LÊ THỊ TƯỜNG	VY	Nữ	21/09/2004	13DHHH01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,24	Giỏi	
125	2004226007	NGUYỄN THANH TƯỜNG	VY	Nữ	14/01/2004	13DHHH03	Kỹ sư	3,31%	151	152	2,84	Khá	
126	2004226089	LÊ THỊ NHƯ	Ý	Nữ	12/09/2004	13DHHH02	Kỹ sư	5,96%	151	151	2,82	Khá	
127	2004226092	NGUYỄN NGỌC NHƯ	Ý	Nữ	31/01/2004	13DHHH01	Kỹ sư	1,99%	151	151	2,97	Khá	

Ngành: Công nghệ chế biến thủy sản

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Bằng tốt nghiệp	Tỷ lệ học lại	TC TK	TC TL	TBCTL	Xếp loại TN	Ghi chú
1	2006220231	ĐINH LÂM QUỲNH	ANH	Nữ	10/12/2004	13DHCBTS	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,94	Khá	
2	2006220443	NGUYỄN NGỌC KIM	CƯƠNG	Nữ	14/10/2004	13DHCBTS	Kỹ sư	7,28%	151	152	2,66	Khá	
3	2006220918	LÊ THÀNH	ĐẠT	Nam	25/06/2004	13DHCBTS	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,86	Khá	
4	2006220746	NGUYỄN KHÁNH	DUY	Nam	14/06/2004	13DHCBTS	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,95	Khá	
5	2006226261	VÕ THỊ THÚY	DUY	Nữ	16/11/2004	13DHCBTS_CN	Cử nhân	0,00%	121	121	3,27	Giỏi	
6	2006220800	VÕ THỊ KIM	DUYÊN	Nữ	21/12/2004	13DHCBTS	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,07	Khá	
7	2006221512	LÊ ĐỨC HUY	HOÀNG	Nam	16/04/2004	13DHCBTS	Kỹ sư	1,32%	151	153	2,69	Khá	
8	2006226238	SƠN GIA	HUỆ	Nữ	13/08/2004	13DHCBTS	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,81	Khá	
9	2006221697	VÕ MINH	HUY	Nam	18/02/2004	13DHCBTS	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,75	Khá	
10	2006221774	CÙ NGỌC	HUỲNH	Nữ	02/04/2004	13DHCBTS	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,91	Khá	

11	2006221775	TĂNG THỊ YẾN	HUỲNH	Nữ	24/11/2004	13DHCBTS	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,31	Giỏi	
12	2006210024	LÊ TRUNG	KHOA	Nam	02/02/2003	12DHCBTS02_CN	Cử nhân	5,79%	121	122	2,06	Trung bình	
13	2006226314	ĐOÀN TRẦN TUẤN	KIỆT	Nam	01/11/2004	13DHCBTS	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,76	Khá	
14	2006221935	LÝ THỊ	KIỀU	Nữ	21/06/2004	13DHCBTS	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,58	Giỏi	
15	2006221942	TRẦN THỊ MỸ	KIM	Nữ	05/10/2004	13DHCBTS	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,50	Giỏi	
16	2006226306	LÊ THỊ NGỌC	LAM	Nữ	27/02/2004	13DHCBTS	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,07	Khá	
17	2006222835	NGUYỄN THÚY	NGA	Nữ	11/07/2004	13DHCBTS	Kỹ sư	1,99%	151	151	2,82	Khá	
18	2006223024	ĐỖ TRỌNG	NGHĨA	Nữ	24/09/2004	13DHCBTS	Kỹ sư	1,32%	151	153	2,92	Khá	
19	2006223034	LƯU TRỌNG	NGHĨA	Nam	04/05/2004	13DHCBTS	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,10	Khá	
20	2006223035	VÕ TRẦN TRỌNG	NGHĨA	Nam	11/05/2004	13DHCBTS_CN	Cử nhân	1,65%	121	123	2,76	Khá	
21	2006226294	VŨ BẢO	NGỌC	Nữ	24/01/2004	13DHCBTS	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,35	Giỏi	
22	2006223540	TRẦN THỊ YẾN	NHƯ	Nữ	02/08/2004	13DHCBTS	Kỹ sư	1,32%	151	151	2,93	Khá	
23	2006223710	HUỲNH THIÊN	PHÚ	Nam	29/12/2004	13DHCBTS	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,09	Khá	
24	2006223819	LÊ HỬU	PHƯỚC	Nam	15/04/2004	13DHCBTS	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,79	Khá	
25	2006211009	LƯƠNG THỊ MAI	PHƯƠNG	Nữ	16/03/2003	12DHCBTS02_CN	Cử nhân	4,13%	121	122	2,52	Khá	
26	2006224282	TRẦN THỊ NGÂN	TÂM	Nữ	30/09/2003	13DHCBTS	Kỹ sư	1,99%	151	151	2,82	Khá	
27	2006224283	VÕ THỊ MỸ	TÂM	Nữ	27/07/2004	13DHCBTS_CN	Cử nhân	4,96%	121	123	2,49	Trung bình	
28	2006224659	ĐOÀN HOÀNG	THÁI	Nam	12/07/2004	13DHCBTS	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,88	Khá	
29	2006224824	NGUYỄN THỊ THANH	THẢO	Nữ	20/06/2004	13DHCBTS	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,91	Khá	
30	2035210404	ĐỖ THỊ KIM	THOA	Nữ	02/05/2003	12DHCBTS01_CN	Cử nhân	4,13%	121	124	2,52	Khá	
31	2006225224	ĐINH NGỌC HUỲNH	THƯ	Nữ	07/11/2003	13DHCBTS_CN	Cử nhân	3,31%	121	121	2,59	Khá	
32	2006225223	NGÔ ANH	THƯ	Nữ	04/08/2004	13DHCBTS	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,89	Khá	
33	2006225054	TRẦN DUY	THUẬN	Nam	19/11/2004	13DHCBTS	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,93	Khá	
34	2006225136	NGUYỄN BÙI PHƯƠNG	THÚY	Nữ	12/07/2004	13DHCBTS	Kỹ sư	1,32%	151	153	2,73	Khá	
35	2006225470	PHẠM THỊ NGỌC	TRÂM	Nữ	06/05/2004	13DHCBTS	Kỹ sư	1,32%	151	152	2,74	Khá	
36	2006225508	LÊ NGỌC	TRÂN	Nữ	07/02/2004	13DHCBTS	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,91	Khá	

37	2006225406	NGUYỄN THỊ NGỌC	TRANG	Nữ	19/01/2004	13DHCBTS	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,80	Khá	
38	2006225611	NGUYỄN THỊ DIỄM	TRINH	Nữ	06/09/2004	13DHCBTS	Kỹ sư	1,99%	151	151	2,70	Khá	
Ngành: Tài chính - Ngân hàng													
STT	**Mã SV**	**Họ đệm**	**Tên**	**Giới tính**	**Ngày sinh**	**Lớp học**	**Bằng tốt nghiệp**	**Tỷ lệ học lại**	**TC TK**	**TC TL**	**TBCTL**	**Xếp loại TN**	**Ghi chú**
1	2023210825	DƯƠNG HOÀNG	ANH	Nữ	10/12/2003	12DHNH10	Cử nhân	9,92%	121	121	2,27	Trung bình	
2	2023210849	TỐNG CHIỀU	ANH	Nữ	16/03/2003	12DHNH06	Cử nhân	1,65%	121	123	2,46	Trung bình	
3	2023210223	TRƯƠNG QUỐC	ANH	Nam	12/08/2003	12DHNH03	Cử nhân	7,44%	121	121	2,64	Khá	
4	2023220839	TRẦN THỊ MINH	ĐÀI	Nữ	20/09/2004	13DHNH03	Cử nhân	0,00%	121	121	2,81	Khá	
5	2023220679	NGUYỄN NGỌC	DŨNG	Nam	05/05/2004	13DHNH02	Cử nhân	1,65%	121	123	2,98	Khá	
6	2023221059	BÙI NGUYỄN CHÂU	GIANG	Nữ	13/12/2004	13DHNH01	Cử nhân	0,00%	121	121	2,55	Khá	
7	2023221055	PHAN THỊ HƯƠNG	GIANG	Nữ	13/09/2004	13DHNH03	Cử nhân	0,00%	121	121	3,16	Khá	
8	2023214196	TRƯƠNG THỊ	HÀ	Nữ	13/11/2002	12DHNH10	Cử nhân	13,22%	121	123	2,87	Khá	
9	2023214199	PHAN THANH	HẢI	Nam	28/11/2003	12DHNH10	Cử nhân	0,00%	121	121	3,12	Khá	
10	2023221171	PHẠM NGUYỄN HỒNG	HẠNH	Nữ	21/11/2004	13DHNH03	Cử nhân	0,00%	121	121	3,48	Giỏi	
11	2023210178	NGUYỄN VIỆT	HỌC	Nam	04/05/2003	12DHNH01	Cử nhân	2,48%	121	121	2,34	Trung bình	
12	2023221565	NGUYỄN THÁI	HÙNG	Nam	16/06/2004	13DHNH02	Cử nhân	2,48%	121	128	2,98	Khá	
13	2023221787	HÀ HOÀNG	HƯNG	Nam	18/04/2004	13DHNH01	Cử nhân	0,00%	121	121	2,96	Khá	
14	2023214247	TRẦN PHÚ	HƯNG	Nam	01/11/2003	12DHNH_TD	Cử nhân	11,57%	121	123	3,01	Khá	
15	2023222382	PHẠM THÙY	LINH	Nữ	11/06/2004	13DHNH01	Cử nhân	0,00%	121	121	2,81	Khá	
16	2023222383	TRẦN NGỌC	LINH	Nữ	11/11/2004	13DHNH01	Cử nhân	2,48%	121	121	2,57	Khá	
17	2023226442	VŨ THỊ QUỲNH	MAI	Nữ	23/01/2004	13DHNH01	Cử nhân	1,65%	121	121	2,91	Khá	
18	2023214340	TRẦN BẢO	NGỌC	Nữ	06/11/2003	12DHNH09	Cử nhân	4,13%	121	127	2,37	Trung bình	
19	2023230303	NGUYỄN HOÀNG	NGUYÊN	Nam	21/12/2005	14DHNH04	Cử nhân	0,00%	121	127	3,17	Khá	
20	2023223215	LÊ THỊ MỸ	NHÀN	Nữ	12/11/2004	13DHNH03	Cử nhân	6,61%	121	121	2,52	Khá	
21	2023214345	NGUYỄN THỊ THU	NHÀN	Nữ	23/05/2003	12DHNH11	Cử nhân	3,31%	121	121	2,59	Khá	
22	2023200210	NGUYỄN HOÀNG YẾN	NHI	Nữ	03/08/2002	11DHNH3	Cử nhân	2,48%	121	125	2,47	Trung bình	

23	2023223525	NGUYỄN KIỀU QUỲNH	NHƯ	Nữ	20/04/2004	13DHNH01	Cử nhân	0,00%	121	121	3,20	Giỏi	
24	2023206055	NGUYỄN HOÀI	PHONG	Nam	22/11/2002	11DHNH8	Cử nhân	13,22%	121	122	2,36	Trung bình	
25	2023223801	LÊ KIM	PHỤNG	Nữ	02/11/2004	13DHNH01	Cử nhân	0,00%	121	121	2,74	Khá	
26	2023202100	NGUYỄN NGÔ YẾN	PHƯƠNG	Nữ	20/09/2002	11DHNH4	Cử nhân	3,31%	121	121	2,40	Trung bình	
27	2023224011	PHAN NGỌC PHƯƠNG	QUYÊN	Nữ	23/06/2004	13DHNH01	Cử nhân	0,00%	121	121	2,98	Khá	
28	2023224668	NGUYỄN KIM	THANH	Nữ	19/10/2004	13DHNH03	Cử nhân	0,00%	121	121	3,21	Giỏi	
29	2023202123	NGUYỄN LÊ PHƯƠNG	THẢO	Nữ	04/05/2002	11DHNH4	Cử nhân	10,74%	121	121	2,17	Trung bình	
30	2023225226	HUỲNH THỊ ANH	THƯ	Nữ	02/11/2004	13DHNH03	Cử nhân	6,61%	121	121	2,57	Khá	
31	2023225245	MAI NGUYỄN ANH	THƯ	Nữ	21/09/2004	13DHNH02	Cử nhân	4,13%	121	121	2,58	Khá	
32	2023222411	NGUYỄN VŨ THU	TRANG	Nữ	24/11/2004	13DHNH03	Cử nhân	0,00%	121	121	3,21	Giỏi	
33	2023225534	NGUYỄN LÊ MINH	TRÍ	Nam	25/01/2004	13DHNH01	Cử nhân	0,00%	121	121	2,85	Khá	
34	2023224599	TRẦN LÂM BỘI	TUYỀN	Nữ	15/07/2004	13DHNH03	Cử nhân	1,65%	121	121	3,01	Khá	
35	2023214552	TRẦN QUỐC	VƯƠNG	Nam	25/08/2003	12DHNH_TD	Cử nhân	9,92%	121	121	2,47	Trung bình	

Ngành: Marketing

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Bằng tốt nghiệp	Tỷ lệ học lại	TC TK	TC TL	TBCTL	Xếp loại TN	Ghi chú
1	2040220162	HUỲNH THỊ HỒNG	ANH	Nữ	13/04/2004	13DHQTMK07	Cử nhân	0,00%	121	121	3,36	Giỏi	
2	2040220161	NGUYỄN THỊ HẢI	ANH	Nữ	25/01/2004	13DHQTMK03	Cử nhân	0,00%	121	121	3,50	Giỏi	
3	2040220095	PHẠM TÚ	ANH	Nữ	11/02/2004	13DHQTMK05	Cử nhân	4,96%	121	121	3,03	Khá	
4	2040220127	QUẢN NGUYỄN VÂN	ANH	Nữ	15/04/2004	13DHQTMK04	Cử nhân	4,96%	121	123	2,74	Khá	
5	2040220155	VÕ THỊ MAI	ANH	Nữ	05/06/2004	13DHQTMK07	Cử nhân	4,96%	121	121	2,67	Khá	
6	2040220249	VŨ NGỌC	ÁNH	Nữ	30/09/2004	13DHQTMK06	Cử nhân	0,00%	121	121	3,29	Giỏi	
7	2040213511	NGUYỄN THANH	BÌNH	Nam	04/09/2003	12DHQTMK07	Cử nhân	0,00%	121	121	3,29	Giỏi	
8	2044220484	NGUYỄN LÊ UYÊN	CHÂU	Nữ	18/02/2004	13DHQTMK06	Cử nhân	0,00%	121	121	2,73	Khá	
9	2040220506	NGUYỄN THỤY BẢO	CHÂU	Nữ	06/09/2004	13DHQTMK07	Cử nhân	0,00%	121	121	3,23	Giỏi	
10	2040210137	PHAN SÝ	DÌNH	Nữ	20/09/2003	12DHQTMK03	Cử nhân	0,00%	121	121	2,99	Khá	
11	2040221045	NGUYỄN THỊ	GIANG	Nữ	04/02/2004	13DHQTMK07	Cử nhân	0,00%	121	121	2,91	Khá	

12	2040221447	PHAN THỊ MỸ	HOA	Nữ	25/07/2004	13DHQTMK05	Cử nhân	4,96%	121	121	3,33	Giỏi	
13	2040221780	NGUYỄN MINH	HƯNG	Nam	14/01/2004	13DHQTMK07	Cử nhân	1,65%	121	121	2,87	Khá	
14	2040213550	NGUYỄN BÙI THỤY	KHANH	Nữ	15/08/2003	12DHQTMK05	Cử nhân	13,22%	121	121	2,32	Trung bình	
15	2040213552	NGUYỄN HỒNG	KHƯƠNG	Nam	10/04/2003	12DHQTMK06	Cử nhân	9,09%	121	121	2,43	Trung bình	
16	2040210143	PHẠM MỸ	LINH	Nữ	20/11/2003	12DHQTMK03	Cử nhân	4,13%	121	121	2,53	Khá	
17	2040222424	BÙI MỸ	LOAN	Nữ	20/12/2004	13DHQTMK06	Cử nhân	0,00%	121	121	3,38	Giỏi	
18	2040210715	HUỲNH ĐĂNG	LƯU	Nam	29/11/2003	12DHQTMK04	Cử nhân	11,57%	121	121	2,51	Khá	
19	2040222694	NGUYỄN THỊ NGỌC	MY	Nữ	21/10/2004	13DHQTMK07	Cử nhân	0,00%	121	121	3,24	Giỏi	
20	2040222781	NGUYỄN	NAM	Nam	17/02/2004	13DHQTMK03	Cử nhân	0,00%	121	121	3,49	Giỏi	
21	2040222949	PHẠM KIM	NGÂN	Nữ	11/01/2004	13DHQTMK04	Cử nhân	0,00%	121	121	3,32	Giỏi	
22	2040223901	NGUYỄN HUỲNH NHẬT	PHƯỢNG	Nữ	02/02/2004	13DHQTMK05	Cử nhân	0,00%	121	121	3,19	Khá	
23	2040224009	PHAN BẢO	QUYÊN	Nữ	22/12/2004	13DHQTMK04	Cử nhân	0,00%	121	121	2,91	Khá	
24	2040224107	TRỊNH THÚY	QUỲNH	Nữ	06/03/2004	13DHQTMK01	Cử nhân	0,00%	121	123	3,52	Giỏi	
25	2040224232	NGUYỄN THỊ TRÍ	TÀI	Nữ	05/09/2004	13DHQTMK01	Cử nhân	1,65%	121	124	3,21	Giỏi	
26	2040224689	HUỲNH TÚ	THANH	Nữ	14/03/2004	13DHQTMK05	Cử nhân	2,48%	121	121	2,78	Khá	
27	2040225028	THÁI TUẤN	THUẬN	Nam	24/09/2004	13DHQTMK07	Cử nhân	0,00%	121	121	3,04	Khá	
28	2040225304	NGUYỄN LÊ HUỲNH	THƯƠNG	Nữ	13/01/2003	13DHQTMK06	Cử nhân	0,00%	121	121	3,43	Giỏi	
29	2040224380	LÊ THỊ NGỌC	TIỀN	Nữ	18/01/2004	13DHQTMK04	Cử nhân	0,00%	121	121	3,00	Khá	
30	2040225397	HƯỚNG THỊ HUỲNH	TRANG	Nữ	16/04/2004	13DHQTMK04	Cử nhân	4,96%	121	121	2,76	Khá	
31	2040225552	CAO MINH	TRÍ	Nam	26/11/2004	13DHQTMK01	Cử nhân	0,00%	121	121	3,07	Khá	
32	2040225757	NGUYỄN THỊ MỸ	UYÊN	Nữ	07/06/2004	13DHQTMK05	Cử nhân	6,61%	121	121	2,76	Khá	
33	2040210342	ỪNG CHI	VÀ	Nữ	17/02/2003	12DHQTMK01	Cử nhân	0,00%	121	121	2,52	Khá	
34	2040225844	LƯU THỊ MỸ	VIỄN	Nữ	19/09/2004	13DHQTMK05	Cử nhân	0,00%	121	121	2,98	Khá	
35	2040226056	TRẦN THỊ ÁNH	XUÂN	Nữ	12/03/2004	13DHQTMK05	Cử nhân	0,00%	121	121	3,06	Khá	

Ngành: Quản lý tài nguyên và môi trường

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Bằng tốt nghiệp	Tỷ lệ học lại	TC TK	TC TL	TBCTL	Xếp loại TN	Ghi chú

1	2031226235	LÊ THỊ QUẾ	ANH	Nữ	15/11/2004	13DHQLMT01	Cử nhân	0,00%	121	121	2,91	Khá	
2	2031209712	LÊ THỊ QUỲNH	ANH	Nữ	19/01/2002	11DHQLMT2	Cử nhân	21,49%	121	121	2,46	Trung bình	
3	2031220364	PHẠM NGỌC PHƯƠNG	BẮC	Nam	28/04/2004	13DHQLMT01	Cử nhân	0,00%	121	121	2,79	Khá	
4	2031220298	TRẦN QUỐC	BẢO	Nam	20/11/2004	13DHQLMT02	Cử nhân	5,79%	121	121	2,23	Trung bình	
5	2031220896	NGUYỄN MINH	ĐẠT	Nam	21/02/2004	13DHQLMT02	Cử nhân	1,65%	121	121	3,08	Khá	
6	2031221442	LÊ MỸ	HOA	Nữ	23/06/2004	13DHQLMT02	Cử nhân	0,00%	121	121	3,21	Giỏi	
7	2031210702	BÙI THỊ THU	HUYỀN	Nữ	15/07/2003	12DHQLMT02	Cử nhân	8,26%	121	121	2,45	Trung bình	
8	2031226202	LÊ TRẦN ĐĂNG	KHOA	Nam	26/02/2004	13DHQLMT02	Cử nhân	4,13%	121	121	2,43	Trung bình	
9	2031222305	LÊ THỊ HUYỀN	LINH	Nữ	08/11/2004	13DHQLMT01	Cử nhân	0,00%	121	121	2,40	Trung bình	
10	2031222531	ĐỖ THỊ TRÚC	LY	Nữ	23/03/2004	13DHQLMT02	Cử nhân	0,00%	121	121	2,81	Khá	
11	2031202023	THÁI CAO	MINH	Nam	31/10/2002	11DHQLMT1	Cử nhân	20,66%	121	123	2,30	Trung bình	
12	2031222975	PHẠM THỊ KIM	NGÂN	Nữ	09/08/2004	13DHQLMT02	Cử nhân	0,00%	121	123	3,18	Khá	
13	2031219639	TRẦN HUỲNH THÀNH	PHÁT	Nam	10/10/2003	12DHQLMT03	Cử nhân	9,09%	121	122	2,13	Trung bình	
14	2031212236	NGUYỄN HOÀNG	PHÚC	Nam	27/07/2003	12DHQLMT02	Cử nhân	33,06%	121	121	2,41	Trung bình	
15	2031224908	PHAN HỮU	THIỆN	Nam	27/03/2004	13DHQLMT02	Cử nhân	0,00%	121	121	3,01	Khá	
16	2031226215	HUỲNH MINH	THUẬN	Nam	15/11/2004	13DHQLMT02	Cử nhân	2,48%	121	121	2,66	Khá	
17	2031210442	NGUYỄN KIỀU	THUY	Nữ	13/06/2003	12DHQLMT02	Cử nhân	0,00%	121	121	2,68	Khá	
18	2031211983	HỒ NGỌC CẨM	TIÊN	Nữ	12/09/2003	12DHQLMT02	Cử nhân	2,48%	121	121	2,94	Khá	
19	2031224346	NGUYỄN THỊ CẨM	TIÊN	Nữ	30/04/2004	13DHQLMT01	Cử nhân	0,00%	121	121	2,48	Trung bình	
20	2031224354	NGUYỄN THỊ NGÂN	TIÊN	Nữ	10/08/2004	13DHQLMT01	Cử nhân	0,00%	121	121	2,99	Khá	
21	2031211294	PHAN NGỌC	TRÂM	Nữ	08/02/2003	12DHQLMT02	Cử nhân	28,10%	121	121	2,49	Trung bình	
22	2031225613	BÙI THU NGỌC	TRINH	Nữ	12/01/2004	13DHQLMT01	Cử nhân	0,00%	121	121	2,88	Khá	
23	2031226272	NGUYỄN HOÀNG NGỌC	TRINH	Nữ	13/10/2001	13DHQLMT02	Cử nhân	1,65%	121	123	2,34	Trung bình	
24	2031224606	LÊ THỊ KIM	TUYỀN	Nữ	20/09/2004	13DHQLMT01	Cử nhân	0,00%	121	121	2,78	Khá	
25	2031210718	NGUYỄN THỊ MỸ	UYÊN	Nữ	19/04/2003	12DHQLMT01	Cử nhân	1,65%	121	121	2,53	Khá	
26	2031226047	LÂM TRIỀU	VỸ	Nam	02/07/2004	13DHQLMT02	Cử nhân	0,00%	121	121	2,98	Khá	

27	2031226112	TRẦN NGỌC	YẾN	Nữ	20/08/2004	13DHQLMT02	Cử nhân	1,65%	121	121	2,81	Khá	
Ngành: Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống													
STT	**Mã SV**	**Họ đệm**	**Tên**	**Giới tính**	**Ngày sinh**	**Lớp học**	**Bằng tốt nghiệp**	**Tỷ lệ học lại**	**TC TK**	**TC TL**	**TBCTL**	**Xếp loại TN**	**Ghi chú**
1	2030220209	NGUYỄN THỊ HOÀI	ANH	Nữ	23/10/2004	13DHQTDVNH02	Cử nhân	0,00%	121	121	3,39	Giỏi	
2	2030220138	NGUYỄN TUẤN	ANH	Nam	20/07/2004	13DHQTDVNH01	Cử nhân	1,65%	121	121	3,11	Khá	
3	2030220261	LÊ THỊ HỒNG	ÁNH	Nữ	16/02/2004	13DHQTDVNH02	Cử nhân	0,00%	121	121	3,15	Khá	
4	2030220844	NGUYỄN QUANG	ĐẠI	Nam	09/09/2004	13DHQTDVNH01	Cử nhân	0,00%	121	121	3,12	Khá	
5	2030210401	ĐỖ TIẾN	DŨNG	Nam	09/12/2003	12DHQTDVNH02	Cử nhân	0,00%	121	121	2,92	Khá	
6	2030200618	NGÔ NGUYỄN NHẬT	HÀO	Nam	14/06/2002	11DHQTDVNH4	Cử nhân	23,97%	121	121	2,77	Khá	
7	2030221973	TRẦN CHÍ	KHẢI	Nam	02/01/2004	13DHQTDVNH01	Cử nhân	0,00%	121	121	2,94	Khá	
8	2030222007	NGUYỄN TRÍ	KHANG	Nam	19/03/2004	13DHQTDVNH02	Cử nhân	0,00%	121	121	3,13	Khá	
9	2030222078	ĐỖ THỊ KIM	KHÁNH	Nữ	02/09/2004	13DHQTDVNH02	Cử nhân	0,00%	121	121	3,27	Giỏi	
10	2030222054	NGUYỄN LÂM MAI	KHÁNH	Nữ	08/11/2004	13DHQTDVNH02	Cử nhân	0,00%	121	121	3,17	Khá	
11	2030222377	PHÓ TRÚC	LINH	Nữ	25/04/2004	13DHQTDVNH02	Cử nhân	0,00%	121	121	3,01	Khá	
12	2030219439	HUỲNH NGỌC THANH	NGÂN	Nữ	11/01/2003	12DHQTDVNH05	Cử nhân	3,31%	121	123	2,83	Khá	
13	2030223154	NGUYỄN THẢO	NGUYÊN	Nữ	01/06/2004	13DHQTDVNH01	Cử nhân	2,48%	121	121	3,14	Khá	
14	2030223390	NGÔ THỊ YẾN	NHI	Nữ	09/06/2004	13DHQTDVNH02	Cử nhân	0,00%	121	121	3,08	Khá	
15	2030219463	VÕ THÙY	NHI	Nữ	10/01/2003	12DHQTDVNH04	Cử nhân	3,31%	121	121	2,87	Khá	
16	2030223790	AROMAN GIA	PHÚC	Nam	20/03/2004	13DHQTDVNH02	Cử nhân	0,00%	121	121	2,97	Khá	
17	2030223761	NGUYỄN TRỌNG	PHÚC	Nam	09/01/2004	13DHQTDVNH02	Cử nhân	0,00%	121	121	3,15	Khá	
18	2030223887	HOÀNG NAM	PHƯƠNG	Nam	02/08/2004	13DHQTDVNH02	Cử nhân	1,65%	121	121	2,86	Khá	
19	2030224294	HOÀNG THỊ MINH	TÂM	Nữ	17/12/2004	13DHQTDVNH02	Cử nhân	0,00%	121	121	3,40	Giỏi	
20	2030219518	NGÔ NGUYỄN QUỲNH	THY	Nữ	27/10/2003	12DHQTDVNH04	Cử nhân	0,00%	121	121	2,76	Khá	
21	2030219523	THÂN LÂM	TIÊN	Nam	08/02/2003	12DHQTDVNH04	Cử nhân	0,00%	121	121	2,79	Khá	
22	2030202115	LÊ PHI	TOÀN	Nam	11/11/2002	11DHQTDVNH7	Cử nhân	0,00%	121	121	2,69	Khá	
23	2030219538	LÊ TRẦN BẢO	TRÂN	Nữ	28/03/2003	12DHQTDVNH04	Cử nhân	4,96%	121	121	2,53	Khá	

24	2030225377	LÊ THỊ THU	TRANG	Nữ	05/10/2004	13DHQTDVNH02	Cử nhân	0,00%	121	121	3,19	Khá	
25	2030225658	PHẠM THỊ	TRÚC	Nữ	04/12/2004	13DHQTDVNH02	Cử nhân	0,00%	121	121	3,04	Khá	
26	2030200626	TRẦN HUỲNH THANH	TRÚC	Nữ	29/04/2002	11DHQTDVNH5	Cử nhân	4,13%	121	125	2,90	Khá	
27	2030225686	VÕ MINH	TRUNG	Nam	25/02/2004	13DHQTDVNH02	Cử nhân	0,00%	121	121	3,29	Giỏi	
28	2030219574	LÊ THANH	VY	Nữ	13/07/2003	12DHQTDVNH05	Cử nhân	4,96%	121	123	2,61	Khá	

Ngành: Ngôn ngữ Trung Quốc

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Bằng tốt nghiệp	Tỷ lệ học lại	TC TK	TC TL	TBCTL	Xếp loại TN	Ghi chú
1	2039212879	NGUYỄN THỊ LAN	ANH	Nữ	17/02/2003	12DHTQ07	Cử nhân	4,96%	121	121	3,17	Khá	
2	2039212892	NGUYỄN NGỌC THANH	BÌNH	Nữ	31/01/2003	12DHTQ06	Cử nhân	15,70%	121	121	2,95	Khá	
3	2039210507	CÙ THỊ	DIỆU	Nữ	05/05/2003	12DHTQ07	Cử nhân	11,57%	121	122	2,04	Trung bình	
4	2039200263	VÕ THỊ MỸ	DUYÊN	Nữ	18/08/2002	11DHTQ2	Cử nhân	9,09%	121	122	2,09	Trung bình	
5	2039200068	HUỲNH PHỐI	GIA	Nữ	23/01/2002	11DHTQ2	Cử nhân	7,44%	121	121	2,17	Trung bình	
6	2039221047	TRẦN NỮ TRÚC	GIANG	Nữ	02/01/2004	13DHTQ03	Cử nhân	14,05%	121	121	3,02	Khá	
7	2039200014	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	GIANG	Nữ	14/07/2002	11DHTQ1	Cử nhân	2,48%	121	121	2,68	Khá	
8	2039212922	DƯƠNG THÙY NHƯ	HẢO	Nữ	02/01/2003	12DHTQ07	Cử nhân	1,65%	121	122	2,37	Trung bình	
9	2039222045	LÊ BẢO	KHANH	Nam	30/10/2004	13DHTQ03	Cử nhân	0,00%	121	121	2,73	Khá	
10	2039202034	NGUYỄN ANH	KHÔI	Nam	16/12/2002	11DHTQ5	Cử nhân	19,01%	121	126	2,54	Khá	
11	2039200223	VÕ THÚY	KIỀU	Nữ	01/10/2002	11DHTQ2	Cử nhân	8,26%	121	122	2,13	Trung bình	
12	2039204030	BÙI THỊ MỸ	LIÊN	Nữ	16/06/2002	11DHTQ5	Cử nhân	15,70%	121	122	2,32	Trung bình	
13	2039205171	NGUYỄN TRẦN DIỆU	LINH	Nữ	12/03/2002	11DHTQ6	Cử nhân	13,22%	121	122	2,60	Khá	
14	2039223100	ĐOÀN THỊ HỒNG	NGỌC	Nữ	13/03/2004	13DHTQ02	Cử nhân	2,48%	121	121	2,84	Khá	
15	2039213000	VÕ THỊ NGỌC	NGUYÊN	Nữ	18/10/2003	12DHTQ07	Cử nhân	0,00%	121	121	2,67	Khá	
16	2039200450	MAI NGỌC QUỲNH	NHƯ	Nữ	25/08/2002	11DHTQ3	Cử nhân	6,61%	121	122	2,11	Trung bình	
17	2039213026	NGÔ THỊ KIM	OANH	Nữ	09/10/2003	12DHTQ03	Cử nhân	13,22%	121	121	2,58	Khá	
18	2039200276	MAI BÍCH	PHƯƠNG	Nữ	02/06/2002	11DHTQ3	Cử nhân	4,96%	121	122	2,49	Trung bình	
19	2039213046	PHẠM THỊ LỆ	THẢO	Nữ	28/02/2003	12DHTQ06	Cử nhân	6,61%	121	122	2,79	Khá	

20	2039225256	TRƯƠNG ANH	THƯ	Nữ	12/06/2004	13DHTQ01	Cử nhân	3,31%	121	121	2,17	Trung bình	
21	2039225089	NGUYỄN THỊ	THÙY	Nữ	09/12/2004	13DHTQ01	Cử nhân	9,09%	121	121	2,30	Trung bình	
22	2039210517	LÊ TRƯỜNG GIANG	THY	Nữ	23/09/2003	12DHTQ02	Cử nhân	7,44%	121	121	2,31	Trung bình	
23	2039213065	NGÔ BÙI CẨM	TIÊN	Nữ	29/12/2002	12DHTQ06	Cử nhân	0,00%	121	121	3,02	Khá	
24	2039210156	NGUYỄN VIỆT	TIẾN	Nam	06/01/2003	12DHTQ02	Cử nhân	7,44%	121	121	2,69	Khá	
25	2039213072	ĐINH THỊ NGỌC	TRÂM	Nữ	16/03/2003	12DHTQ06	Cử nhân	4,96%	121	121	2,94	Khá	
26	2039225662	TRẦN NGỌC NGÂN	TRÚC	Nữ	12/09/2004	13DHTQ02	Cử nhân	1,65%	121	121	2,45	Trung bình	
27	2039213086	ĐẶNG QUANG MINH	TUẤN	Nam	06/11/2003	12DHTQ07	Cử nhân	3,31%	121	121	2,80	Khá	
28	2039224622	NGUYỄN THỊ KIM	TUYẾT	Nữ	30/04/2004	13DHTQ03	Cử nhân	8,26%	121	121	2,14	Trung bình	

Ngành: Khoa học chế biến món ăn

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Bằng tốt nghiệp	Tỷ lệ học lại	TC TK	TC TL	TBCTL	Xếp loại TN	Ghi chú
1	2034220234	NGUYỄN THỊ VÂN	ANH	Nữ	03/03/2004	13DHNA01_CN	Cử nhân	4,13%	121	121	2,60	Khá	
2	2034200091	NGUYỄN HOÀNG	ANH	Nam	25/11/2002	11DHNA1_CN	Cử nhân	4,96%	121	130	2,52	Khá	
3	2034220518	TRẦN THỊ KIM	CHÂU	Nữ	17/11/2004	13DHNA02_CN	Cử nhân	0,00%	121	121	2,74	Khá	
4	2034220837	PHẠM LÊ THÙY	DƯƠNG	Nữ	08/07/2003	13DHNA01_CN	Cử nhân	1,65%	121	121	2,97	Khá	
5	2034221121	NGUYỄN THỊ BẢO	HÀ	Nữ	20/08/2004	13DHNA02_CN	Cử nhân	8,26%	121	121	2,63	Khá	
6	2034221307	TRƯƠNG TRẦN BẢO	HÂN	Nữ	27/07/2004	13DHNA02_CN	Cử nhân	0,00%	121	123	2,83	Khá	
7	2034221335	NGUYỄN DUY	HẬU	Nam	03/02/2004	13DHNA02_CN	Cử nhân	0,00%	121	123	2,55	Khá	
8	2034210286	TRỊNH TRẦN THU	HIỀN	Nữ	17/07/2003	12DHNA03	Kỹ sư	9,27%	151	151	3,37	Khá	Sinh viên bị hạ bậc tốt nghiệp
9	2034221808	NGUYỄN VĂN	HƯNG	Nam	31/08/2004	13DHNA02_CN	Cử nhân	0,00%	121	121	2,79	Khá	
10	2034221706	TRẦN GIA	HUY	Nam	17/11/2004	13DHNA02_CN	Cử nhân	1,65%	121	122	2,68	Khá	
11	2034226316	ĐỖ HỒNG NGỌC	KHÁNH	Nữ	22/10/2004	13DHNA03_CN	Cử nhân	1,65%	121	121	2,81	Khá	
12	2034222136	ĐOÀN NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	Nam	26/07/2004	13DHNA02_CN	Cử nhân	0,00%	121	121	2,62	Khá	
13	2034221954	LÊ MỸ	KỲ	Nữ	11/11/2004	13DHNA01_CN	Cử nhân	1,65%	121	121	2,82	Khá	
14	2034222199	LÊ NGUYỄN NGỌC	LAN	Nữ	04/02/2004	13DHNA03_CN	Cử nhân	1,65%	121	121	2,98	Khá	
15	2034222979	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	Nữ	02/10/2004	13DHNA01_CN	Cử nhân	1,65%	121	121	3,11	Khá	

16	2034223411	NGUYỄN YẾN	NHI	Nữ	07/12/2004	13DHNA03_CN	Cử nhân	1,65%	121	121	3,07	Khá	
17	2034223414	TRẦN ĐỖ THỊ YẾN	NHI	Nữ	05/03/2004	13DHNA02_CN	Cử nhân	0,00%	121	121	3,14	Khá	
18	2034200061	NGÔ THỊ HUỲNH	NHƯ	Nữ	01/12/2002	11DHNA1_CN	Cử nhân	14,05%	121	133	2,53	Khá	
19	2034226210	THÁI THỊ KIỀU	OANH	Nữ	23/02/2004	13DHNA02_CN	Cử nhân	0,00%	121	121	2,88	Khá	
20	2034223711	VÕ MINH	PHÚ	Nam	18/11/2004	13DHNA01_CN	Cử nhân	0,00%	121	121	2,79	Khá	
21	2034223891	ĐỖ THỊ NHÃ	PHƯƠNG	Nữ	20/11/2004	13DHNA03_CN	Cử nhân	2,48%	121	121	2,51	Khá	
22	2034224042	BÙI NGỌC THẢO	QUYÊN	Nữ	06/09/2004	13DHNA01_CN	Cử nhân	1,65%	121	124	3,06	Khá	
23	2034224137	MAI HOÀNG KHẢ	SAN	Nữ	15/12/2004	13DHNA02_CN	Cử nhân	1,65%	121	121	2,98	Khá	
24	2034224136	TRẦN NGỌC TUYẾT	SAN	Nữ	27/05/2004	13DHNA01_CN	Cử nhân	0,00%	121	121	2,66	Khá	
25	2034224309	ĐỖ NHẬT MINH	TÂM	Nam	19/10/2004	13DHNA03_CN	Cử nhân	0,00%	121	123	2,87	Khá	
26	2034224308	NGUYỄN THỊ KIM	TÂM	Nữ	28/01/2004	13DHNA02_CN	Cử nhân	0,00%	121	121	2,77	Khá	
27	2034224968	NGÔ NGUYỄN XUÂN	THỊNH	Nam	12/01/2004	13DHNA03_CN	Cử nhân	1,65%	121	121	2,82	Khá	
28	2034225270	HUỲNH HOÀNG	THƯ	Nữ	26/09/2004	13DHNA02_CN	Cử nhân	0,00%	121	123	3,01	Khá	
29	2034225273	TRẦN THỊ ANH	THƯ	Nữ	24/12/2004	13DHNA03_CN	Cử nhân	1,65%	121	121	2,50	Khá	
30	2034225056	LÊ MINH	THUẬN	Nam	26/06/2004	13DHNA03_CN	Cử nhân	1,65%	121	121	2,81	Khá	
31	2034225408	NGUYỄN NGỌC ĐOAN	TRANG	Nữ	26/05/2004	13DHNA01_CN	Cử nhân	0,00%	121	121	2,62	Khá	
32	2034224517	TRẦN QUỐC	TÚ	Nam	07/09/2004	13DHNA02_CN	Cử nhân	4,13%	121	121	2,85	Khá	
33	2034226042	LÊ LÝ TRƯỜNG	VY	Nữ	30/09/2004	13DHNA03_CN	Cử nhân	3,31%	121	121	2,79	Khá	

Ngành: Kỹ thuật nhiệt

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Bằng tốt nghiệp	Tỷ lệ học lại	TC TK	TC TL	TBCTL	Xếp loại TN	Ghi chú
1	2042210691	PHẠM KHÔI	ANH	Nam	07/12/2002	12DHKTN_CN	Cử nhân	31,40%	121	121	2,28	Trung bình	
2	2042210410	LÊ QUỐC	BẢO	Nam	06/09/2003	12DHKTN	Kỹ sư	10,60%	151	152	2,47	Trung bình	
3	2042217834	NGUYỄN HUỲNH MẪN	ĐẠT	Nam	28/02/2003	12DHKTN	Kỹ sư	20,53%	151	152	2,39	Trung bình	
4	2042210039	MẠCH VĂN	ĐỒNG	Nam	30/08/2003	12DHKTN	Kỹ sư	15,23%	151	152	2,42	Trung bình	
5	2042220828	HOÀNG THẾ	DƯƠNG	Nam	12/01/2004	13DHKTN02	Kỹ sư	7,95%	151	151	2,89	Khá	
6	2042221659	ĐÀO QUỐC	HUY	Nam	07/01/2004	13DHKTN02	Kỹ sư	1,32%	151	151	2,89	Khá	

7	2042226234	NGUYỄN HOÀNG	KHANG	Nam	30/05/2004	13DHKTN02_CN	Cử nhân	8,26%	121	121	2,71	Khá	
8	2042210421	HUỲNH TUẤN	KIỆT	Nam	05/08/2003	12DHKTN	Kỹ sư	6,62%	151	152	2,76	Khá	
9	2042221899	PHẠM NGUYỄN TUẤN	KIỆT	Nam	19/10/2004	13DHKTN01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,42	Giỏi	
10	2042221953	LÊ ANH	KỲ	Nam	29/02/2004	13DHKTN01	Kỹ sư	9,93%	151	151	2,75	Khá	
11	2042217843	VÕ QUỐC	LONG	Nam	15/08/2003	12DHKTN	Kỹ sư	9,27%	151	152	2,48	Trung bình	
12	2042223275	HỒ MINH	NHẬT	Nam	02/09/2004	13DHKTN02	Kỹ sư	6,62%	151	151	3,16	Khá	
13	2042223571	LÊ TUẤN	OANH	Nam	13/11/2004	13DHKTN01	Kỹ sư	1,32%	151	151	3,03	Khá	
14	2042223621	NGUYỄN QUANG	PHÁT	Nam	25/08/2002	13DHKTN01	Kỹ sư	9,93%	151	151	2,53	Khá	
15	2042223616	TRẦN HOÀI	PHÁT	Nam	18/06/2004	13DHKTN02	Kỹ sư	1,99%	151	151	2,90	Khá	
16	2042223703	TRẦN QUANG	PHÚ	Nam	22/12/2004	13DHKTN01	Kỹ sư	3,97%	151	151	3,25	Giỏi	
17	2042210056	TRẦN TÚ	SANG	Nam	18/08/2003	12DHKTN_CN	Cử nhân	16,53%	121	121	2,05	Trung bình	
18	2042210417	BÙI THỊ HỒNG	THẮM	Nữ	08/02/2003	12DHKTN	Kỹ sư	15,89%	151	151	2,77	Khá	
19	2042226258	TRẦN QUANG	TỊNH	Nam	22/06/2004	13DHKTN02	Kỹ sư	1,99%	151	151	3,27	Giỏi	
20	2042217849	NGUYỄN LÊ	TRÍ	Nam	27/10/2003	12DHKTN	Kỹ sư	19,21%	151	152	2,55	Khá	
21	2042226276	NGUYỄN MINH	TRÍ	Nam	09/04/2004	13DHKTN02	Kỹ sư	5,30%	151	151	3,02	Khá	

Ngành: An toàn thông tin

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Bằng tốt nghiệp	Tỷ lệ học lại	TC TK	TC TL	TBCTL	Xếp loại TN	Ghi chú
1	2033220108	PHẠM NGUYỄN THẾ	ANH	Nam	17/03/2004	13DHBM01	Kỹ sư	1,99%	151	151	3,25	Giỏi	
2	2033220206	TRẦN HỮU	ANH	Nam	07/07/2004	13DHBM03_CN	Cử nhân	8,26%	121	121	2,48	Trung bình	
3	2033220158	VÕ THÁI	ANH	Nam	16/06/2004	13DHBM04	Kỹ sư	3,31%	151	151	2,89	Khá	
4	2033220309	NGUYỄN KIM CHÍ	BẢO	Nam	06/05/2004	13DHBM02_CN	Cử nhân	3,31%	121	121	2,85	Khá	
5	2033216392	KIỀU KHÁNH	ĐĂNG	Nam	06/09/2003	12DHBM02_CN	Cử nhân	14,88%	121	125	2,29	Trung bình	
6	2033210535	TĂNG PHƯỚC	ĐẠNG	Nam	20/12/2003	12DHBM06_CN	Cử nhân	23,97%	121	124	2,19	Trung bình	
7	2033212050	BÙI TIẾN	ĐẠT	Nam	11/09/2003	12DHBM03_CN	Cử nhân	13,22%	121	121	2,34	Trung bình	
8	2033220680	ĐỖ TRUNG	DŨNG	Nam	30/03/2004	13DHBM01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,46	Giỏi	
9	2033210030	LÊ PHƯỚC TRƯỜNG	DUY	Nam	01/11/2003	12DHBM06_CN	Cử nhân	24,79%	121	123	2,12	Trung bình	

10	2033220712	TRẦN DƯƠNG TUẤN	DUY	Nam	23/09/2004	13DHBM03_CN	Cử nhân	0,00%	121	121	2,75	Khá	
11	2033220774	NGUYỄN THỊ MỸ	DUYÊN	Nữ	12/07/2004	13DHBM04_CN	Cử nhân	5,79%	121	121	2,71	Khá	
12	2033221060	NGUYỄN VŨ	GIANG	Nam	29/07/2004	13DHBM02_CN	Cử nhân	4,96%	121	121	2,91	Khá	
13	2033221334	NGÔ ĐỨC	HẬU	Nam	02/04/2004	13DHBM02_CN	Cử nhân	2,48%	121	121	2,64	Khá	
14	2033210902	PHẠM TRỌNG	HIẾN	Nam	16/06/2003	12DHBM08_CN	Cử nhân	20,66%	121	125	2,60	Khá	
15	2033204528	NGUYỄN MINH	HIẾU	Nam	09/01/2002	11DHBM2_CN	Cử nhân	33,88%	121	124	2,30	Trung bình	
16	2033216424	MAI QUỐC	HÙNG	Nam	21/10/2003	12DHBM03_CN	Cử nhân	3,31%	121	129	2,47	Trung bình	
17	2033216427	TRẦN ĐỖ QUỐC	HÙNG	Nam	05/12/2003	12DHBM05_CN	Cử nhân	13,22%	121	121	2,56	Khá	
18	2033211582	PHẠM TẤN	HƯNG	Nam	09/11/2003	12DHBM01_CN	Cử nhân	10,74%	121	123	2,46	Trung bình	
19	2033216439	TRẦN NGUYỄN PHI	HƯNG	Nam	22/01/2003	12DHBM03_CN	Cử nhân	18,18%	121	121	2,21	Trung bình	
20	2033221824	KHÀ THỊ	HƯƠNG	Nữ	22/08/2004	13DHBM04_CN	Cử nhân	0,00%	121	121	2,75	Khá	
21	2033210176	NGUYỄN GIA	HUY	Nam	10/01/2003	12DHBM02_CN	Cử nhân	19,01%	121	122	2,30	Trung bình	
22	2033221655	NGUYỄN GIA	HUY	Nam	13/10/2004	13DHBM01_CN	Cử nhân	6,61%	121	121	2,66	Khá	
23	2033221727	HÀ ĐẶNG BÍCH	HUYỀN	Nữ	05/12/2004	13DHBM02_CN	Cử nhân	1,65%	121	121	2,81	Khá	
24	2033210481	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	Nữ	30/12/2003	12DHBM06_CN	Cử nhân	7,44%	121	121	2,51	Khá	
25	2033216441	TRẦN TUẤN	KHA	Nam	16/06/2003	12DHBM04_CN	Cử nhân	17,36%	121	122	2,07	Trung bình	
26	2033221971	MAI NGỌC	KHẢI	Nam	18/08/2004	13DHBM04_CN	Cử nhân	0,00%	121	121	3,36	Giỏi	
27	2033222044	NGUYỄN LƯƠNG	KHANH	Nam	01/11/2004	13DHBM04	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,50	Giỏi	
28	2033222074	NGUYỄN HỮU	KHÁNH	Nam	04/05/2004	13DHBM01_CN	Cử nhân	1,65%	121	121	2,78	Khá	
29	2033212029	TRẦN LƯU ĐĂNG	KHOA	Nam	31/03/2003	12DHBM02_CN	Cử nhân	20,66%	121	123	2,05	Trung bình	
30	2033222145	PHAN LÊ DUY	KHÔI	Nam	17/11/2004	13DHBM01_CN	Cử nhân	5,79%	121	121	3,12	Khá	
31	2033202014	PHAN THỊ NGỌC	LAN	Nữ	26/06/2002	11DHBM1_CN	Cử nhân	8,26%	121	123	2,58	Khá	
32	2033210472	LÊ NGỌC PHI	LONG	Nam	03/03/2003	12DHBM03_CN	Cử nhân	12,40%	121	123	2,20	Trung bình	
33	2033222432	LÊ QUANG	LONG	Nam	24/10/2004	13DHBM02_CN	Cử nhân	4,96%	121	121	2,86	Khá	
34	2033210187	PHẠM HOÀNG GIA	LONG	Nam	05/02/2003	12DHBM02_CN	Cử nhân	18,18%	121	122	2,39	Trung bình	
35	2033222635	TRIỆU THỊ NGỌC	MINH	Nữ	02/10/2004	13DHBM01_CN	Cử nhân	1,65%	121	121	3,17	Khá	

36	2133221323	TRẦN QUỐC	NAM	Nam	30/11/2003	12DHBM07_CN	Cử nhân	13,22%	121	126	2,40	Trung bình	
37	2033216496	ĐẶNG DIỆP BÍCH	NGỌC	Nữ	06/09/2003	12DHBM04_CN	Cử nhân	9,92%	121	123	2,08	Trung bình	
38	2033210488	LÊ THÀNH KỸ	NGUYÊN	Nữ	30/09/2003	12DHBM06_CN	Cử nhân	6,61%	121	123	2,88	Khá	
39	2033223268	VÕ ĐÌNH	NHẬT	Nam	12/11/2004	13DHBM03_CN	Cử nhân	7,44%	121	121	2,42	Trung bình	
40	2033223312	DƯƠNG NGỌC	NHI	Nữ	04/11/2004	13DHBM01	Kỹ sư	3,31%	151	151	3,04	Khá	
41	2033210426	NGUYỄN ĐÌNH	PHÁT	Nam	07/10/2003	12DHBM08_CN	Cử nhân	3,31%	121	127	2,58	Khá	
42	2033210949	NGUYỄN TẤN	PHÁT	Nam	29/08/2003	12DHBM03_CN	Cử nhân	16,53%	121	121	2,22	Trung bình	
43	2033223589	NGUYỄN TẤN	PHÁT	Nam	01/08/2004	13DHBM01	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,85	Khá	
44	2033223691	KHƯU MINH	PHÚ	Nam	17/10/2004	13DHBM01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,15	Khá	
45	2033223741	LƯU TẤN	PHÚC	Nam	26/12/2004	13DHBM02_CN	Cử nhân	5,79%	121	125	2,84	Khá	
46	2033223777	PHẠM HOÀNG	PHÚC	Nam	26/01/2004	13DHBM03_CN	Cử nhân	0,00%	121	121	2,82	Khá	
47	2033223949	TRẦN ANH	QUÂN	Nam	18/08/2004	13DHBM04_CN	Cử nhân	5,79%	121	121	2,93	Khá	
48	2033223917	LÊ HỒ MINH	QUANG	Nam	13/04/2004	13DHBM03_CN	Cử nhân	2,48%	121	121	2,54	Khá	
49	2033210486	DƯƠNG DUY	QUÝ	Nam	06/11/2003	12DHBM05_CN	Cử nhân	25,62%	121	128	2,21	Trung bình	
50	2033224075	NGUYỄN THỊ NHƯ	QUỲNH	Nữ	19/06/2004	13DHBM02_CN	Cử nhân	0,00%	121	124	3,25	Giỏi	
51	2033216534	NGUYỄN THANH	SANG	Nam	22/03/2003	12DHBM04_CN	Cử nhân	16,53%	121	129	2,38	Trung bình	
52	2033224172	HỒ NHÂN	SINH	Nam	31/05/2004	13DHBM04_CN	Cử nhân	13,22%	121	124	2,57	Khá	
53	2033210612	VÕ NGỌC	SƠN	Nam	20/07/2003	12DHBM02_CN	Cử nhân	16,53%	121	123	2,22	Trung bình	
54	2033216540	MẠC MINH	TÂM	Nam	24/06/2003	12DHBM02_CN	Cử nhân	25,62%	121	122	2,17	Trung bình	
55	2033224643	ĐẶNG VĂN	THÁI	Nam	10/11/2004	13DHBM04	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,61	Xuất sắc	
56	2033216546	HÀ MINH	THÁI	Nam	04/05/2003	12DHBM02_CN	Cử nhân	6,61%	121	124	2,01	Trung bình	
57	2033200110	NGUYỄN THỊ HOÀI	THẮM	Nữ	04/03/2002	11DHBM1	Kỹ sư	14,57%	151	156	2,50	Khá	
58	2033210275	PHẠM HỮU	THẮNG	Nam	12/09/2003	12DHBM01_CN	Cử nhân	13,22%	121	123	2,11	Trung bình	
59	2033210916	NGUYỄN VĂN	THANH	Nam	03/06/2003	12DHBM07_CN	Cử nhân	4,13%	121	122	2,54	Khá	
60	2033224710	NGÔ	THÀNH	Nam	12/02/2004	13DHBM01_CN	Cử nhân	11,57%	121	121	2,55	Khá	
61	2033224907	LÊ QUỐC	THIỆN	Nam	17/09/2004	13DHBM04_CN	Cử nhân	6,61%	121	124	2,59	Khá	

62	2033224939	PHẠM PHÚC	THỊNH	Nam	29/02/2004	13DHBM03_CN	Cử nhân	1,65%	121	121	2,60	Khá	
63	2033225193	TRẦN THỊ MINH	THƯ	Nữ	05/05/2004	13DHBM01_CN	Cử nhân	0,83%	121	122	2,97	Khá	
64	2033225203	VÕ THỊ THANH	THƯ	Nữ	13/03/2004	13DHBM02_CN	Cử nhân	5,79%	121	123	2,57	Khá	
65	2033225495	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRÂN	Nữ	10/12/2004	13DHBM02_CN	Cử nhân	0,00%	121	121	3,34	Giỏi	
66	2033216586	NGUYỄN THỊ NHÃ	TRÂN	Nữ	27/11/2003	12DHBM05_CN	Cử nhân	5,79%	121	122	2,02	Trung bình	
67	2033211909	NGUYỄN HUỲNH ANH	TÚ	Nam	10/10/2003	12DHBM09_CN	Cử nhân	11,57%	121	129	2,19	Trung bình	
68	2033200130	TRẦN ĐẠO	VIỆT	Nam	24/12/2001	11DHBM1_CN	Cử nhân	14,88%	121	122	2,18	Trung bình	
69	2033210107	TRẦN LONG	VŨ	Nam	10/02/2003	12DHBM09_CN	Cử nhân	9,92%	121	124	2,37	Trung bình	
70	2033225980	ĐOÀN NGỌC YẾN	VY	Nữ	15/05/2004	13DHBM01_CN	Cử nhân	5,79%	121	121	2,96	Khá	
71	2033210979	DƯƠNG NGỌC MAI	XUÂN	Nữ	20/01/2003	12DHBM08_CN	Cử nhân	22,31%	121	124	2,30	Trung bình	

Ngành: Ngôn ngữ Anh

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Bằng tốt nghiệp	Tỷ lệ học lại	TC TK	TC TL	TBCTL	Xếp loại TN	Ghi chú
1	2029220358	HỒ HỒNG THIÊN	BẢO	Nữ	23/12/2003	13DHAV03	Cử nhân	1,65%	121	121	2,81	Khá	
2	2029212527	PHẠM MINH	CHÂU	Nữ	23/08/2003	12DHAV09	Cử nhân	3,31%	121	121	2,37	Trung bình	
3	2029212526	PHAN NGỌC MINH	CHÂU	Nữ	14/12/2003	12DHAV06	Cử nhân	8,26%	121	122	2,50	Khá	
4	2029220848	ĐỖ QUỐC	ĐẠI	Nam	24/03/2004	13DHAV03	Cử nhân	2,48%	121	121	2,92	Khá	
5	2029220974	NGUYỄN THẢO	ĐIỀN	Nam	22/03/2004	13DHAV03	Cử nhân	0,00%	121	121	2,98	Khá	
6	2029220652	TÔ THỊ	DUNG	Nữ	20/10/2004	13DHAV02	Cử nhân	0,00%	121	121	2,42	Trung bình	
7	2029212541	NGUYỄN ANH	DUY	Nam	29/05/2003	12DHAV05	Cử nhân	14,05%	121	122	2,39	Trung bình	
8	2029220747	TRẦN ĐỨC	DUY	Nam	18/04/2003	13DHAV01	Cử nhân	0,00%	121	121	3,04	Khá	
9	2029210110	LÊ HỒNG NGỌC	DUYÊN	Nữ	30/10/2003	12DHAV02	Cử nhân	6,61%	121	121	2,12	Trung bình	
10	2029220781	LÊ THỊ MỸ	DUYÊN	Nữ	09/12/2003	13DHAV03	Cử nhân	0,00%	121	121	3,32	Giỏi	
11	2029212545	NGUYỄN CAO KỲ	DUYÊN	Nữ	05/05/2003	12DHAV09	Cử nhân	26,45%	121	122	2,61	Khá	
12	2029212564	NGUYỄN THẢO	HÀ	Nữ	12/12/2003	12DHAV06	Cử nhân	0,00%	121	121	3,19	Khá	
13	2029210565	VÕ NGỌC	HƯƠNG	Nữ	11/07/2003	12DHAV01	Cử nhân	4,96%	121	122	2,01	Trung bình	
14	2029221751	LÊ NGUYỄN NGỌC	HUYỀN	Nữ	10/04/2004	13DHAV02	Cử nhân	0,00%	121	121	3,52	Giỏi	

15	2029212603	NGUYỄN THỊ MỸ	HUYỀN	Nữ	04/08/2003	12DHAV07	Cử nhân	0,00%	121	122	2,74	Khá	
16	2029202074	NGUYỄN NHẬT	KHANG	Nam	26/07/2002	11DHAV5	Cử nhân	6,61%	121	127	3,14	Khá	
17	2029226165	NGỤY BÁ GIA	KHIÊM	Nam	28/02/2004	13DHAV02	Cử nhân	0,00%	121	121	3,08	Khá	
18	2029212623	PHAN QUỐC	KIỆT	Nam	27/02/2003	12DHAV08	Cử nhân	8,26%	121	121	2,28	Trung bình	
19	2029212635	LÊ TRÚC	LINH	Nữ	18/11/2003	12DHAV06	Cử nhân	8,26%	121	121	2,41	Trung bình	
20	2029222651	NGUYỄN HỒNG THẢO	MINH	Nữ	25/10/2004	13DHAV03	Cử nhân	0,00%	121	121	3,10	Khá	
21	2029205056	LÊ THỊ ÁNH	NGUYỆT	Nữ	09/02/2002	11DHAV9	Cử nhân	6,61%	121	122	2,46	Trung bình	
22	2029223259	THÁI THÀNH	NHÂN	Nam	12/11/2004	13DHAV02	Cử nhân	0,00%	121	121	3,52	Giỏi	
23	2029210381	LÊ VÕ TUYẾT	NHUNG	Nữ	30/11/2003	12DHAV05	Cử nhân	31,40%	121	124	2,69	Khá	
24	2029210136	NGUYỄN TRỊNH HOÀI	PHƯƠNG	Nữ	15/04/2003	12DHAV10	Cử nhân	6,61%	121	122	2,30	Trung bình	
25	2029210437	ĐẶNG MINH	QUÂN	Nam	26/04/2003	12DHAV02	Cử nhân	0,00%	121	121	2,96	Khá	
26	2029223929	NGUYỄN LƯU MINH	QUANG	Nam	06/01/2004	13DHAV01	Cử nhân	0,00%	121	121	2,69	Khá	
27	2029204356	LÂM THIÊN	QUÝ	Nam	17/10/2001	11DHAV7	Cử nhân	18,18%	121	128	2,76	Khá	
28	2029224038	NGUYỄN THỊ THU	QUYÊN	Nữ	21/07/2004	13DHAV02	Cử nhân	0,00%	121	121	2,98	Khá	
29	2029224031	TRẦN THÚY	QUYÊN	Nữ	07/03/2004	13DHAV03	Cử nhân	0,00%	121	121	3,20	Giỏi	
30	2029212766	NGUYỄN THỊ MINH	THI	Nữ	05/02/2003	12DHAV06	Cử nhân	0,00%	121	121	2,54	Khá	
31	2029210513	HÀ CHÂU TRƯỜNG	THỊNH	Nam	25/03/2003	12DHAV03	Cử nhân	20,66%	121	121	2,74	Khá	
32	2029200150	VĂN TRẦN HOÀI	THƯƠNG	Nữ	08/12/2001	11DHAV2	Cử nhân	19,83%	121	125	2,01	Trung bình	
33	2029225333	VÕ THỊ HỒNG	TRÀ	Nữ	01/02/2004	13DHAV03	Cử nhân	0,00%	121	127	3,16	Khá	
34	2029225497	HUỲNH THỊ BẢO	TRÂN	Nữ	05/05/2004	13DHAV01	Cử nhân	2,48%	121	123	2,51	Khá	
35	2029212818	NGUYỄN THỊ DIỄM	TRINH	Nữ	20/04/2003	12DHAV09	Cử nhân	1,65%	121	121	3,02	Khá	
36	2029225660	NGÔ THANH	TRÚC	Nữ	23/10/2004	13DHAV03	Cử nhân	0,00%	121	121	3,31	Giỏi	
37	2029212846	HUỲNH TRƯƠNG KHẢ	VI	Nữ	18/05/2003	12DHAV05	Cử nhân	6,61%	121	121	2,74	Khá	
38	2029212847	NGUYỄN ANH	VI	Nam	29/08/2003	12DHAV09	Cử nhân	0,00%	121	121	2,67	Khá	
39	2029210434	NGUYỄN THỊ NHẬT	VIÊN	Nữ	20/12/2003	12DHAV03	Cử nhân	4,96%	121	121	2,14	Trung bình	
40	2029226024	LÊ THỊ KIỀU	VY	Nữ	12/10/2004	13DHAV01	Cử nhân	0,00%	121	121	3,40	Giỏi	

41	2029210482	TRẦN TƯỜNG	VY	Nữ	21/10/2003	12DHAV03	Cử nhân	15,70%	121	121	2,14	Trung bình	
42	2029210534	VÕ THỊ THÚY	VY	Nữ	08/04/2003	12DHAV03	Cử nhân	10,74%	121	121	2,13	Trung bình	
43	2029203006	NGUYỄN THỊ CẨM	VY	Nữ	14/08/2002	11DHAV8	Cử nhân	8,26%	121	122	2,50	Khá	
44	2029226094	NGUYỄN NGỌC NHƯ	Ý	Nữ	27/07/2004	13DHAV03	Cử nhân	3,31%	121	121	3,01	Khá	

Ngành: Quản trị khách sạn

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Bằng tốt nghiệp	Tỷ lệ học lại	TC TK	TC TL	TBCTL	Xếp loại TN	Ghi chú
1	2038202007	TRƯƠNG HOÀI	BẢO	Nam	15/03/2002	11DHQTKS4	Cử nhân	4,13%	121	123	2,98	Khá	
2	2038220847	NGUYỄN QUỐC	ĐẠI	Nam	02/04/2004	13DHQTKS02	Cử nhân	7,44%	121	121	3,12	Khá	
3	2038202022	NGUYỄN THỊ HỒNG	DIỄM	Nữ	16/03/2002	11DHQTKS4	Cử nhân	6,61%	121	121	2,84	Khá	
4	2038202025	PHẠM THỊ	DIỄN	Nữ	28/05/2001	11DHQTKS6	Cử nhân	9,09%	121	123	2,64	Khá	
5	2038202026	QUÁCH VĂN	ĐÌNH	Nam	14/06/2002	11DHQTKS6	Cử nhân	1,65%	121	123	2,71	Khá	
6	2038200017	BÙI MINH	ĐỨC	Nam	02/02/2002	11DHQTKS3	Cử nhân	0,00%	121	121	2,88	Khá	
7	2038210019	HUỲNH THANH	HẬU	Nam	13/10/2003	12DHQTKS03	Cử nhân	1,65%	121	121	2,76	Khá	
8	2038203021	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	Nam	31/01/2002	11DHQTKS5	Cử nhân	7,44%	121	122	2,63	Khá	
9	2038219160	NGUYỄN ANH	KHOA	Nam	18/08/2003	12DHQTKS03	Cử nhân	4,96%	121	121	2,63	Khá	
10	2038204030	NGUYỄN TUẤN	KIỆT	Nam	14/04/2002	11DHQTKS8	Cử nhân	6,61%	121	121	2,83	Khá	
11	2038210510	DƯƠNG THỊ THANH	KIỀU	Nữ	24/11/2003	12DHQTKS02	Cử nhân	0,00%	121	121	3,02	Khá	
12	2038202085	NGUYỄN CHÂU	LOAN	Nữ	11/09/2002	11DHQTKS4	Cử nhân	6,61%	121	123	2,57	Khá	
13	2038202089	VÕ GIA	LONG	Nam	18/07/2002	11DHQTKS5	Cử nhân	4,96%	121	121	2,64	Khá	
14	2038222617	NGUYỄN LƯƠNG TRÀ	MI	Nữ	19/01/2004	13DHQTKS02	Cử nhân	1,65%	121	123	3,04	Khá	
15	2038202099	LÊ DƯƠNG UYỂN	MY	Nữ	22/12/2002	11DHQTKS6	Cử nhân	11,57%	121	122	2,72	Khá	
16	2038202106	TRẦN THỊ THU	NGÂN	Nữ	09/06/2002	11DHQTKS6	Cử nhân	4,96%	121	123	2,94	Khá	
17	2038223340	TRẦN THỊ THẢO	NHI	Nữ	12/08/2004	13DHQTKS02	Cử nhân	0,00%	121	121	3,11	Khá	
18	2038219216	LÊ THỊ KIM	PHI	Nữ	12/12/2003	12DHQTKS03	Cử nhân	8,26%	121	121	2,89	Khá	
19	2038202140	NGUYỄN TRỌNG	PHÚC	Nam	15/07/2002	11DHQTKS6	Cử nhân	23,97%	121	124	2,50	Khá	
20	2038202162	NGUYỄN DUY	TÀI	Nam	23/08/2002	11DHQTKS6	Cử nhân	4,13%	121	121	2,63	Khá	

21	2038203028	LÊ THỊ ANH	THI	Nữ	10/05/2002	11DHQTKS6	Cử nhân	4,13%	121	121	2,90	Khá	
22	2038224360	TRẦN NGỌC THỦY	TIÊN	Nữ	07/01/2004	13DHQTKS02	Cử nhân	0,00%	121	123	3,26	Giỏi	
23	2029210116	NGUYỄN THỊ TUYẾT	TRINH	Nữ	14/02/2003	12DHQTKS01	Cử nhân	1,65%	121	121	2,84	Khá	
24	2038219299	CHÂU CHÍ	VINH	Nam	13/11/2003	12DHQTKS05	Cử nhân	19,01%	121	121	2,64	Khá	
25	2038226008	PHAN TRẦN THẢO	VY	Nữ	31/07/2004	13DHQTKS01	Cử nhân	0,00%	121	123	3,10	Khá	
26	2038210226	TẠ THỊ NHƯ	Ý	Nữ	14/10/2003	12DHQTKS03	Cử nhân	12,40%	121	121	2,87	Khá	
27	2038226115	LƯU THỊ HẢI	YẾN	Nữ	02/08/2004	13DHQTKS02	Cử nhân	1,65%	121	121	3,04	Khá	

Ngành: Công nghệ dệt, may

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Bằng tốt nghiệp	Tỷ lệ học lại	TC TK	TC TL	TBCTL	Xếp loại TN	Ghi chú
1	2027220421	CAO NHÃ	CẦM	Nữ	31/01/2004	13DHCM01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,06	Khá	
2	2027220655	NGUYỄN THỊ	DUNG	Nữ	11/11/2004	13DHCM02_CN	Cử nhân	4,13%	121	121	2,57	Khá	
3	2027221042	LÊ THỊ TRƯỜNG	GIANG	Nữ	12/09/2004	13DHCM01	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,85	Khá	
4	2027221269	PHẠM THỊ NGỌC	HÂN	Nữ	12/03/2004	13DHCM01	Kỹ sư	5,30%	151	151	2,60	Khá	
5	2027221362	DƯƠNG THỊ	HIỀN	Nữ	28/08/2004	13DHCM01_CN	Cử nhân	2,48%	121	121	2,84	Khá	
6	2027222110	BÙI THỊ YẾN	KHOA	Nữ	04/01/2004	13DHCM02	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,07	Khá	
7	2027222304	LÊ NGỌC THÙY	LINH	Nữ	17/12/2004	13DHCM01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,23	Giỏi	
8	2027222874	NGUYỄN BẢO	NGÂN	Nữ	12/11/2004	13DHCM01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,32	Giỏi	
9	2027223086	LÊ THỊ BÍCH	NGỌC	Nữ	01/11/2004	13DHCM02_CN	Cử nhân	4,96%	121	121	2,90	Khá	
10	2027200070	ĐINH PHẠM MINH	QUÂN	Nam	22/06/2000	11DHCM1_CN	Cử nhân	24,79%	121	121	2,39	Trung bình	
11	2027224021	NGUYỄN NGỌC BÌNH	QUYÊN	Nữ	03/11/2003	13DHCM02_CN	Cử nhân	7,44%	121	122	2,44	Trung bình	
12	2027225197	HUỲNH THỊ MINH	THƯ	Nữ	28/09/2004	13DHCM01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,56	Giỏi	
13	2027225067	LÊ THỊ PHƯƠNG	THUỲ	Nữ	29/06/2004	13DHCM02_CN	Cử nhân	4,13%	121	121	2,46	Trung bình	
14	2027225125	CAO THỊ ANH	THÚY	Nữ	04/06/2004	13DHCM02_CN	Cử nhân	0,00%	121	121	2,92	Khá	
15	2027225119	ĐẶNG THỊ THANH	THÚY	Nữ	24/03/2004	13DHCM01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,24	Giỏi	
16	2027225440	CAO PHƯƠNG	TRÂM	Nữ	02/04/2004	13DHCM02	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,42	Giỏi	
17	2027224583	NGUYỄN LÂM THANH	TUYỀN	Nữ	30/09/2004	13DHCM01	Kỹ sư	0,00%	151	151	2,90	Khá	

18	2027218565	NGUYỄN NGỌC KIM	TUYỀN	Nữ	13/01/2003	12DHCM02_CN	Cử nhân	4,13%	121	121	2,32	Trung bình	
19	2027224615	HỒ NGỌC ÁNH	TUYẾT	Nữ	11/09/2003	13DHCM01	Kỹ sư	0,00%	151	153	3,51	Giỏi	
20	2027225737	LÊ THỊ MỸ	UYÊN	Nữ	17/01/2004	13DHCM01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,22	Giỏi	
21	2027225742	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	UYÊN	Nữ	02/02/2004	13DHCM02	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,05	Khá	

Ngành: Kế toán

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Bằng tốt nghiệp	Tỷ lệ học lại	TC TK	TC TL	TBCTL	Xếp loại TN	Ghi chú
1	2007220478	HUỲNH NGỌC BẢO	CHÂU	Nữ	21/11/2004	13DHKT_TD	Cử nhân	14,88%	121	121	2,34	Trung bình	
2	2007206418	BÙI CHÍ	CÔNG	Nam	03/12/2002	11DHKT11	Cử nhân	4,96%	121	123	2,08	Trung bình	
3	2007206480	TẠ THỊ THUỲ	DUNG	Nữ	06/09/2002	11DHKT2	Cử nhân	18,18%	121	123	2,10	Trung bình	
4	2007221083	TRẦN THỊ THU	HÀ	Nữ	25/10/2004	13DHKT04	Cử nhân	2,48%	121	121	2,72	Khá	
5	2007210267	CHU ĐẶNG GIA	HÂN	Nữ	16/07/2003	12DHKT07	Cử nhân	18,18%	121	121	2,63	Khá	
6	2007200301	LÊ THỊ	HẰNG	Nữ	17/02/2002	11DHKT9	Cử nhân	0,00%	121	121	2,57	Khá	
7	2007202069	DƯ MỸ	HIỀN	Nữ	03/05/2002	11DHKT10	Cử nhân	2,48%	121	121	2,56	Khá	
8	2007214688	NGUYỄN THỊ	HUỆ	Nữ	19/07/2003	12DHKT09	Cử nhân	2,48%	121	121	2,52	Khá	
9	2007221981	NGUYỄN TRỌNG AN	KHANG	Nam	13/06/2004	13DHKT_TD	Cử nhân	0,00%	121	121	2,63	Khá	
10	2007210893	HÀ NGỌC	NGÂN	Nữ	02/10/2003	12DHKT05	Cử nhân	0,00%	121	121	2,51	Khá	
11	2007222861	LƯU HOÀNG THANH	NGÂN	Nữ	05/03/2004	13DHKT01	Cử nhân	0,00%	121	121	2,81	Khá	
12	2007223288	HUỲNH THỊ XUÂN	NHI	Nữ	25/02/2004	13DHKT04	Cử nhân	1,65%	121	121	2,53	Khá	
13	2007214805	NGUYỄN THỊ HOÀI	NHI	Nữ	13/04/2003	12DHKT11	Cử nhân	0,00%	121	121	2,55	Khá	
14	2007223301	PHAN TUỆ	NHI	Nữ	23/06/2004	13DHKT04	Cử nhân	0,00%	121	121	3,12	Khá	
15	2007206441	LÊ THỊ HẢI	NHI	Nữ	02/08/2002	11DHKT11	Cử nhân	6,61%	121	121	2,08	Trung bình	
16	2007223582	SÚ THẾ	PHÁT	Nam	05/03/2004	13DHKT04	Cử nhân	0,00%	121	121	2,77	Khá	
17	2007206281	VÕ HỒNG NHẬT	PHÚ	Nữ	19/08/2002	11DHKT12	Cử nhân	4,96%	121	121	2,19	Trung bình	
18	2007223824	NGUYỄN HÀ	PHƯƠNG	Nữ	10/05/2004	13DHKT03	Cử nhân	4,13%	121	121	2,26	Trung bình	
19	2007223821	NGUYỄN THỊ LAN	PHƯƠNG	Nữ	22/09/2004	13DHKT_TD	Cử nhân	2,48%	121	121	2,65	Khá	
20	2007210425	NGUYỄN ĐẶNG KIM	QUÝ	Nữ	21/05/2003	12DHKT01	Cử nhân	6,61%	121	121	2,19	Trung bình	

21	2007224138	LÊ NGỌC	SANG	Nam	06/12/2004	13DHKT_TD	Cử nhân	0,00%	121	121	3,01	Khá	
22	2007200286	NGUYỄN NGỌC	THÀNH	Nam	26/12/2002	11DHKT5	Cử nhân	18,18%	121	121	2,13	Trung bình	
23	2007200445	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	Nữ	14/04/2002	11DHKT1	Cử nhân	4,13%	121	121	2,26	Trung bình	
24	2007225013	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THU	Nữ	16/05/2004	13DHKT03	Cử nhân	0,00%	121	123	2,50	Khá	
25	2007206501	ĐOÀN THỊ THU	TRANG	Nữ	04/11/2001	11DHKT10	Cử nhân	2,48%	121	124	2,02	Trung bình	
26	2007200466	TRỊNH THỊ THÙY	TRANG	Nữ	26/01/2002	11DHKT3	Cử nhân	13,22%	121	123	2,54	Khá	
27	2007210678	VŨ THỊ KIM	TRÚC	Nữ	02/12/2003	12DHKT12	Cử nhân	16,53%	121	125	2,22	Trung bình	

Ngành: Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Bằng tốt nghiệp	Tỷ lệ học lại	TC TK	TC TL	TBCTL	Xếp loại TN	Ghi chú
1	2024218970	HUỲNH THỊ KIM	CHI	Nữ	15/03/2003	12DHQTDVLH02	Cử nhân	0,00%	121	123	2,83	Khá	
2	2024220994	NGUYỄN MINH	ĐOÀN	Nam	12/02/2004	13DHQTDVLH02	Cử nhân	0,00%	121	121	3,10	Khá	
3	2024221050	NGUYỄN THỊ BÍCH	GIANG	Nữ	13/09/2004	13DHQTDVLH02	Cử nhân	3,31%	121	121	2,83	Khá	
4	2024221791	NGUYỄN TẤN	HƯNG	Nam	21/09/2004	13DHQTDVLH02	Cử nhân	0,00%	121	121	2,94	Khá	
5	2024210185	DƯƠNG ĐÌNH	KHANG	Nam	12/01/2003	12DHQTDVLH01	Cử nhân	1,65%	121	123	2,59	Khá	
6	2024219000	THÒNG ĐỨC	KHANG	Nam	05/12/2003	12DHQTDVLH02	Cử nhân	9,09%	121	122	2,85	Khá	
7	2024209184	NGUYỄN NGỌC	MINH	Nam	12/07/2002	11DHQTDVLH5	Cử nhân	4,13%	121	122	2,29	Trung bình	
8	2024222719	NGUYỄN HỒNG HÀ	MY	Nữ	06/09/2004	13DHQTDVLH02	Cử nhân	0,00%	121	121	3,11	Khá	
9	2024222905	HỒ THỊ THU	NGÂN	Nữ	18/06/2004	13DHQTDVLH02	Cử nhân	3,31%	121	121	2,86	Khá	
10	2024223570	NGÔ THỊ THÙY	OANH	Nữ	25/09/2004	13DHQTDVLH01	Cử nhân	1,65%	121	127	2,76	Khá	
11	2024225184	NGUYỄN HUỲNH ANH	THƯ	Nữ	03/07/2004	13DHQTDVLH02	Cử nhân	1,65%	121	121	3,16	Khá	
12	2024225131	LÊ TRỌNG CẨM	THÚY	Nữ	23/08/2004	13DHQTDVLH02	Cử nhân	0,00%	121	121	3,20	Giỏi	
13	2024225445	HÀ THỊ	TRÂM	Nữ	20/03/2004	13DHQTDVLH02	Cử nhân	2,48%	121	121	2,89	Khá	
14	2024225530	LÊ THỊ BẢO	TRÂN	Nữ	08/03/2004	13DHQTDVLH02	Cử nhân	0,00%	121	122	3,22	Giỏi	
15	2024202115	NGUYỄN THỤY TUYẾT	TRINH	Nữ	10/12/2002	11DHQTDVLH4	Cử nhân	29,75%	121	125	3,01	Khá	
16	2024224493	NGUYỄN THỊ	TÚ	Nữ	13/10/2003	13DHQTDVLH02	Cử nhân	0,00%	121	121	2,93	Khá	
17	2024219089	NGUYỄN THỤY BẢO	UYÊN	Nữ	06/06/2003	12DHQTDVLH03	Cử nhân	30,58%	121	123	2,56	Khá	

18	2024225828	TRƯƠNG THỊ MỸ	VI	Nữ	09/09/2004	13DHQTDVLH02	Cử nhân	0,00%	121	121	3,09	Khá	
19	2024226080	NGUYỄN THỊ NHƯ	Ý	Nữ	21/02/2004	13DHQTDVLH02	Cử nhân	0,00%	121	121	3,03	Khá	
20	2024226138	DƯƠNG HOÀNG	YẾN	Nữ	05/12/2004	13DHQTDVLH02	Cử nhân	1,65%	121	121	3,26	Giỏi	

Ngành: Luật kinh tế

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Bằng tốt nghiệp	Tỷ lệ học lại	TC TK	TC TL	TBCTL	Xếp loại TN	Ghi chú
1	2037220937	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	Nam	29/10/2004	13DHKTL01	Cử nhân	0,00%	121	123	3,26	Giỏi	
2	2037221116	ĐỖ NGUYỄN BÍCH	HÀ	Nữ	07/06/2004	13DHKTL03	Cử nhân	0,00%	121	121	3,41	Giỏi	
3	2037221085	TRẦN THỊ DUNG	HÀ	Nữ	09/08/2004	13DHKTL01	Cử nhân	0,00%	121	121	3,22	Giỏi	
4	2037221370	NGUYỄN THỊ MINH	HIỀN	Nữ	08/10/2004	13DHKTL02	Cử nhân	2,48%	121	121	3,27	Giỏi	
5	2037222292	CAM THỊ PHƯƠNG	LINH	Nữ	10/03/2004	13DHKTL02	Cử nhân	0,00%	121	121	3,17	Khá	
6	2037223055	TRẦN THỊ BÉ	NGỌC	Nữ	22/07/2004	13DHKTL02	Cử nhân	0,00%	121	121	3,14	Khá	
7	2037223096	TRƯƠNG TRẦN BẢO	NGỌC	Nữ	12/08/2004	13DHKTL02	Cử nhân	2,48%	121	121	2,99	Khá	
8	2037223264	NGUYỄN HOÀNG MINH	NHẬT	Nam	17/04/2004	13DHKTL02	Cử nhân	2,48%	121	121	3,32	Giỏi	
9	2037210528	ĐẶNG NGUYỄN YẾN	NHI	Nữ	24/09/2003	12DHKTL04	Cử nhân	3,31%	121	123	3,22	Giỏi	
10	2037215186	NGUYỄN LÊ THẢO	NHI	Nữ	16/01/2003	12DHKTL08	Cử nhân	0,00%	121	121	2,82	Khá	
11	2037223361	PHẠM THỊ XUÂN	NHI	Nữ	02/05/2004	13DHKTL01	Cử nhân	0,00%	121	121	3,13	Khá	
12	2037230317	PHÙNG HOÀNG	PHÚC	Nam	05/12/2005	14DHKTL02	Cử nhân	0,00%	121	121	3,42	Giỏi	
13	2037215314	PHẠM NGUYỄN HƯƠNG	TRÀ	Nữ	25/03/2003	12DHKTL08	Cử nhân	17,36%	121	121	3,26	Giỏi	
14	2037225429	NGUYỄN BẢO	TRÂM	Nữ	27/03/2004	13DHKTL03	Cử nhân	0,00%	121	121	3,39	Giỏi	
15	2037225683	DƯƠNG VĂN	TRUNG	Nam	22/09/2004	13DHKTL01	Cử nhân	3,31%	121	121	3,29	Giỏi	
16	2037225788	NGUYỄN DIỆP TƯỜNG	VÂN	Nữ	26/04/2004	13DHKTL02	Cử nhân	1,65%	121	121	3,30	Giỏi	
17	2037225991	LÊ KHÁNH	VY	Nữ	14/07/2004	13DHKTL01	Cử nhân	0,00%	121	121	3,41	Giỏi	
18	2037230526	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG	VY	Nữ	15/08/2002	14DHKTL06	Cử nhân	0,00%	121	121	3,90	Xuất sắc	

Ngành: Khoa học dinh dưỡng và ẩm thực

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Bằng tốt nghiệp	Tỷ lệ học lại	TC TK	TC TL	TBCTL	Xếp loại TN	Ghi chú
1	2028220602	PHAN THỊ NGỌC	DIỄM	Nữ	27/11/2004	13DHDD01_CN	Cử nhân	0,00%	121	121	2,74	Khá	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Bằng tốt nghiệp	Tỷ lệ học lại	TC TK	TC TL	TBCTL	Xếp loại TN	Ghi chú
2	2028210165	NGUYỄN HOÀNG	DIỆP	Nữ	24/06/2003	12DHDD01	Kỹ sư	0,00%	151	153	3,11	Khá	
3	2028220838	HUỲNH LÝ THÙY	DƯƠNG	Nữ	03/01/2004	13DHDD01_CN	Cử nhân	8,26%	121	129	2,80	Khá	
4	2028221234	PHẠM DIỄM	HẰNG	Nữ	08/10/2004	13DHDD02_CN	Cử nhân	4,96%	121	121	2,70	Khá	
5	2028218850	LÊ THÁI	HƯNG	Nam	16/06/2003	12DHDD02	Kỹ sư	1,32%	151	153	2,87	Khá	
6	2028209055	TRẦN THỊ NHẬT	LỆ	Nữ	16/01/2002	11DHDD2	Kỹ sư	1,32%	151	151	2,95	Khá	
7	2028218859	LƯƠNG TRẦN	LONG	Nam	02/12/2003	12DHDD02_CN	Cử nhân	14,05%	121	123	2,23	Trung bình	
8	2028223180	DƯƠNG THỜI	NGUYÊN	Nam	07/02/2004	13DHDD01	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,09	Khá	
9	2028210107	NGUYỄN THỊ TIẾT	NHI	Nữ	03/06/2003	12DHDD01_CN	Cử nhân	5,79%	121	121	2,33	Trung bình	
10	2028218890	NGUYỄN LÝ MINH	NHỰT	Nam	16/02/2003	12DHDD01_CN	Cử nhân	5,79%	121	125	2,43	Trung bình	
11	2028223681	VÕ HỒNG	PHONG	Nam	18/11/2004	13DHDD02_CN	Cử nhân	3,31%	121	121	2,75	Khá	
12	2028210113	HUỲNH MỸ	PHƯƠNG	Nữ	13/11/2003	12DHDD01_CN	Cử nhân	4,96%	121	125	2,60	Khá	
13	2028223893	TRẦN ĐỨC	PHƯƠNG	Nữ	20/02/2004	13DHDD01_CN	Cử nhân	0,00%	121	121	2,95	Khá	
14	2028224846	NGUYỄN PHẠM HỒNG	THẮM	Nữ	15/10/2004	13DHDD01_CN	Cử nhân	0,00%	121	121	2,68	Khá	
15	2028224696	LÊ PHẠM NHẬT	THANH	Nam	20/09/2004	13DHDD01_CN	Cử nhân	0,00%	121	121	2,43	Trung bình	
16	2028225306	VÕ NGUYỄN NGỌC	THƯƠNG	Nữ	11/10/2004	13DHDD02	Kỹ sư	0,00%	151	151	3,03	Khá	
17	2028210024	HOÀNG UYÊN	THY	Nữ	15/07/2003	12DHDD01_CN	Cử nhân	4,96%	121	121	2,44	Trung bình	
18	2028210182	NGUYỄN LÊ XUÂN	TRANG	Nữ	09/04/2003	12DHDD02	Kỹ sư	8,61%	151	151	2,25	Trung bình	
19	2028225615	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	TRINH	Nữ	22/03/2004	13DHDD02_CN	Cử nhân	0,00%	121	121	3,02	Khá	
20	2028218938	TRẦN BẢO	TRUNG	Nam	03/01/2002	12DHDD02_CN	Cử nhân	2,48%	121	121	2,55	Khá	
21	2028225768	NGUYỄN HÀ PHƯƠNG	UYÊN	Nữ	05/01/2004	13DHDD02_CN	Cử nhân	0,00%	121	121	3,07	Khá	
22	2028210181	LÂM TIỂU	VI	Nữ	19/06/2003	12DHDD01_CN	Cử nhân	17,36%	121	121	2,13	Trung bình	
23	2028225921	NGUYỄN ĐỨC	VƯƠNG	Nam	19/10/2004	13DHDD02_CN	Cử nhân	0,00%	121	121	2,72	Khá	

Tổng **1667** Sinh viên

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP.HCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Kèm theo QĐ số: 4813 /QĐ-DCT ngày 27 tháng 10 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công Thương Tp. Hồ Chí Minh)

2026_Đợt xét tốt nghiệp Tháng 10

Hệ : Đại học Vừa làm vừa học

Ngành: Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Bằng tốt nghiệp	Tỷ lệ học lại	TC TK	TC TL	TBCTL	Xếp loại TN	Ghi chú
1	2024209408	NGUYỄN PHƯƠNG HIẾU	ÂN	Nam	17/07/2002	11DHQTDVLH_VL	Cử nhân	6,61%	121	126	2,50	Khá	

Ngành: Ngôn ngữ Anh

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Bằng tốt nghiệp	Tỷ lệ học lại	TC TK	TC TL	TBCTL	Xếp loại TN	Ghi chú
1	2029191180	NGUYỄN THỊ KIM	ANH	Nữ	03/06/2001	10DHAV_LV	Cử nhân	9,09%	121	121	3,11	Khá	
2	2029205017	LÊ QUỐC	HÙNG	Nam	31/10/2002	11DHAV_LV	Cử nhân	19,83%	121	130	2,51	Khá	
3	2029190401	NGUYỄN MINH	THY	Nữ	16/11/2000	10DHAV_LV	Cử nhân	12,40%	121	126	2,25	Trung bình	

Ngành: Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Bằng tốt nghiệp	Tỷ lệ học lại	TC TK	TC TL	TBCTL	Xếp loại TN	Ghi chú
1	2002130043	TRẦN HỮU	HOÀNG	Nam	30/05/1995	04DHDT_LV	Cử nhân	7,75%	142	142	2,38	Trung bình	

Ngành: Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Bằng tốt nghiệp	Tỷ lệ học lại	TC TK	TC TL	TBCTL	Xếp loại TN	Ghi chú
1	2032180113	LÊ HOÀNG	KHA	Nam	22/06/1999	09DHTDH_LV	Cử nhân	20,00%	120	123	2,51	Khá	

Ngành: Công nghệ thông tin

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Bằng tốt nghiệp	Tỷ lệ học lại	TC TK	TC TL	TBCTL	Xếp loại TN	Ghi chú
1	2001170087	PHẠM CAO	KỲ	Nam	24/09/1999	08DHTH3_LV	Cử nhân	57,50%	120	123	2,40	Trung bình	
2	2001190215	TRẦN GIA	PHÚC	Nam	14/02/1999	10DHTH1_LV	Cử nhân	19,01%	121	129	2,67	Khá	
3	2001190749	DƯƠNG BẢO	PHƯỚC	Nam	23/03/2001	10DHTH5_LV	Cử nhân	26,45%	121	123	2,08	Trung bình	
4	2001160630	NGUYỄN THANH	THẮNG	Nam	01/07/1998	07DHTH5_LV	Cử nhân	8,80%	125	128	2,72	Khá	
5	2001190840	LÊ HOÀNG NHẤT	THỐNG	Nam	13/10/2001	10DHTH1_LV	Cử nhân	42,98%	121	133	2,73	Khá	
6	2001190273	NGUYỄN ĐẠT	THỐNG	Nam	06/04/2001	10DHTH8_LV	Cử nhân	22,31%	121	125	2,69	Khá	

Ngành: Quản trị kinh doanh

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Bằng tốt nghiệp	Tỷ lệ học lại	TC TK	TC TL	TBCTL	Xếp loại TN	Ghi chú
1	2013201187	NGUYỄN THỊ MỸ	LIÊN	Nữ	15/12/2001	11DHQT_LV	Cử nhân	17,36%	121	121	2,21	Trung bình	

Ngành: Công nghệ chế tạo máy

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Bằng tốt nghiệp	Tỷ lệ học lại	TC TK	TC TL	TBCTL	Xếp loại TN	Ghi chú
1	2003160293	LÊ ĐỨC QUANG	MINH	Nam	16/07/1998	07DHCK_LV	Cử nhân	46,40%	125	135	2,12	Trung bình	
2	2003160062	THẠCH BẢO	QUÂN	Nam	16/04/1998	07DHCK_LV	Cử nhân	33,60%	125	130	2,63	Khá	

Ngành: Quản trị khách sạn

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Bằng tốt nghiệp	Tỷ lệ học lại	TC TK	TC TL	TBCTL	Xếp loại TN	Ghi chú
1	2038209437	DƯƠNG BÍCH HOÀI	NGỌC	Nữ	30/05/2002	11DHQTKS_LV	Cử nhân	0,00%	121	121	2,75	Khá	

Ngành: Công nghệ vật liệu

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Bằng tốt nghiệp	Tỷ lệ học lại	TC TK	TC TL	TBCTL	Xếp loại TN	Ghi chú
1	2026170063	NGUYỄN LƯU GIA	SƠN	Nam	12/04/1999	08DHVL_VLVH	Cử nhân	28,33%	120	123	2,24	Trung bình	

Tổng **17** Sinh viên